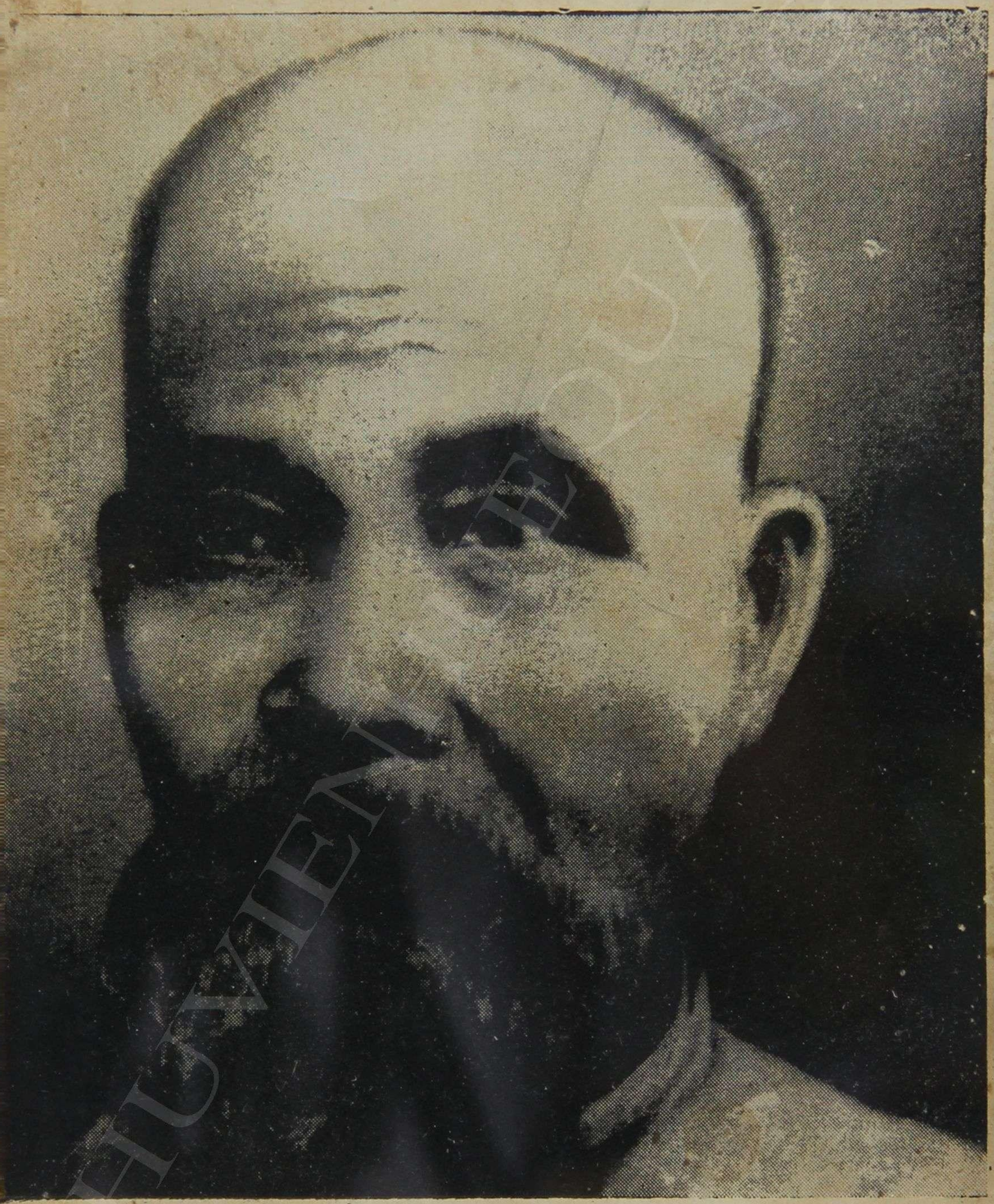
# TƯ TƯỞNG



BẢN QUYỀN

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

8 & 9 11-12/1973

PHAN BỘI CHÂU

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

# TƯ TƯỞNG

VIỆN ĐẠI HỌC VẠN HẠNH CHỦ TRƯƠNG
NĂM THỨ VI, SỐ 8 THÁNG 11-12 NĂM 1973

*Chủ Nhiệm* : T.T. THÍCH MINH CHÂU

*Tổng Thư Ký* : G.S. ĐOÀN VIẾT HOẠT

*BAN BIÊN TẬP* :

*Ngành Phật Học* : T.T. THÍCH QUẢNG ĐỘ, Đ.Đ. TUỆ SỸ, Đ.Đ. CHƠN HẠNH

*Ngành Văn Học* : T.T. THÍCH THUYỀN ẤN, GS. NGUYỄN ĐĂNG THỤC, GS. LÊ KIM NGÂN

*Ngành Khoa Học Xã Hội* : Đ.Đ. THÍCH GIÁC ĐỨC, GS. BÙI TƯỜNG HUÂN

*Ngành Giáo Dục* : Đ.Đ. THÍCH NGUYÊN HỒNG.

ĐẠI HỌC VẠN HẠNH
DUY TUỆ THỊ NGHIỆP

**Tòa soạn và Trị sự: 222 Trương Minh Giảng Sg 3, Đ.T 25.946**

- Nguyệt san xuất bản do Nghị định số : 521/BTT/HCBC ngày 20 - 4 - 1970.
- Chi phiếu, Bưu phiếu xin gửi T.T. THÍCH MINH CHÂU (Chủ Nhiệm).
- Thư từ, bản thảo, xin gửi ông ĐOÀN VIẾT HOẠT (Tổng Thư ký).
- Giao dịch trực tiếp, ông NGUYỄN HIỀN (Thư ký Tòa soạn), nơi Văn phòng Tòa Viện Trưởng.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

*Chủ Đề :*

# Ý NGHĨA
# NGÀY KỶ NIỆM
# PHAN BỘI CHÂU

Nguyệt san TƯ TƯỞNG do Viện Đại Học Vạn Hạnh chủ trương, phát hành 10 số một năm, kể từ đầu tháng 3 mỗi năm.

TƯ TƯỞNG nhằm giới thiệu các công trình nghiên cứu và sáng tạo của các Học giả, các nhà Nghiên cứu và Giáo sư tại Đại Học Vạn Hạnh cũng như các Đại Học khác. *Ý kiến do các tác giả phát biểu không nhất thiết phản ánh quan điểm chính thức của Viện Đại Học Vạn Hạnh.*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

# Ý NGHĨA NGÀY KỶ NIỆM PHAN BỘI CHÂU

*Kỷ niệm Phan Bội Châu tổ chức ở Đại học Vạn Hạnh trước hết là mong mỏi cho các Đại học Việt nam mới thành lập cách đây không bao lâu không thành các Cao đẳng chuyên môn mà thực sự là một Đại học, nghĩa là có được linh hồn của nó, hồn dân tộc.*

Chứa chan máu quốc Nước vẫn vơ hồn !

**(Phan Bội Châu, Văn tế Phan Tây Hồ)**

*Suốt lịch sử cách mệnh dân tộc Việt nam hiện đại từ Phan Đình Phùng cho tới Nguyễn Thái Học, núi xương sông máu, hai Cụ Phan nhất là Phan Bội Châu thực tiêu biểu cho cái ý chí quật cường bền bỉ, dẻo dai của dân tộc Việt nam.*

生不能除天下恚，
死不能洩意中仇
長恨茫茫，監水鴻山千古在。

THƯ VIỆN HUỆ QUANG
TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM

前乎此戲局方終
後乎此舞臺初起
幅人咄咄歐風亞雨八方來

（潘佩珠）

*Sinh bất năng trừ thiên hạ hoạn.*

*Tử bất năng tiết ý trung cừu.*

*Trường hận mang mang. Lam thủy Hồng sơn thiên cổ tại.*

*Tiền hồ thử hý cục phương chung,*

*Hậu hồ thử vũ đài sơ khởi,*

*Bức nhân đốt đốt, Âu phong Á vũ bất phương lai.*

**(Phan Bội Châu)**

**Tạm dịch :**

*Sống không trừ nổi lo thiên hạ,*

*Chết chửa nguôi trong ý oán cừu.*

*Lòng giận mang mang gửi lại non sông muôn thủa.*

*Màn hý kịch trước đà buông xuống*

*Đài đấu tranh sau vội mở lên*

*Giục người đan đắn gió Âu mưa Á ngập trời.*

*Đây là tiếng nói giờ phút cuối cùng của Cụ Phan Bội Châu ngày 29-10-1940.*

*Đấy là cái hồn của Quốc học, cái học thành người không phải chỉ có tri thức chuyên môn mà còn cả một triết lý về sự sống như Cụ Phan đã sống một đời hy sinh tính mạng cho nòi giống, cho tổ quốc mà Cụ thương yêu. Và Cụ đã đem cái tinh thần ấy ứng dụng vào cái học Quốc học thích hợp cho Việt nam ngày nay như Cụ đã mở đầu bộ sách « Khổng học đăng » :*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

*« Học cũ vẫn không phải trần hủ, mà học mới vẫn không phải phù hoa. Nếu học cho đến tinh thần thời ví như làm nhà : học cũ là nền tảng, mà học mới tức là tài liệu ; hai bên vẫn có thể giùm cho nhau làm nên một tòa nhà hoa mỹ. Chẳng bao giờ không tài liệu mà làm nên nhà ; và cần thứ nhất là chẳng bao giờ không nền tảng mà dựng được nhà. Tác giả viết bản sách này là muốn điều hòa học cũ với học mới ; hai bên tương thành cùng nhau, mà quyết không tương phản.*

*Tác giả nói học cũ là nói chân triết lý của Á châu từ thủa xưa, nói học mới là nói khoa học, khoa học tối tân thiệt có ích lợi với nhân sinh của thế giới bây giờ ».*

**(Khổng học đăng)**

*Sinh viên Vạn Hạnh cũng như tất cả sinh viên toàn quốc hiện nay chúng ta ngày nay muốn xây dựng lại ngôi nhà Việt nam cho bền vững, cho hoa mỹ tốt đẹp không thể không trung thành ứng dụng bài học thực nghiệm sống động Cụ Phan đã toát yếu trên đây mà thế giới đang mong mỏi :*

*« Chân triết lý của Á châu từ thủa xưa với khoa học tối tân của thế giới ngày nay ! »*

*Tức là Đạo học với Khoa học !*

*Đây là ý nghĩa buổi lễ kỷ niệm nhà Đại chí sĩ, Đại cách mệnh dân tộc Việt nam hiện đại : Phan Sào Nam !*

TƯ TƯỞNG

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

## TU THƯ VIỆN ĐẠI HỌC VẠN HẠNH

*Đã phát hành :*

# 1. TRUNG BỘ KINH tập I

Tỷ Kheo **THÍCH MINH CHÂU** *dịch*

Pāli - Việt đối chiếu ; có thêm phần chú thích.

# 2. CÁC TÔNG PHÁI CỦA ĐẠO PHẬT

*(Nguyên tác :* The Essentials of Buddhism Philosophy của **JUNJIRO TAKAKUSU, TUỆ SỸ** *dịch.*

Sách trình bày những điểm tinh túy của triết học Phật giáo, qua các tông phái Đại thừa, Tiểu thừa và đã được liệt vào số sách phải đọc trong chương trình Tiến sĩ Phật học của các Viện Đại học thế giới.

*Phát hành nhân lễ Thành Đạo :*

ABHIDHAMMATTHASAṄGAHA

# 3. THẮNG PHÁP TẬP YẾU LUẬN tập II

hay *MÔN TÂM LÝ HỌC CỦA ĐẠO PHẬT*

Tỷ Kheo **THÍCH MINH CHÂU** *dịch và giải*

... « Đây là quyển sách căn bản cho những ai muốn tham học tạng A Tỳ Đàm và trở thành sách đầu giường cho chư Tăng Miến, Tích lan, Thái lan...

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

• Nguyễn Đăng Thục

# DÂN TRỊ VÀ QUÂN TRỊ
# HAI CHỦ NGHĨA, MỘT TÂM HỒN

LỊCH sử Quốc gia dân tộc Việt nam cận đại kể từ phong trào Cần Vương Phan Đình Phùng cho đến sau khi Thế chiến thứ I, có hai nhà lãnh tụ danh tiếng nhất, ấy là Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh mà ai nấy đều nhận thấy đặc trưng cho hai khuynh hướng, hai chủ nghĩa cách mệnh quân chủ và dân chủ, một đàng hướng sang Nhật, một đàng hướng sang Pháp.

Năm 1906 Phan Chu Trinh Đông du để gặp nhà lãnh tụ Phan Bội Châu đã rước Kỳ ngoại hầu lên làm Hội chủ cho phong trào phục quốc. Hai Cụ đã gặp nhau ở Hoành tân. Lời Cụ

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Phan Bội Châu viết ở Ngục Trung thư : « Phan quân (chỉ Phan Chu Trinh) đi chuyến này, muốn khảo sát tình trạng nước Nhật. Khi đã gặp tôi, liền cùng tôi và Hội chủ (tức Cường Để) đều sang Nhật, đến Hoành tân đã là hạ tuần tháng tư (năm Bính Ngọ 1906).

Tôi dẫn Phan Chu Trinh đi xem khắp các trường học cùng những nơi danh tiếng Đông kinh và tiếp kiến với các danh nhân Nhật bản. Được mấy tuần, Phan quân bảo tôi rằng :

« Xem trình độ dân trí nước Nhật, so sánh với dân ta thật không khác gì con gà con với con quạ già. Nay Đại huynh ở đây, nên đem hết sức vào việc văn chương để mở mang trí tuệ cho người ngu tối, còn cái chức trách khai đạo ở trong nước, tôi xin gánh vác. Lưỡi tôi hãy còn, người Pháp cũng không thể làm gì tôi được ».

Tôi cho lời Phan quân là phải bèn viết tập đầu cuốn « Hải ngoại huyết thư » nhân dịp Phan quân về nước, đem theo về. Tôi đối với người nước mà khua chiêng sớm, dóng trống chiều để cảnh tỉnh, cuốn sách này là kế tiếp cuốn « Huyết lệ tân thư » mà ra đời vậy.

**(Ngục Trung thư — Phùng Triển dịch, Quang Trung thư xã — Hà nội 1946)**

Ở đây chúng ta nhận thấy biểu lộ điểm dị đồng của hai nhà cách mệnh. Một đàng hướng về Nhật bản, vì Nhật bản mới thắng trận oai hùng oanh liệt làm cho toàn thế giới kinh ngạc ở trận Nga — Nhật tại Portsmouth, một tiểu quốc da vàng chiến thắng một đại quốc da trắng lần đầu tiên trong khi tất cả Á châu đều bị Âu châu đô hộ.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Phan Bội Châu sở dĩ ngưỡng vào Nhật bản là theo cái tinh thần chính trị Nho giáo truyền thống « Đại sự tiểu, cường phù nhược. » Lớn cứu nhỏ, mạnh giúp yếu. Sau khi thành lập hội cách mệnh kháng Pháp có Cường Để làm Hội chủ, được nhân sĩ từ Bắc chí Nam hưởng ứng, Phan Bội Châu liền nghĩ đến xuất dương sang Nhật bản cầu cứu khí giới.

Các yếu nhân Nhật bảo tôi rằng :

« Phàm những nước đồng châu, đồng chủng thì quốc dân Nhật bản rất muốn giúp đỡ song việc này quan hệ đến quốc tế, tất phải yêu cầu chính phủ ngầm nhận cho mới được. Trận chiến tranh với Nga vừa xong, chính phủ chưa có thì giờ nghĩ đến việc khác, hãy chờ đợi ít nữa. Dân đảng chúng tôi vì ông mà hết lòng, tất có ngày đạt được mục đích. Rồi các yếu nhân Nhật lại hỏi tôn chỉ của đảng tôi là quân chủ hay dân chủ ? » Tôi đáp :

« Mục đích của đảng tôi, chỉ là đánh đuổi người Pháp, lấy lại nền độc lập cho nước tôi. Còn về Quân chủ hay Dân chủ lại là một vấn đề khác. Song có lịch sử nước tôi từ xưa đến nay, cùng với trình độ dân trí hiện tại, thời quân chủ là thích hợp hơn. Đảng tôi sở dĩ mưu việc ủng hộ vì hoàng thân Kỳ ngoại hầu cũng là dự bị về quân chủ đó ».

(Sách chỉ dẫn trên)

Xem thế đủ biết đối với Phan Bội Châu chế độ quân chủ hay dân chủ chỉ là phương tiện mà cứu cánh là nền độc lập của dân tộc, giải phóng khỏi sự đô hộ ngoại lai của thực dân Pháp. Tuy nhiên không cuồng tín vào chủ nghĩa nào mà chỉ

nhằm vào mục đích độc lập dân tộc, nhưng Phan Bội Châu cũng đã viết cho Phan Chu Trinh lá thơ gay gắt khi Phan Chu Trinh đề xướng chủ nghĩa dân chủ :

« Hy Mã Đại Huynh.

« Ngó sang Đông thẹn thùng cùng nước Nhật, ngoảnh về Nam bùi ngùi với nước Nam, thẫn thờ chiếc bóng, bốn bề không nhà. Lúc này chính tôi đang lâm vào tình trạng dở chết dở sống khạc chẳng ra mà nuốt chẳng vào.

« Gần đây được tin Đại Huynh cùng các anh em đồng chí với những nghị luận ý chí mới mẻ tẩy trừ những não cố hủ để hấp dẫn những tư tưởng mới làm cho tinh thần tôi vô cùng dũng dược. Với tài hèn sức mọn, ước gì có cánh thì bay, có sừng thì chạn, tình trạng nước nhà đã đến bước may mắn này rồi chăng ? Phải chăng ý kiến Đại Huynh phát xuất bởi một não bào chứa đựng những điện ảnh làm chúng tôi lòa mắt.

« Nhưng than ôi ! Mấy mươi năm lặn hụp trong ao tù nô lệ lý thuyết hủ nho vua tôi, biết đâu những chuyện Lô Thoa (J.J. Rousseau), Mạnh Đức (Montesquieu).

« Nay nghe Đại Huynh đề xướng thuyết dân chủ như một tiếng sét xé trời, tâm sự ấy, lý luận ấy, ai mà chẳng thán phục.

«Nước ta mấy ngàn năm, bây giờ ai đã biết thuyết dân chủ là gì, nay bỗng nhiên mọi người trố mắt nhìn và ùa chạy theo với những lý thuyết đang khát vọng ấy.

«Nhưng thưa Đại Huynh, trình độ nhân dân Việt nam hiện nay hãy còn ấu trỉ như răng chưa cứng, chưn chưa mạnh, nếu sử dụng mà nhai mà đi, thì sao đang nổi ».

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

«Nhân dân Việt nam so với Âu Tây hãy còn kém xa họ lắm, như người còn đau, đang đâu nổi gánh nặng. Nhân dân ngu muội đói khổ, nay mình đem hết những lý luận cao siêu mà áp dụng, không sao tránh khỏi những việc lao đao ngả nghiêng.

« Nay đem ra một lý thuyết mà người ta chưa biết đầu biết đuôi, rõ phía Nam phía Bắc, chỉ hô lên một tiếng đã kiếm được mấy người hưởng ứng cho. Tình trạng như thế, việc hợp quần còn khó lắm. Đại Huynh ạ ! Rồi sẽ vì ý kiến xung đột hành động mâu thuẫn nhau. Ôi dân chủ « Dân » không còn nữa thì « Chủ » vào đâu ? Lúc bấy giờ Đại Huynh có bầu nhiệt huyết cũng không còn chỗ thi thố nữa. »

« Khi Đại Huynh nghe tôi nói như vậy, chắc sẽ chửi rằng : Đồ tồi, căn tính nô lệ vẫn còn ! Nhưng thưa Đại Huynh, tôi đâu phải muốn làm nô lệ ! Chẳng những bản thân tôi, mà còn muốn làm cho đồng bào thoát khỏi vòng nô lệ. Lý luận không đi sát thực tế để thi hành, thì chỉ là một việc tai hại. Vậy tôi đề nghị với Đại Huynh, với tình trạng nước ta, hãy chờ ít lâu nữa. Đại Huynh xướng thuyết dân chủ thì toàn quốc đồng bào nhiệt liệt hưởng ứng, trong đó có tôi !

«Thưa Đại Huynh, thời mà tôi mới tìm các đồng chí ở quí tỉnh thì Tiểu La tiên sinh là người bậc nhất mà những ý kiến và chủ trương của chúng tôi chính Tiểu La tiên sinh cũng đồng ý.

«Triệu Xa hạ Hứa Lịch, Hàn Tín lay Lý Tả Xa, nhân dân Việt nam, cũng ở vào tình trạng ấy, mong Đại Huynh xét kỹ.

(Phan Bội Châu)

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Theo luận điệu của bức thư trên đây thì Phan Bội Châu không hẳn chống chủ nghĩa dân chủ để bênh vực cuồng tín chủ nghĩa quân chủ mà Cụ đã chủ trương cùng với các đồng chí lúc đầu khi gặp Cụ Tiểu La ở Quảng nam (1903).

« Tôi cùng Đặng Thái Thân và Lê Võ ban đầu chưa tỉnh đến việc tôn phù dòng họ nhà vua, đến đây cũng cho lời Nguyễn Thành là phải. Than ôi, trí đâu chưa mở, bệnh cũ chưa lành, chủ nghĩa gia tộc cùng chủ nghĩa Quốc gia đương lúc đụng chạm nhau, dù muốn đánh đổ ngay những cái tập quán lịch sử cũ mà quét sạch nào phải chuyện dễ ».

(Ngục Trung thư)

Vậy trước sau là vì dân trí còn ấu trỉ nên Phan Bội Châu không lấy chủ nghĩa làm tiên quyết mà nghĩ trước hết phải có nước đã, nước mất chủ quyền thì lấy ai để thi hành chính sách mở mang khai hóa cho dân cho nước. Bởi thế nên Cụ cùng đồng chí nghĩ trước hết phải thành lập Nghĩa đảng để khôi phục chủ quyền Quốc gia làm tiên quyết. Còn như chủ nghĩa quân chủ hay dân chủ ấy là vấn đề thứ yếu, hạ hồi phân giải sau. Hiện nay hãy xem đường nào thuận tiện thực tế cho mục đích trước mắt là chinh phục chủ quyền thì Cụ theo lời của Nguyễn Thành đề nghị.

Xưa nay, mưu việc lớn, một là phải thu được lòng người, hai là phải góp được lắm của, ba là phải trù có khí giới. Lòng người phục thời có thể lấy được nhiều tiền, vấn đề khí giới không khó giải quyết nữa. Nước ta dân trí và tập quán không thể so sánh với Âu châu được. Bọn ta muốn hiệu triệu quốc

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

dân nếu không mượn tiếng tôn đội quân chủ, thời các danh gia cự tộc ai chịu họa theo, dù ta có lòng phục thù đánh giặc, cũng chỉ chết uổng mà thôi, không giúp nên việc gì cả.

(Ngục trung thư)

Vậy Cụ Phan với nghĩa đảng sở dĩ chọn chủ nghĩa quân chủ thời bấy giờ là vì phương tiện để đoàn kết đa số nhân dân vì mục tiêu của đảng là đánh Pháp lấy lại chủ quyền cần có ba yếu tố, nhân dân bất phân giai cấp, tài chính và khí giới. Phan Bội Châu và nghĩa đảng không đặt vấn đề nguyên lai sâu xa của việc mất nước quá dễ dàng vào tay các quân đội viễn chinh của các cường quốc Âu Tây. Đến khi Phan Bội Châu xuất dương (1905) qua Tàu sang Nhật, bấy giờ cụ mới bắt đầu tỉnh ngộ là ngoài ba yếu tố trên còn thiếu một cái gì trọng đại là giới lãnh đạo, thành phần trí thức mới thích hợp với thời thế mới, Cụ viết :

« Khi tôi mới xuất dương, chuyên tâm chú ý tới cả vào vấn đề khí giới. Lưu ở Đông kinh (Tokyo) trong mấy tháng, được xét rõ tình hình Nhật — Nga chiến tranh cùng hiện trạng ngoại giao chính trị giáo dục và thực nghiệp của nước Nhật, tôi rất xấu hổ vì trước kia mình ở xó trong nước, những điều tai nghe mắt thấy mơ hồ, tư tưởng bế tắc, cho đến các bạn đồng chí của tôi cũng đều như tôi hết thảy, nghĩ giận không thể đưa cả bọn tôi sang đất Phù tang tam đảo để thay đổi bộ óc và tầm mắt ».

(Sách dẫn trên)

Phan Bội Châu cùng đồng chí nghĩa đảng cũng như nho sĩ trước kia bắt chước Trần Thiêm Bình xin quân nhà Minh về

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THƯ VIỆN HUỆ QUANG

đánh nhà Hồ hay là như Lê Chiêu Thống cầu viện quân nhà Thanh của Tôn Sĩ Nghị về đánh đuổi Tây Sơn. Sau khi Đông du Phan Bội Châu mới tỉnh ngộ rằng vấn đề giải phóng dân tộc, xây dựng nền độc lập cho một nước ngày nay không phải giản dị như các nhà cách mệnh Việt nam thời bấy giờ đã tưởng.

« Sau khi tôi bôn tẩu nay Đông kinh, mai Hoành tân, bấy giờ tôi cùng Dân đảng liên lạc thanh khí, được lĩnh giáo rất nhiều. Nhân nghĩ đến dân trí, nước ta quá thấp, nhân tài thiếu thốn mới tự hối từ trước đến giờ mình lo tính quá nông nổi, chỉ khư khư về vấn đề khí giới không phải là mưu kế hay để mưu đồ độc lập ».

« Một hôm tôi đến nhà Lương Khải Siêu, trong lúc nói chuyện bút đàm báo cho Lương biết ý ấy, Lương bảo tôi rằng : « Cái kế hoạch độc lập của quý quốc, một là sự giúp sức của hai tỉnh Quảng đông, Quảng tây nước tôi, một là sự giúp sức của nước Nhật. Hai tỉnh Quảng đông, Quảng tây chỉ giúp được về mặt khí giới, Nhật bản chỉ giúp được về mặt ngoại giao, ngoài ra hết thảy mọi thứ đều phải trông vào thực lực của quý quốc. Thực lực cần nhứt không gì bằng nhân tài. Cứ kế của quý quốc tất trước hết phải chú trọng về việc xây dựng nhân tài. Nhân tài đã đầy đủ, một khi cơ hội đến nơi, công việc rất dễ ».

(Sách dẫn trên)

Và Phan Bội Châu đã « rất phục lời Lương » trên đây tức là Cụ đã tỉnh ngộ vấn đề « phục quốc » bấy giờ không phải là vấn đề võ lực có thể giải quyết được mà trước hết là vấn đề « Nhân tài », có lớp người lãnh đạo hiểu biết thời thế.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

1) Chính phủ Bảo hộ khi thị sĩ dân Việt nam thái quá, khiến cho đôi bên phải xa cách nhau.

2) Chính phủ Bảo hộ dung dưỡng cho bọn quan lại An nam để gây nên tệ lậu.

3) Quan lại nhân cái sự ly gián ấy mà hành hạ dân. Đấy là Cụ tin tưởng vào nước Pháp, vào những tư tưởng cách mệnh dân quyền và nhân quyền mà nước Pháp đã xướng suất và tiên phong soi đường cho thế giới, nên cụ muốn đề nghị sự hợp tác chân thành giữa hai bên, như Gandhi đã đề nghị với chính phủ Anh bên Ấn độ. Cũng như Gandhi với chủ nghĩa bất bạo động, nhưng Gandhi đã thành công dù phải trả sự thành công ấy bằng cái chết bất đắc kỳ tử, nhưng Phan Chu Trinh cho đến lúc chết chưa trông thấy kết quả công trình tranh đấu của mình. Không phải chính phủ Bảo hộ Pháp không thông cảm tư tưởng xây dựng « tri kỷ tri bỉ » của Cụ lúc bấy giờ mà đày Cụ ra Côn đảo.

« Cụ Phan Chu Trinh bị đày đi Côn lôn nhưng chính phủ Bảo hộ lại gửi công văn bảo phải biệt đãi Cụ. Rồi báo chí và Hội Nhân quyền thân oan cho Cụ, và ở Paris đánh điện qua bảo phải trả tự do cho Cụ. Sau đó một vị Thống đốc phải thân hành ra Côn đảo thẩm vấn Cụ trước khi trả Cụ về.

Thống Đốc hỏi :

— Ông có tư tưởng phản đối nước Pháp nữa không ?

Cụ trả lời :

— Bản lai tôi không có tư tưởng đó. Tôi phản đối là phản đối cái chính sách ngược đãi người Việt nam chúng tôi, chứ không phản đối nước Pháp.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

— Có quen biết Phan Bội Châu không ?

— Chính anh em bạn tôi.

— Vậy thì ông cũng là đảng bài Pháp chứ gì ?

— Phan Bội Châu hiệu Sào Nam, là một tay hào kiệt ái quốc của nước Nam không ai không biết tiếng. Nhưng tôi với Sào quân ý kiến không đồng mà lại trái nhau hẳn.

— Trái nhau thế nào ?

— Phan quân nhận hẳn rằng người Pháp không thiệt lòng khai hóa cho người Nam, nên trước phải tìm cách đánh đổ chính phủ Pháp, không nhờ cậy thế lực một nước ngoài thì không làm gì được. Tôi bác thuyết trên của Sào quân, lấy lẽ rằng nước Việt nam chui núp dưới chính thể chuyên chế trên nghìn năm, chưa có tư cách quốc dân độc lập, dầu có nhờ cậy sức nước ngoài thì chỉ diễn cái trò « dịch chủ tái nô »... Còn theo chính kiến tôi cậy sức nước ngoài thì nó quanh co khúc chiết, mình không tự lập, ai cũng là kẻ cừu của mình. Triều tiên, Đài loan, cái gương rõ ràng, người Nhật chắc gì hơn người Pháp ?

— Vậy ông sang Nhật làm gì ?

— Tôi sang đó để thuật rõ tình hình trong nước cho Sào quân nghe. Khuyên Sào quân chăm lo đào tạo thiếu niên du học, gát tư tưởng hành vi bạo động lại, đợi thời hội khác.

Tôi ở Nhật vài tháng cùng Sào quân biện cãi nhiều lần, rốt cuộc Sào quân không nghe, tôi bèn từ về.

— Về nước ông làm những gì ?

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THƯ VIỆN HUỆ QUANG

— Về nước tôi cùng anh em tổ chức lập những hội công khai như học hội, thương hội v.v... Tôi làm bức thư điều trần gửi lên quan Toàn quyền, quan Khâm sứ và đăng các báo Tây, thuật rõ tình trạng trong nước cùng hiểm tượng Đông dương, bản ý là cốt tỏ bày tâm sự, mở đường khai hóa sau này, không dè vì thế mà mang tội. Tôi xem xứ Âu Tây có khi anh em ruột một nhà chính kiến khác nhau, huống chi là anh em bạn.

Viên Thống đốc gật đầu và nói: Ông nói phải. Chính kiến không đồng nhau cái đó vẫn thường. Ông còn muốn nói gì nữa không?

— Tôi ra ngoài hòn đảo này gần hai năm cách xa trong đất, tin tức không thông, nhưng có bọn tù mới ra thuật chuyện nơi biên giới Bắc Việt và Trung Việt thỉnh thoảng có những hành vi kịch liệt, nhà nước xử bằng nghiêm hình trọng phạt, e nhân đó mà gây ra mối biến loạn to, cái đó rất thất sách, không phải cách xử trí thích hợp...

Viên Thống đốc đã nói mấy lời này từ giả Cụ :

Ông ở lại mạnh giỏi, tôi sẽ đạt ý ông lên quan Toàn quyền, có lẽ chúng ta sẽ gặp nhau ở Saigon nay mai...

**(Tài liệu trong Thi tù Tùng thoại của Huỳnh Thúc Kháng)**

Trên đây chúng ta đã thấy rõ đường lối tranh đấu khác nhau của hai vị lãnh tụ phong trào cách mệnh dân tộc Việt nam đầu thế kỷ hai mươi. Cụ Phan Bội Châu chủ trương bạo động cả hai đều một lòng nhiệt thành ái quốc hy sinh cả cuộc đời cho tổ quốc. Và đặc biệt nhất là cả hai vẫn tương kính, tương thân nhau, theo tinh thần của Nho giáo :

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

« Hòa nhi bất đồng, quần nhi bất đảng »
« Hòa hợp mà không cùng đường lối,
Quần tụ mà không đảng phái tranh dành »

(Luận ngữ)

Cụ Huỳnh Thúc Kháng viết về tiểu sử Phan Tây Hồ rằng:

« Ở Đông vài tháng ước lược xem xét công việc duy tân hiện trạng xã hội, tình hình ngoại giao nước Nhật bản một ít, cùng ông Sào Nam bàn bạc mấy điều cốt yếu. Việc ngoài thì giao ông Sào Nam một mình mà nhận hành động trong nước, làm những chủ nghĩa mình, rồi từ về, ông Sào Nam đưa đến Hương cảng ».

(Phan Tây Hồ Tiên sinh lịch sử.
Huỳnh Thúc Kháng, Anh Minh, Huế)

Mặc dù chủ trương khác nhau, nhưng hai nhà lãnh tụ vẫn bổ túc cho nhau, một bên hành động trong nước, một bên hành động ở ngoài nước, ở trong thì mở mang dân trí, trình bày công khai những điều lợi hại với chính quyền bảo hộ mong thực thi chính sách hợp tác Pháp Việt để huề. Ở ngoài thì vận động ngoại giao với các nước Nhật, Hoa v.v... Nhưng chính phủ Pháp bấy giờ quá thiển cận, chỉ dùng bọn Việt làm tay sai, không thèm tìm bạn Việt để cộng tác. Do đấy mà công cuộc cách mệnh dân tộc Việt nam cận đại do hai Cụ lãnh đạo đều bị thất bại trong ngục tù, trong chết chóc, trong hận thù càng ngày càng đào sâu cái hố cách biệt Pháp Nam, thậm chí có nhà báo Pháp, Le petit Parisien, đã viết một cuốn sách về Việt nam nhan đề là «*Dieu blanc homme jaune*» (Louis Roubeaux) nghĩa là « Người Việt da vàng với thần thánh da trắng là người Pháp ».

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Những tư tưởng dân quyền, tự do bình đẳng của các lý thuyết gia làm linh hồn cho cuộc cách mệnh Pháp 1789 đã đưa mười ba nhà lãnh tụ Quốc dân đảng Việt lên đoạn đầu đài ở Yên bái, cũng như các nhà nho sĩ tân học trong trường Đông Kinh Nghĩa Thục hoặc bị chém, bị đày đi Côn lôn, Cụ Phan Chu Trinh ở Kinh đô Paris còn phải vào ngục La santé với Cụ Phan Văn Trường. Có người viết là với Cụ Nguyễn Ái Quốc.

Cụ Huỳnh Thúc Kháng có kết luận về thái độ của chính quyền Pháp đối với chính sách Phan Chu Trinh :

« Phải chi nhà đương cuộc hồi đó nghe Cụ thì đã tránh được biết bao nhiêu sự đáng tiếc xảy ra. Theo chúng tôi tưởng chính những người như Cụ mới thật tình yêu mến nước Pháp. Chứ làm tay sai cho thực dân chỉ làm mất thanh danh của Pháp quốc mà thôi... »

**(Thi tù tùng thoại)**

Nhưng thực dân Pháp chỉ cần dùng tai sai thôi để khai thác thuộc địa làm lợi cho riêng mình chứ có nghĩ chi đến Tổ quốc của chúng, cho nên vào khoảng những năm 1930, người công chức Pháp ở Việt nam nói chuyện với người Pháp mới bên Pháp sang thường xưng là : «notre Indochine» «Đông dương của chúng ta». Như thế thì yêu nước Pháp với những lý tưởng « Tự do, Bình đẳng, Bác ái », « Liberté, Egalité, Fraternité » của Đại Cách mệnh Pháp 1789 qua các lý thuyết gia như Montesquieu hay Rousseau hay là qua hành vi của chính phủ Bảo hộ Pháp thì khác nhau xa, đòi các nhà cách mệnh Việt nam phải nhận định lại cho chính xác về thời cuộc biến đổi trong lịch sử chính trị

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

của nước Pháp cũng như của các cường quốc Âu Tây chinh phục thuộc địa. Có lẽ vì thiếu sự nhận định ấy, nên hai vị lãnh tụ cách mệnh chính trị Việt nam họ Phan đã không thành công như ý muốn ?

Trong sách « *Ba nhà chí sĩ họ Phan* » Tác giả Đào Văn Hội có viết về hai Cụ Phan rằng :

« Trong giới chính trị cách mạng tiền bối, hai bực chí sĩ được toàn quốc ngưỡng vọng hơn hết là cụ Tây Hồ Phan Chu Trinh và Cụ Sào Nam Phan Bội Châu. Danh vọng và thế lực của hai Cụ tương đương nhau ở hàng sĩ phu như ở hàng quần chúng, nhưng chủ trương của hai người thật là trái nghịch nhau hẳn.

« Cụ Tây Hồ là đệ tử trung thành của chủ nghĩa dân chủ.

« Cụ Sào Nam thì theo Quốc gia thuần túy thâm nhiễm tư tưởng Bảo hoàng ».

Như thế phải chăng toàn quốc nhân dân ngưỡng vọng cả hai Cụ có tư tưởng cách mệnh trái ngược nhau, là ngưỡng vọng về con người với tấm lòng nhiệt thành yêu nước thương nòi chứ không phải ngưỡng vọng về tư tưởng, về chủ nghĩa chính trị khác nhau ?

Sự thật là như thế, nhân dân Việt nam đa số là nông dân sống theo nếp sống gia tộc của xã thôn phân quyền với chế độ quân chủ tập quyền. Đơn vị chính trị là gia tộc trong họ ngoài làng. Theo quan niệm xã hội dân chủ của Rousseau như ở Âu Tây thi hành cho đô thị kỹ nghệ, đơn vị chính trị là cá nhân. Muốn thâu hóa chủ nghĩa dân chủ của Tây phương chúng ta cần phải nhận xét kỹ điều khác nhau căn bản giữa xã hội

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

kỹ nghệ với xã hội nông nghiệp. Chủ nghĩa cá nhân chưa từng phát triển ở xã thôn mà mới chỉ nẩy nở ở các xã hội công kỹ nghệ tự do cạnh tranh.

Trong bài « *Quân trị và dân trị* » của Cụ Phan Chu Trinh đọc ở Saigon, năm 1925, Cụ đã kết luận :

« So sánh hai cái chủ nghĩa quân trị và dân trị thì ta thấy chủ nghĩa dân trị hay hơn cái chủ nghĩa quân trị nhiều lắm. Lấy theo ý riêng của một người hay là của một triều đình mà trị một nước, thì cái nước ấy không khác nào một đàn dê được no ấm vui vẻ hay là phải đói rét khổ sở chỉ tùy theo cái chủ nghĩa dân trị thì tự Quốc dân lập ra Hiến pháp, luật lệ, đặt ra các cơ quan để lo việc chung cả nước, lòng quốc dân muốn thế nào thì làm thế ấy. Dù không có người tài giỏi làm cho hay lắm cũng không đến nỗi phải đè đầu khốn nạn làm tôi mọi cho một nhà, một họ nào.

« Xét lịch sử xưa, dân nào khôn ngoan biết lo tự cường, tự lập, mưu lấy sự ích lợi chung của mình thì càng ngày càng bước tới con đường vui vẻ. Còn dân nào ngu dại, cứ ngồi yên mà nhờ trời, mà mong đợi trông cậy ở Vua quan, giao phó tất cả những quyền lợi của mình vào trong tay một người hay là một chánh phủ muốn làm sao thì làm, mà mình không hành động, không bàn luận, không kiểm xét thì dân ấy phải khốn khổ mọi đường ».

Vậy Chủ nghĩa dân chủ đối với Phan Chu Trinh bảo đảm quyền sống của dân hơn là chủ nghĩa quân chủ mặc dù tư tưởng Khổng Mạnh đã in sâu trong tâm khảm nho sĩ quan niệm « Dân vi quí, xã tắc thứ chi, quân vi khinh ».

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Chủ nghĩa « Dân vi quí » ấy cả hai Cụ Phan đều còn ghi nhớ làm lòng, nhưng Phan Chu Trinh đã từng sống ở một nước dân chủ lâu năm, nhận thấy rằng : bởi vì dân nó ngu, nó không biết nước là cái gì (ở các nước quân chủ Á Đông). Ta thử xem cái gương nhà Tống trước thì mất với Liêu, rồi sau mất với Kim, rồi sau mất với Mông cổ. Còn nhà Minh thì mất với Mãn châu, Cao Ly thì mất với Nhật, Việt nam thì mất với Tây.

Bởi vậy mà Cụ cho rằng phải dùng chế độ dân chủ thay thế cho chế độ quân chủ ở các nước ấy ngõ hầu thức tỉnh nhân dân nước là của dân không phải của một họ hay một người. Điều ấy, Cụ Phan Bội Châu sau này khi thất bại trên con đường bạo động, trở về sống an trí ở Huế cũng đã tỉnh ngộ với sách « *Cao Đẳng Quốc dân* » mà Cụ tự giới thiệu : « Ai biết lòng ta tất ở sách này, ai bắt tội ta tất cũng ở sách này ». Trong đó Cụ nhắc lại trong « *Hải ngoại huyết thư về nghĩa Quốc dân* ».

*« Nghìn muôn ức triệu người chung hiệp*
*Gây dựng nên cơ nghiệp nước nhà.*
*Người dân ta, của dân ta.*
*Dân là dân nước, nước là nước dân ».*

Quốc tức dân, dân tức quốc, hai chữ quốc dân không thể rời nhau được.

(Cao đẳng quốc dân)

Đây là chứng minh của hai nhà cách mệnh họ Phan đều có tinh thần lấy dân làm trọng yếu theo tư tưởng Khổng Mạnh mà cả hai đã hấp thụ từ thuở nhỏ. Vậy nếu chủ trương cách mệnh khác nhau, một đàng bạo động, một đàng ôn hòa, một đàng quân

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

chủ một đảng dân chủ là vì Phan Bội Châu nối chí Phan Đình Phùng đặt vấn đề chủ quyền dân tộc làm tiên quyết cho sự xây dựng một nước cường thịnh, còn Phan Chu Trinh lại quan niệm sở dĩ nước mất chủ quyền với Pháp là vì Triều đình quan lại đồi bại làm cho dân không còn biết quyền làm dân là chi nữa, nên nước có mất chúng không để ý bận tâm thờ ơ như cháy nhà hàng xóm.

Vậy trước hết phải mở mang dân trí, làm sao cho người dân ý thức được quyền làm dân, tin rằng nước Pháp dân chủ sẵn lòng giúp Cụ thực hành tư tưởng cách mệnh Pháp 1789.

« Tự Do, Bình đẳng, Bác Ái » ngụ ý tượng trưng trên là Quốc kỳ Tam sắc (Liberté, Egalité, Fraternité).

Nhưng khi ở Paris về, chưa kịp đem chủ trương ấy ra thi hành thì Cụ đã mất, khiến cho Cụ Phan Bội Châu phải khóc than thảm thiết :

*« Khéo vô tình trời chẳng chiều người,*
*Nên bất hạnh mừng mà hóa rủi ».*

« Tiệc hoan nghênh mới đó, não nùng rượu chửa phai mùi. Hội truy điệu gần đây, thấp thoáng hương đà bén khói. Anh em ta, đất rẽ đôi đường, tình chung một khối. »

**(Văn điếu Cụ Phan Tây Hồ)**

Tuy « đôi đường » kẻ mất người còn, kẻ ôn hòa người bạo động, kẻ dân chủ người quân chủ, nhưng đường lối có khác mà mối tình chung chỉ là một, ấy là mối tình yêu nước thương nòi. Cụ Phan Tây Hồ mất đi có lẽ là cái may cho Cụ, tránh được cái buồn thất vọng với thực dân Pháp như Cụ Phan Bội Châu còn

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

sống ở lại để mục kích cái cuộc ném bom Cồ am, hành hình Yên bái, bắn giết dân chúng Nghệ tỉnh, khiến Cụ phải phẫn uất mà trần tình với Paul Reynand bấy giờ (1931) Bộ trưởng bộ Thuộc địa của nước Pháp quốc Cộng hòa từ bên Paris sang kinh lý Đông dương :

« Monsieur le Ministre, mes frères humains français.

Depuis que l'Indochine est placée sous le Protectorat de la France, avez vous jamais vu un moment si court fut-il où ses principes du drapeau tricolore eussent été réalisés sur cette terre ? » Nghĩa là :

« Kính thưa ông Bộ trưởng cùng Huynh đệ đồng loại Pháp.

« Từ khi Đông dương đặt dưới sự Bảo hộ của nước Pháp, Ngài đã từng thấy một lúc nào dù ngắn ngủi mấy nữa những nguyên lý của quốc kỳ tam tài Pháp được thể hiện trên đất này chưa ? »

Rồi Cụ thống trách nước Pháp đã để cho thực dân giết hại các nhà ái quốc Việt nam muốn đeo đuổi lý tưởng Tự do, Bình đẳng, Bác ái trên đất Việt này, tàn sát dân chúng tay không vô tội, chính sách giáo dục ngu dân, quan lại thối nát... Và Cụ lại báo trước để cảnh cáo nước Pháp về cái họa chiến tranh sắp đến, vai trò của vị trí địa lý Đông dương rất nguy hiểm, nước Pháp sẽ phải đối phó một mình với nội thù bên trong là dân Việt oán ghét và ngoại địch hùng mạnh. Những tư tưởng « Pháp Việt đề huề » tuyệt vọng của Cụ Phan Bội Châu phát biểu sau khi Cụ Phan Chu Trinh mất được năm năm chứng tỏ rằng dù quân chủ hay dân chủ, quốc gia hay cộng sản, đứng trước một

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

thế giới càng ngày càng đi xuống dốc vật chất, cơ khi theo chủ nghĩa « Tư bản là quyền thế » (Capital Pouvoir) thì vấn đề tiên quyết căn bản không phải là chủ nghĩa, là ý thức hệ mà là con người có còn nhân tính hay không, người dân tự nó có còn là giá trị cứu cánh nữa không hay chỉ là phương tiện công cụ cho chủ nghĩa này chủ nghĩa nọ mà chính người chủ xướng không tin ? Bởi thế nên Cụ Phan Bội Châu năm 1931 đã viết :

« Tôi thấy ở đây không một ngày nào là người ta không được nghe thấy nói đến chữ « cộng sản » và « cách mệnh ». Nếu người ta tìm hiểu xem mặt thật của cái « cách mệnh » lớn tiếng ấy là gì thì người ta sẽ thấy những kẻ nghèo tay không đem bụng ra hứng lấy đạn liên thanh, hay là các đám phụ nữ và trẻ con bị xô đẩy vô ý thức vào cái chết độc ác. Phải chăng cách mệnh chỉ là vận động bãi khóa đình công và những biểu tình hòa bình ?

« Người ta có thể nào quan niệm được một cuộc cách mệnh mà không gây chút thương tổn gì cho chính phủ. Và lại còn cái cộng sản ghê gớm kia, người ta chỉ thấy có truyền đơn với cờ đỏ. Tóm lại bọn kia tự xưng làm cách mệnh mà chẳng biết là làm cái gì, làm cộng sản mà chẳng biết cộng sản là gì.

« Đấy chẳng qua chỉ là bọn điên đầu, mù quáng, tai điếc bị một vài kẻ cầm đầu khôn khéo xô đẩy chúng đi lên trước và chúng cúi đầu tuân theo những lời tuyên truyền hiểm độc.

« Nguyên lai của tệ hại nếu tìm hiểu thì ở tại sự ngu ngốc của dân chúng. Sự ngu ngốc ấy lại do chính sách ngu dân của chính phủ Thuộc địa mà ra. Nếu dân chúng được dạy dỗ

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG Thư Viện

nếu chúng có được một trình độ giáo dục phổ thông để có thể phân biệt điều phải điều trái, điều tốt điều xấu ngỏ hầu lựa chọn con đường của mình thì có bao giờ chúng để lôi cuốn bằng một mảnh giấy, một miếng vải đỏ... !

« Để kết luận, thưa ông Tổng trưởng, tôi xin cam đoan với ông rằng nguyên nhân của tất cả những biến động ở đây hiện thời là sự không thực hành được chính sách « Pháp Việt đề huề ». Sở dĩ không thực hành được ấy là vì rất hiếm có người phụng sự trung thành những nguyên lý tiêu biểu của lá cờ Tam tài trên đất này. Về phần tôi, xin nguyện với Ông và anh em đồng loại Pháp cho tới hơi thở cuối cùng tôi giữ trung thành với lá cờ Tam tài và sau hết cho phép tôi hô lên « Tinh thần cờ Tam tài vạn tuế ! »

**(Phan Bội Châu à Monsieur le Ministre des Colonies de la République Française au mission de passage à Huế.**
**Trong Indochine SOS của André Viollis )**

Thế là sau khi Cụ Phan Châu Trinh chết đi được vài năm, Cụ Phan Bội Châu đã chứng minh bộ mặt thật của thực dân Pháp, của dân tộc Pháp Đại cách mệnh 1789. Cho nên cụ đã viết ở « Khổng học đăng » mục « Triết học và chính trị » :

« Các chính trị học thuyết ở đời gần đây trừ bốn chữ « Phú quốc Cường binh » ra ngoài e không còn gì là mục đích, trừ một lối xâm lược thực dân ra ngoài, e không còn gì là thủ đoạn. Đã nói chính trị tất phải bỏ nhân nghĩa ra ngoài, mà nhân nghĩa chỉ là mấy câu nói suông của học giả. Nào là nhân đạo chủ nghĩa, nào là công lý triết học, nào là bác ái, bình đẳng, tự do

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

chẳng bao giờ nhét vào trong khuôn chính trị được. Bởi vì đã nói nhân tất phải bác ái, đã nói nghĩa tất phải cho người ta bình đẳng tự do, nếu cứ nhân nghĩa như thế hoài thời những nhà xâm lược thực dân làm thế nào mà múa tay lên mặt được? Vậy nên nhân nghĩa và chính trị phải rẽ làm hai đường »

**(Phan Bội Châu — Khổng học đăng)**

Đến đây, nhà lão thành cách mệnh dân tộc Việt nam là Cụ Phan Bội Châu, sau khi chu du vận động khắp giới về, bị giam lỏng ở Huế, đã thấy chán chường với Chính trị, nhất là chán ghét lý thuyết suông dù dân chủ hay quân chủ để sống cho đến phút cuối cùng làm con người có nhân cách, con người nên con người khác với loài cầm thú. Bởi thế nên Cụ trở về ôn lại các sách của tiền nhân để viết lại những bài học kinh nghiệm của mình mà dạy đời sau. Còn về chủ nghĩa dân trị hay quân trị khác nhau giữa Cụ và Cụ Tây Hồ thì một câu ai điếu thống thiết cũng đủ thấy rõ tấm lòng của hai Cụ vậy:

*« Anh em ta đất rẽ đôi đường, tình chung một mối !*
*Lời này ông xét cho chăng ?*
*Lòng ấy trời đà soi dọi !*

**( Điếu Phan Tây Hồ )**

Chỉ có tấm lòng là tồn tại với non sông với vũ trụ, tấm lòng thành của hai Cụ đối với dân tộc không phải vì chủ nghĩa mà vì tình thương.

NGUYỄN ĐĂNG THỤC

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

• Nguyễn Khắc Ngữ

# VỤ ÁN PHAN BỘI CHÂU VÀ PHONG TRÀO DAN CHUNG VẬN ĐỘNG XIN ÂN XÁ CHO CỤ NĂM 1925

## I

## MỘT PHIÊN TÒA SÔI NỔI

Tháng 7 năm 1925, cụ Phan Bội Châu từ Hàng châu lên Thượng hải bằng xe lửa. Vừa ra khỏi nhà ga Cụ bị bọn mật thám Tây chặn bắt đưa lên xe (1) đem về Lãnh sự Quán Pháp ở trong tô giới của họ tại Thượng hải. Cụ bị giam ở đó ít lâu rồi bị đưa xuống tầu binh đem sang Hương cảng và đưa về Hải phòng bằng tầu Angkor của hãng Messageries Maritimes.

---

(1) *Phan Bội Châu niên biểu*, Nhóm Nghiên cứu Sử địa xuất bản, Saigon 1973 trang. 211, 212.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THƯ VIỆN HUỆ QUANG

Ngày 23 tháng 11 năm 1925, Cụ bị đưa ra Hội đồng đề hình với thành phần như sau :

Chánh thẩm : Chánh thanh tra Chánh trị vụ Bắc kỳ Bride.

Phụ thẩm : Đại úy Bellie, Đốc lý Hà nội Dupuy, và biện lý Boyer.

Lục sự : Arnaux Patrick.

Theo tổ chức tư pháp ở Bắc kỳ thời Pháp thuộc thì Hội đồng đề hình là một tòa án đặc biệt để xử các vụ án chính trị.

Thành phần Thẩm phán gồm một viên chức cai tù hạng nhất làm chủ tịch và phụ thẩm gồm viên Công sứ tỉnh xảy ra vụ án (ở đây án xảy ra ở ngoại quốc nên Đốc lý Hà nội được cử ra ngồi ghế phụ thẩm), một công tố ủy viên, một đại úy do Toàn quyền cử qua đề nghị của viên tư lệnh tối cao Đông dương.

2 Luật sư của Cụ là Ông Bona và Ông Larre do Tòa cử ra để cãi miễn phí cho cụ.

Từ sáng sớm dân chúng Hà nội đã đổ xô đến tòa án và chen nhau vào chiếm chỗ tại phòng xử. Những người không chiếm được chỗ đứng tụ tập ở hành lang và ngoài sân. Chung quanh tòa đều có lính canh gác cẩn mật. Ngay trong phòng xử án cũng có lính Tây bồng súng đứng canh.

Đúng 07 giờ 30, hai lính sen đầm (Hiến binh) Tây giải Cụ Phan từ hỏa lò ra và đưa vào ngồi ở ghế bị cáo. Cụ Phan lúc bấy giờ coi chưa già lắm, cụ để râu mép và râu cằm hơi rậm, trán hói, đầu cạo trọc, mặt hơi gầy và xanh, mắt sáng. Cụ mặc y phục Trung hoa trông rất sang trọng.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Đúng 08 giờ 25, tòa bắt đầu khai mạc.

Viên Chánh thẩm gọi cụ Phan ra hỏi lý lịch, Cụ đáp rất dõng dạc và mạnh bạo.

Kế đó ông tòa đọc bản cáo trạng buộc cụ 8 tội :

1) Khi ở Xiêm, Tàu đã hứa hẹn, uy bức, xúi dục và điều khiển tên Phan Văn Tráng (tức Cháng) ném bom giết viên Tuần phủ Thái bình Nguyễn Duy Hàn ngày 12-4-1923.

2) Cung cấp vũ khí (bom) cho tên Tráng để làm việc trên.

3) Khi ở Xiêm, Tàu đã xúi dục và điều khiển tên Nguyễn văn Quý, tài xế và Nguyễn Khắc Cần (tức Nguyễn Văn Túy) ném bom vào Hà nội Hotel ngày 28-4-1923.

4) Cung cấp bom cho tên Túy và Cần làm việc trên.

5) Dự vào âm mưu xúi dục dân chúng Bắc và Trung kỳ phá hại chính phủ bảo hộ.

6) Cung cấp khí giới cho dân chúng Bắc và Trung kỳ phá hại chính phủ bảo hộ.

7) Âm mưu làm những việc bạo động để cốt quấy rối sự trị an trong nước và sinh ra nhiều sự rối loạn về chính trị.

8) Dự vào những hội đảng với mục đích làm hại sinh mạng và tài sản của tư nhân.

Sau lời buộc tội quan tòa hỏi cụ Phan xem có muốn nói gì không. Cụ đứng dậy nói đại ý :

— « Nước Nam cũng là một nước, xưa nay chịu ở dưới quyền chuyên chế, dân tình khổ cực đã lâu. Vua quan đối với dân xa cách nhau, ức chế nhau, lại tệ dân tình không cách gì thượng đạt. Nhờ có chính phủ bảo hộ là một nước văn minh,

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THƯ VIỆN HUỆ QUANG

nói rằng sang khai hóa cho, tôi đã chắc rằng dân Giao chỉ mấy ngàn năm đã đến kỳ mở mặt mở này. Chẳng ngờ chánh phủ sang cai trị 20 năm mà chính sách không có điều gì thay đổi. Đến năm 1904 mà Trung, Bắc kỳ chỉ có 2 trường học ở Hà nội và Huế, mà là trường chỉ dạy làm thông ngôn. Người du học không cho, lối thi cũ vẫn để (1) hình luật không chịu thi hành hình luật Pháp, quan tham, lại những hối lộ công hành. Tôi là người nước Nam, tôi muốn đánh thức cho dân Việt nam. Tôi thấy thế sinh ra cái tư tưởng phản đối chánh trị. Nếu mà tôi trong tay có mấy trăm vạn hải quân, mấy mươi vạn lục quân, binh tinh lương túc, súng đủ đạn nhiều, tàu chiến có, tàu bay có thì có lẽ tôi hạ chiến thư, đường đường chính chính đánh lại với chính phủ thực. Thế nhưng mà tôi là một kẻ thư sinh túi không có một đồng tiền, tay không có một tấc sắt, không thể lấy vũ lực mà phản đối được. Vậy tôi chỉ dụng văn hóa, nghĩa là trước thư, lập ngôn để cổ động nhân dân, yêu cầu chính phủ cải lương chánh trị. Chẳng ngờ chánh phủ ngờ vực, bắt bớ, tôi phải trốn ra ngoại quốc để hành động cho đạt cái mục đích của tôi.

« Tôi có chiêu tập các bạn đồng chí, gom tiền góp sức, để phái người đi du học và làm sách, làm vở gửi về để cổ động cho nhân dân. Việc làm của tôi chỉ là dụng cái lưỡi và ngòi viết, mục đích của tôi chỉ là cải lương chính trị, cử động của tôi rất là chính đại quang minh.

---

(1) Đến năm 1915 lối thi chữ Hán mới chấm dứt ở Bắc kỳ và năm 1918 ở Trung kỳ.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Nếu tôi là người có tội thì tôi chỉ có 4 tội như sau :

1) Chánh phủ sang bảo hộ nước Nam, không có ai phản đối mà mình tôi phản đối, muốn cho nước Nam độc lập.

2) Nước Nam xưa nay là chính thể chuyên chế mà tôi muốn cho nước Nam thành một dân quốc.

3) Nhà nước cấm không cho người đi du học ngoại quốc mà tôi trốn đi và rủ người đi ngoại quốc.

4) Tôi trước thư, tôi lập ngôn để cổ động dân Nam thức dậy, yêu cầu chánh phủ cải lương chính trị làm hết cái thiên chức khai hóa của mình (1).

Quan tòa sau khi nghe cụ Phan trình bày xong đã hỏi lại cụ Phan :

— « Ông phản đối chính sách của chính phủ bảo hộ hay chính sách của nước Nam ? »

Cụ Phan trả lời rằng :

— « Tôi phản đối chính sách của chính phủ bảo hộ chớ nước Nam còn nước đâu mà có chính sách mà tôi phản đối ! Ấy tôi chỉ có thế, chính phủ chiếu luật gia hình, bắt tội thế nào tôi cũng chịu ».

Quan tòa lại hỏi về những việc ném bom thì cụ Phan trả lời rằng :

— « Những việc ném tạc đạn thì tôi không biết, tôi phản đối là lấy văn hóa, làm sách, làm vở phản đối, cho những việc

---

(1) Nguyễn Đức Riệu; *Vụ án Phan Bội Châu*; Xưa nay; Saigon, 1926.

ném bom là việc ăn cướp, việc côn đồ, người ta đang ăn uống trong nhà hàng mà ném tạc đạn như thế sao khỏi là điều dã man. Nếu tôi có bụng làm những việc càn dỡ, dã man thì can chi tôi phải đi ngoại quốc, cứ ở nước nhà với Đề Thám hay nhập bọn với đảng nào không được sao ? Tôi lấy văn hóa mà phản đối, nếu dụng võ lực thì tôi phải có 10 vạn lục quân, 1 vạn hải quân, phải có phi cơ, có tiềm đĩnh, hải đĩnh, phải hạ chiến thư. Nhà nước cho tôi giết người thì tôi không phải là tôi nữa ».

«Từ khi tôi đi ngoại quốc, không có về nước nhà bao giờ cả, ai làm tôi có biết đâu. Tuy nhiên tôi phản đối chính sách, là cái chính sách bất lương từ trước đó thôi. Từ năm 1916, 1917, 1918 trở về sau tôi thấy chính phủ bảo hộ đã có lòng khai hóa cho dân Việt nam, công thương phát đạt, trường học mở nhiều thì tôi có bụng mừng. Vì thế tôi có viết hai cuốn sách « *Pháp Việt đuề huề chánh kiến thư* » (1) và « *Ngã cửu niên chi sở cầu phương pháp* », hai quyển này có gửi cho quan Toàn quyền Sarraut là mong rằng cùng chính phủ hợp lực đồng tâm, người Nam và người Pháp giắt tay nhau trên con đường lợi lạc ».

Cụ Phan nói đến đây thì viên Chánh thẩm ngắt lời và nói rằng : «Hội đồng Đề hình hôm nay chỉ xét lại cái án năm 1913 (2) mà thôi, còn những việc từ năm 1913 trở về sau thì không cần nói đến. Vậy những tội ấy ông có nhận hay không thì nói ».

---

(1) Trong *Phan Bội Châu niên biểu*; Cụ Phan viết rằng sở dĩ Cụ viết cuốn trên vì bị Phạn Bá Ngọc lừa và để cho người Pháp bớt nghi ngờ. *Phan Bội Châu niên biểu*, Nghiên cứu Sử Địa, Saigon; 1973 t. 194.

(2) Năm 1913 Cụ Phan bị kết án tử hình khiếm diện vì tội bạo động phá hoại và xúc phạm tới Hoàng gia.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Cụ Phan trả lời rằng Cụ chỉ nhận có 4 tội Cụ đã nói còn ngoài ra Cụ không làm gì nên tội vậy cũng không nhận tội gì.

Đến đây tòa gọi các trạng sư ra bào chữa nhưng các trạng sư đã xin hoãn đến chiều nên viên Chánh thẩm tuyên bố tòa tái nhóm vào lúc 15 giờ.

Đến chiều hôm đó từ 14 giờ, phòng xử án đã chật cứng người coi. Đúng 15 giờ, tòa tái nhóm. Sau khi gọi bị cáo lên vành móng ngựa, viên biện lý đã kết án gắt gao, đại ý :

— « Ông Phan từ lúc nhỏ học ở nhà, đã hâm mộ Ông Phan đình Phùng là người đánh lại với chính phủ bảo hộ khi mới qua. Lúc 18, 19 tuổi đã muốn làm những chuyện chống đối, song vì danh vọng không có, thế lực cũng không nên phải gượng mượn việc khoa cử để lấy danh cho đạt mục đích của mình. Thi Hương đậu thủ khoa trong vùng Nghệ an ai cũng biết tiếng là hay chữ. Ông chiêu tập các bạn đồng chí cùng nhau vô Huế. Ông có làm ra một cuốn « *Lưu cầu huyết lệ* », gửi cho các triều thần và các danh sĩ, cổ động lòng ái quốc của nhân dân để trừ diệt người Tây và các quan An nam có lòng trung thành với người Tây. Song việc đó không kết quả gì. Ông ra Bắc kỳ hiệp với Đề Thám, định hành động việc này, việc nọ, song cũng bất đắc chí nên mới trở về Trung kỳ, cùng với các bạn đồng chí tổ chức đảng cách mạng, có cả mấy ông cố đạo dự nghị. Tất cả người trong đảng đều một lòng phá hoại chính phủ Pháp và tôn một người trong Hoàng thất là Cường Để lên làm đầu đảng. Trong lúc đó, nhờ một quan Tổng đốc Nghệ an che chở nên Ông Phan không việc gì. Xong Ông xuất dương để vận động cầu

viện. Trước hết qua Tàu ở Triều châu bàn với Tôn Thất Thuyết rồi qua Nhật bản tìm Lương Khải Siêu. Siêu có giới thiệu Ông Phan với các nhà trí thức Nhật bản. Ông Phan hết sức vận động để nước Tàu và nước Nhật giúp đỡ. Tháng 5 năm 1905 ông Phan lại trở về Bắc kỳ tìm ông Cường Để đưa qua Nhật, lập một hội kêu là « *Duy tân* », tôn Cường Để làm minh chủ. Cường Để thì lấy tên Tàu vào học trường Võ bị Shimbu Gakko (1). Người Nam kỳ vốn mộ tiếng Cường Để và nhớ ơn vua Gia Long mới giúp tiền, giúp của cho hội này, để chiêu tập những thiếu niên trong nước ra ngoại quốc học tập. Khi bấy giờ có Gilbert Chiếu là đắc lực hơn hết.

Ông Phan có viết cuốn *Hải ngoại huyết thư* và giao du với các tay cách mạng bên Tàu và bậc quan thân người Nhật.

Năm 1909, Pháp Nhật hòa ước ký xong, ông và các học sinh bị chính phủ Nhật bản trục xuất cảnh ngoại, cùng nhau trở về Quảng đông, lập nên hội *Việt nam Quang phục*, mục đích là đánh đuổi người Pháp ra khỏi nước để lập thành một dân quốc Việt nam, Cường Để làm Tổng thống, ông Phan làm Phó Tổng thống kiêm Ngoại giao Tổng trưởng, ông Nguyễn Thượng Hiền làm Tài chính Tổng trưởng, Ông Tán tướng Nguyễn Hữu Thuật (2), Ông Tôn Thất Thuyết làm cố vấn.

Hồi đó sai những đảng nhân về nước làm những việc bạo động xúi dục dân Nam kỳ, Trung kỳ nổi loạn, đầu độc trại

---

(1) Chấn võ Lục quân học hiệu; một trường mở ra để dạy sinh viên Trung hoa, để giúp phe Cách mạng Trung hoa.

(2) Nguyễn Thiện Thuật.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

binh ở Hà nội, liệng bom ở Hà nội, Thái bình. Như tên Phạm Văn Tráng khi liệng trái bom xong có reo lên « *Việt nam cách mạng đã thành công* ».

« Vậy thì không phải là người trong hội đảng của ông Phan thời ai ? Ông Phan lại có nhận hai ngàn bạc của một người Tàu ở Hương cảng giúp cho để cấp cho học du học. Lúc túng tiền hội Quang phục có làm giấy bạc giả để lưu hành ở Tàu, ở Xiêm và ở Đông Pháp nữa.

« Năm 1912, ông Phan cùng đi với người của Cách mạng nước Tàu Hoàng Hưng qua Berlin để tìm Tôn Văn. Nước Đức có giúp đỡ ít tiền để vận động sự Cách mạng.

« Nói tóm lại, ông Phan là một người nhiệt tâm phú quý, thi Hội hỏng, lại nhân lúc Nhật Nga chiến tranh, Nga thua Nhật được, tinh thần ái quốc của Á Đông hình như tỉnh lại, mới ra tay lợi dụng, định cổ động nhân dân, chống lại với chánh phủ, để lập một dân quốc. Bề ngoài thì ra dáng ái quốc, ái quần lắm, song kỳ thiệt thì trong lòng chỉ hy vọng được làm Tổng thống mà thôi. Tuy là tôn Cường Để, song Cường Để chỉ là một cái khí cụ cho ông lợi dụng. Ông vẫn biết Cường Để là người tài trí tầm thường, theo ông chỉ muốn làm vua nước Nam. Cứ xem như tấm hình chụp đội mũ miện, mặc áo long bào thì đủ biết cái khí tượng đế vương của Cường Để vậy.

« Tuy nhiên Ông cũng tôn làm đầu đảng là cốt lợi dụng Cường Để đặng gạt người, lấy của ở 2 xứ Nam, Trung, rồi đem ra ngoại quốc mà hành động việc nọ việc kia.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Lúc bấy giờ vua Thành Thái đang tại vị mà ông Phan muốn phá hoại chính phủ bảo hộ, vận động cho Cường Để làm vua, vậy chẳng những đắc tội với chính phủ bảo hộ mà lại đắc tội với nhà vua nữa.

« Ông Phan Chu Trinh, bạn của ông cũng phản đối chính sách, song dùng cách ôn hòa chứ không kịch liệt như ông. Bao nhiêu sách viết ra truyền bá tư tưởng cừu thù người Pháp, bao nhiêu lần chủ trương việc bạo động, đó là cái tang chứng rõ ràng. Vì ông mà biết bao người sa lạc vào đường tội lỗi, khi đem ra tòa án xét mỗi việc mỗi nói, hỏi mỗi người mỗi lúc, thế mà chúng khẩu đồng từ, đều nói là do ông chủ trương xui dục cả. Mà những trái bom thì chính ông làm bên Long châu. Vậy thì bao nhiêu công việc họ làm nên tội đều ở ông cả. Những người ấy vì ông quyến dỗ, vì ông sai khiến mà đến nỗi thế, thế mà ông lại chối.

« Ông là một người tham lam... một người cực kỳ ích kỷ một người ham muốn... một người kiêu ngạo. Ông chỉ có mục đích lợi dụng cho mình mà thôi ! » (1)

Sau lời kết tội của biện lý Boyer, viên Chánh thẩm hỏi cụ Phan có chống cãi gì không thì cụ Phan đã cãi rằng :

« Nói rằng tôi theo gương ông Phan Đình Phùng thì thật là không đúng. Khi còn nhỏ tôi cũng có hâm mộ ông Phan Đình Phùng thiệt vì bấy giờ tôi đọc sách thánh hiền Đông Á, học được 2 chữ « *Trung quân* » (2) thế nhưng về sau tôi đọc rộng

---

(1) Nguyễn Đức Riệu. *Vụ Án Phan Bội Châu* — Sđd t. 9, 10 và 11.

(2) Trung thành với vua.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

các sách ngoài thì óc tôi đổi *trung quân* ra *trung quốc* (1) nên tôi vẫn trọng ông Phan Đình Phùng mà không chịu bắt chước ông Phan Đình Phùng. Sau này tôi lại đọc rộng cả các sách Thái tây, các sách Ấn độ, các sách Thiên chúa giáo, đều công nhận người trong bốn biển là anh em trong một nhà nên tôi đối với người trong nước lại càng đau thiết lắm, ai hơn tuổi tôi thì tôi coi như anh, ai kém tôi thì tôi coi như em cả.

Trông thấy anh em khổ sở, lẽ nào tôi lại ngảnh mặt làm thinh cho đành. Tôi ra thi hương, cũng muốn giúp việc cho chánh phủ bảo hộ, song vì thấy chánh phủ bảo hộ không tốt nên tôi phản đối.

« Tôi bỏ nước ra đi, cốt vận động phản đối chánh trị. Khi thi hội, tôi đã được 7 phân số, tuy rằng thi hỏng nhưng cũng có thể viện lệ ra làm quan được. Ấy cái cầu vinh thân, phì gia, ấm tử, phong thê ở ngay trước mắt đấy, ấy thế mà tôi không thiết, bỏ đi ngoại quốc, xa vợ con, cách phần mộ, linh đinh hai mươi hai năm trời ở nơi quê người đất khách, tin tức không thông, mất còn chẳng rõ, như thế mà bảo tôi là người nhiệt tâm phú quí hay sao ?

«Vả lại vị thi hỏng nữa, thì quyển « *Lưu cầu huyết lệ thơ* » là tôi làm từ trước, có đưa cho ông Phan Châu Trinh và cụ Thượng Cao Xuân Dục coi, vậy thì có phải là vì bất đắc chí với khoa cử rồi mượn danh ái quốc để cầu lợi lộc đâu ? Tôi phản đối chánh trị, cố nhiên là phải chiêu tập bạn đồng chí, tôi

---

(1) Trung thành với nước.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

phản đối chánh trị, cố nhiên là phải cầu có người có của, và phải lợi dụng ông Cường Để để người trong một nước đã in sâu cái óc quân chủ như người nước tôi vui lòng theo giúp, điều đó tôi không chối.

« Đến như hội « Duy tân » kia chỉ là một hội học, tôi cho chiêu tập những hạng thiếu niên anh tuấn trong nước đã ra ngoài cầu học. Ông Cường Để làm hiệu trưởng mà tôi thì làm giám đốc. Một hội như thế, có việc gì là đáng tội đâu ! Chẳng may Nhật bổn cấm cách, chúng tôi phải trở về Tàu, cái hội « Việt nam Quang phục » là người Tàu thương chúng tôi mà dựng cho, trong đó có cả người Tàu, song nói rằng có ông Nguyễn Thượng Hiền thì thiệt oan cho ông ấy quá. Điều đó tôi không nhận. Bấy giờ ông Hiền ở Sơn tây (bên Tàu) chớ có phải ở Quảng đông đâu. Vả chăng mục đích hồi đó cũng là cầu học, tôi định cho trong nước có nhiều người du học, để đúc nên nhiều tay trí thức. rồi bấy giờ mới yêu cầu chánh phủ bảo hộ phải trả lại quyền tự trị, lập thành một dân quốc. Trước sau tôi vẫn chủ trương dùng văn hóa mà phản đối chánh trị, văn hóa không xong mới phải dùng võ lực. Chánh trị còn một ngày bất lương thì tôi còn một ngày phản đối, chánh trị mà có ngày cải lương thì tôi đình sự phản đối ấy ngay.

« Song ấy mới là cái chương trình định miệng, tính có tiền thì làm như thế, chớ có giấy má sổ sách gì đâu. Chí chưa đạt, công chưa thành, tôi còn dám nghĩ đâu đến sự làm ông gì nữa. Nước Nam mà thành dân quốc ra, thiếu gì người tài trí hơn tôi đáng làm Tổng thống, nước Nam mà không thành được dân

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

quốc, tôi nhận cái danh Tổng thống mà quí hóa gì, ví như một nhà ông Cường Để là người chủ mà tôi chỉ là người giúp việc. Việc chưa nên cơ ngũ gì, tôi viết báo làm sách được đồng tiền nào để nuôi thân và nuôi các bạn đồng chí. Trong những sách cũng có cuốn tôi viết, cũng có cuốn người khác mượn tên tôi mà viết. Trong những sách tôi viết, có chỗ ví người Pháp như thần như thánh, ví dân Nam như gà như heo. Tôi khuyên người Nam cố học cho bằng người Pháp để yêu cầu quyền độc lập, chớ tôi không có xúi dục ai làm việc bạo động bao giờ. Những người bạo động chắc là không đọc sách tôi nên mới lấy gà heo mà chống lại với thần thánh. Vả chăng cái thủ đoạn tàn ngược là vô nhơn đạo, nước Nam mà độc lập, tôi mà có quyền thế, cũng quyết nhiên trị tội những kẻ vô nhơn đạo ấy. Nạy bảo rằng tôi chủ sự những việc ấy, thì nào lấy gì làm chứng cớ rõ ràng. Ừ, thì chụp được bức hình tôi cầm trái bom đưa cho người khác, hay là bắt được bức thơ có chữ ký, có dấu hiệu của tôi, truyền cho ai hành sát, truyền cho ai chế tạo hung khí thì bảo rằng là tang chứng đã đành, chớ nay chỉ bằng ở lời cung của những người kia, thì lấy gì làm xác đáng, cái tên Phạm Văn Tráng thiệt về đây tôi mới nghe. Trong hội « Việt nam Quang phục » không có tên người ấy. Một người không quen biết bao giờ, khi nào lại có thể lấy cái quan tước cái phú quí mười phần chưa chắc mà dụ người ta làm những việc như việc liệng trái bom là việc mười phần chắc chết cả mười được. Họ đồ cho tôi chủ sự, chẳng qua là họ nghe tiếng tôi ra ngoài viết báo làm sách, ai ai cũng biết, chớ nếu những người ấy có thiệt là người troug

đảng tôi nữa, thì đảng tôi đầu đảng là ông Cường Để, vậy thì chủ sự là ông Cường Để chớ sao lại tự tôi.

« Các việc tự tôi làm, tôi có thích thì tôi mới làm, tôi làm thì tôi nhận, chớ tôi chối làm gì ?

« Tôi chối làm gì ? Ngay từ lúc tôi làm việc phản đối chính trị tôi đã cầm chắc hai phần : Một là nước Nam được độc lập ; hai là tôi phải mất đầu. Tôi về đây là chắc chết rồi, đổ cho ai nữa mà mong chi nhẹ tội ? Hội đảng chúng tôi lập nên, cần có người, song phi ông Cường Để không thế lực với dân trong Nam ; phi ông Tán Thuật, ông Nguyễn Thượng Hiền không thế lực với dân ngoài Bắc ; có các ông ấy thì mới thâu phục được dân tâm Nam Bắc. Còn tôi, tôi chỉ có thế lực ở tỉnh Nghệ cùng mấy tỉnh Trung kỳ mà thôi. Chúng tôi dắt nhau ra ngoài, trước hết là phải cầu làm thế nào để nuôi được nhau đã, vì thế cho có nhờ người Tàu giúp tiền giúp của cho. Làm giấy bạc giả cũng là vì cớ ấy, song có tiêu đi được đâu. Lúc qua Xiêm là vì bấy giờ có mấy người ở Trung kỳ sang, chịu đói chịu khát với nhau, tôi phải sang để xin ít ruộng đất mà cày cấy làm ăn, sự thiệt chỉ có thế.

« Những tội lỗi của những người làm việc bạo động kia mà cho là tội lỗi ở tôi cả, điều đó chỉ phải một nửa, nghĩa là chỉ phải về một phương diện mà thôi, cứ lấy luân lý mà nói, thì tội của em tức là tội của anh, vì anh không biết dạy bảo để em phạm tội ; thế nhưng về phương diện pháp luật thì khi nào tội của em lại có thể là tội của anh được !

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Nay quan tòa nếu tin ở lời của chúng khai mà buộc tội cho tôi, thì cứ theo như cái án năm 1913 mà giết phăng ngay tôi đi còn hỏi lôi thôi làm gì nữa, còn theo công lý làm gì nữa, còn theo pháp luật làm gì nữa, song nếu bằng ở sự thiệt, bằng ở công lý, bằng ở pháp luật, thì việc tôi làm chẳng có tội gì. Tôi phản đối chánh trị song chỉ dùng cách hòa bình, chớ không dùng cách kịch liệt ; thân tôi thì như con muỗi, mà Nhà nước thì như trời như biển, tôi chống sao cho lại mà bạo động làm chi. Đến nay hơn hai mươi năm trời chiếc thân cô khổ, một việc không nên như thế, tôi sao có là kẻ anh hùng cứu quốc được !

« Nước Nam mà ra nước Nam, thì có hằng ngàn người hơn tôi ra mà lo toan việc nước, chớ như tôi sao có đáng bực anh hùng. Tôi tuy không phải là kẻ anh hùng, song tôi quyết không phải là kẻ tiểu nhơn mưu đồ phú quí... » (1)

Sau khi Cụ nói xong tòa ra lệnh tạm nghỉ rồi tái nhóm để nghe 2 luật sư của bị cáo liên hệ.

Lúc bấy giờ đã 19 giờ, trời đã tối, dưới ánh đèn điện, trạng sư Larre đứng ra nói rằng Ông và trạng sư Bona được tòa cử ra cãi giúp cho ông Phan. Sáng nay ông đã định cùng ông Bona chia các khoản mà cãi nhưng sau xem ra không thể chia ra như thế được nên ông nhường cho Trạng sự Bona cãi tất cả các khoản còn ông chỉ nói đại cương mà thôi.

Sau đó ông biện hộ, đại lược như sau :

« Ông Phan bội Châu là người thế nào ?

---

(1) Nguyễn Đức Riệu — *Vụ án Phan Bội Châu*, Sđd, t. 11-14.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

« Là một kẻ bạn nghịch ư ? Không !

« Là một kẻ tham đồ phú quí như vô số những phường bôn xu lợi lộc mà Chánh phủ bảo hộ đã cho được quyền cao chức trọng ư ? Không !

«Cái lịch sử ông Phan tức là cái lịch sử về chánh sách thuộc địa của nước Pháp ở Đông Pháp này trong 25 năm gần đây đó !

«Ông là người theo chủ nghĩa của đảng cách mạng, bồn chồn tấc dạ, những sốt sắng về nước về dân, lại bị cái chánh sách hà ngược của triều đình chuyên chế kích thích thêm vào, những điều nhũng lạm của tụi ô lại, tham quan ; càng thêm ngứa mắt, việc học thì chậm chạp, hình phạt thì dã man, dân trong nước biết bao nỗi ê chề đau đớn, Chánh phủ bảo hộ nhận cái thiên chức khai hóa, thế mà có dư mười mấy năm trời những tình tệ ấy vẫn chưa cải cách được là bao. Cái lòng ái quốc của ông, vì thế lại còn thêm hăng hái, bởi vậy ông chỉ trích Vua, chỉ trích Chánh phủ bảo hộ, ông chỉ trích cái chánh sách thuộc địa của nước Pháp, Ông hết lòng mong mỏi cho dân cho nước thoát khoải vòng nước lửa lầm than. Trước kia ông cô khổ linh đinh bây giờ cũng cô khổ linh đinh, sau nầy có lẽ ông cũng cô khổ linh đinh mãi mãi. Ông là người thuần khiết trong những hàng người thuần khiết, chánh phủ bảo hộ đối với những quân giặc cướp, những quân phản nghịch, những kẻ mưu đồ lợi lộc, đã tỏ ra khoan nhơn đại độ. Sao chẳng lấy khoan nhân đại độ đó mà dung cho một người mà cái ý tưởng người ta có một phần vĩ đại hơn hết thảy những quân giặc cướp, hơn hết thảy những quân phản nghịch, hơn hết thảy những tuồng bôn xu

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

lợi lộc, hơn hết thảy những người trong dân tộc Việt nam? Thời thay việc đổi, tuổi lão mình già, cái tình cảnh ông Phan Bội Châu thật đáng thương, cái tâm sự của ông Phan Bội Châu thiệt đáng cảm, cái hành động ông Phan Bội Châu thiệt đáng kính, tưởng Hội đồng cũng lượng thứ cho ».

Trong khi ông nói lại có dẫn cả lời ông Sarraut diễn thuyết ở Bruxelles và nói rằng :

« Cái chánh sách thuộc địa, ngay bên Pháp cũng nhiều chánh đảng phản đối, như đảng Xã hội hiệp nhứt chẳng hạn, chớ chẳng kể chi tới đảng Cộng sản là đảng kịch liệt xưa nay (1) ».

Ông Larre trình bầy xong, Quan tòa mời Trạng sư Bona ra cãi, Luật sư Bona dõng dạc :

— « Trước hết, tôi xin cám ơn Hội đồng đã rộng cho tôi tám ngày để xem xét ba trăm tập hồ sơ (dossier) về cái án ông Phan Bội Châu, trách nhiệm thiệt là nặng nề, thiệt là khó, song nặng nề mặc dầu, khó mặc dầu, tôi cũng thỏa lòng rằng đã được cãi giúp cho một người mà tôi vẫn hâm mộ tức là ông Phan Bội Châu đây vậy.

« Ông Phan bội Châu là người thế nào ?

« Có phải là người lợi dụng cái lòng nhiệt thành của quốc dân mà kiếm lợi không ?

« Có phải là người quả thiệt là nhiệt tâm ái quốc không ?

« Tôi hỏi rồi tôi lại xin đáp, tôi xin nói quyết rằng ông Phan Bội Châu là người có tư tưởng cao thượng, có lòng ái quốc

---

(1) Nguyễn đức Riệu — *Vụ án Phan Bội Châu*, sđd t. 15-16.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

đến cực điểm, có nghị lực khác thường, dẫu đến tôi là người Pháp, tôi cũng đem lòng hâm mộ, vì tôi đã thấy cái thân thế quang minh, cái tánh tình đặc biệt, cái nghị lực bất di bất khuất đã tỏ ra hành sự trong suốt một đời ông. Hai cụ thân sanh ra ông, cụ ông là một nhà nho, cụ bà là một người làm ruộng, ông sanh năm 1866, nhờ có cái giáo dục trong gia đình, nên đào tạo nên cái tư tưởng đạo đức và chính trị, lại ở vào một tỉnh xưa nay đã từng sản xuất ra nhiều những tay anh hùng hào kiệt làm tỏ rạng cho dân tộc Việt nam. Từ thuở nhỏ, ông đã hấp thụ cái không khí tự do ở miền rừng núi Nghệ an, cái không khí sực nức những hương thơm về truyện xưa tích cũ, ông đọc sách Khổng Tử, Mạnh Tử ở Á châu, rồi ông lại đọc sách của ông Khang đức (Kant), ông Lư thoa (J.J. Rousseau), ông Mạnh đức tư cưu (Montesquieu) ở Âu châu, cái sở học sốt sắng muốn đem thực hành ngay, ông tin rằng chánh trị trong nước cần phải cải lương, trí thức quốc dân cần phải cải tạo. Năm 1885, thốt nhiên có cuộc bảo hộ, ông mới có mười chín tuổi, chính là cái tuổi máu nóng đương sôi lên sùng sục, lại mắt trông thấy cái chế độ chánh trị đồi đường, cái phương pháp giáo dục hủ bại, hình luật thì tàn khốc, vua quan thì tham nhũng, mà Chánh phủ bảo hộ thì chẳng cải cách được điều gì. Vì thế mà ông hăng hái đem ra công kích. Trong một quyển sách của ông viết, nhan đề là « Lưu cầu huyết lệ thơ ». Trong đó có những câu rằng :

— *Dân Việt nam ta ơi ! Dân Việt nam ta thì tiêu diệt mất, vì các ông vua họ muốn lấy cái uy quyền chuyên chế mà tiêu diệt dân ta.*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

*— Dân Việt nam ta ơi ! Dân Việt nam ta thì tiêu diệt mất, vì các quan họ muốn đem cái thủ đoạn tàn ngược mà tiêu diệt dân ta.*

*— Dân Việt nam ta ơi ! Dân Việt nam ta thì tiêu diệt mất, vì ta tự buộc mình vào cái vòng vô tri thức để tiêu diệt lấy mình.*

Trong lúc ấy có ba điều ông đem ra cân nhắc là : Làm quan? Làm giặc ? Hay làm một nhà chí sĩ ? Ông nghĩ kỹ rồi ông nhận làm một nhà chí sĩ ? Ông bỏ nước ra đi, qua Xiêm, qua Nhật, qua Tàu, ông lấy việc biên tập cho các báo làm kế sanh nhai, và xuất bản ra nhiều sách truyền bá tại Đông Pháp, ông lại dụ đưa những người đồng bào qua Nhựt, học tại các trường ở Đông kinh dạy về võ bị, cơ khí và học tiếng Anh, ông thì giữ việc chăm nom rất là châu đáo. Đến năm 1909 chánh phủ Nhật hạ lịnh khu trục người An nam ra khỏi nước Nhật, ông bèn cùng bạn đồng chí kéo nhau về Tàu, khi vận động ở Thượng hải, khi đi lại ở Quảng đông, lại có sang cả Bangkok là kinh thành nước Xiêm nữa.

« Vì ông thiếu tiền trợ cấp cho đảng mình và cổ động cho việc mình nên cũng phải tháo vát tùng quyền, hoặc do món tiền quyên ở trong nước gởi qua, hoặc nhờ người Tàu giúp đỡ. Ông nghĩ rằng nước Nam là nước giàu có, mà người Tây chỉ muốn lợi dụng lấy một mình, thuế khóa nặng nề, chỉ trong mười năm là người Nam bị diệt chủng, nên ông hết sức khuyên nhủ ai nấy đồng tâm hiệp lực để mai sau thoát khỏi vòng áp chế, song những người bạn đồng chí của ông có người hơn ông về tấm nhiệt thành, nghĩa là hơn ông về cái cuồng dại mà người

ta buộc ông là buộc về những tội phạm của những người cuồng dại ấy. Người ta lấy những giấy thông tư của các quan Lãnh sự, các quan Sứ thần ra làm chứng, trong những giấy thông tư ấy đầy những tin tức của mấy chú do thám. Mà những chú do thám đó là hạng người thế nào ? Có phải là cái hạng người ăn lương đi kiếm việc, chẳng lẽ việc không kiếm được mà cũng ăn lương, cho nên buộc nhiều khi cũng phải chuyện không làm có, thiệt là không đáng tin.

« Bảo rằng có những lời khai của mấy người can phạm trong năm 1913 ư ? Bao nhiêu trách nhiệm đổ cả cho một người vắng mặt, vì người ta không thể chống cãi được, cái đó là thiên hạ thường tình. Vả như hai việc liệng bom ở Thái bình và ở Hànội thiệt là phản với cái lý tưởng của ông Phan, vì cái lý tưởng ông Phan là phục quốc bằng văn hóa, chớ không phải bạo động. Ông Phan là một nhà thâm nho, là một bực hiền triết, bao giờ cũng khinh bỉ những kẻ mưu sự làm hại một cá nhơn, thì có khi nào lại chịu làm hay xúi người ta làm những cái thủ đoạn ấy. Vả cứ nói cho đúng, thì những lời cung khai của mấy người kia, không thấy điều nào có thể chứng thiệt rằng ông Phan đã gây nên tội ác cả.

Bảo rằng ông đã gây nên những sự nhiễu loạn về chánh trị ư ? Ông chỉ là người gieo hột giống mà thôi, những hột giống ấy tình cờ gặp gió đưa đi, thì ông chắc đâu được sự nẩy mầm kết quả. Ông không dục kẻ nầy hay xúi kẻ nọ bạo động, mà những kẻ bạo động đó là hiểu lầm cái lý tưởng của ông, cứ lấy luân lý mà nói, thì ông cũng có tội một vài phần, song lấy

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

pháp luật mà nói, thì ông quyết không có tội gì, vả Hội đồng đề hình là xử án theo pháp luật, chớ không phải theo luân lý mà bảo rằng buộc tội cho ông Phan được.

Ông Phan là người nóng nảy thiệt, nhưng sự nóng nảy ấy không phải là không đè nén được, vì sự hành động của ông Phan chỉ có hai cách, là xui người nên ra ngoài du học và phải đồng tâm hiệp lực với nhau, vậy thì hai việc ấy không phải là không chánh đáng, trong nước đã không đủ trường học, xuất dương lại phải tội tử hình, vậy thì dân trí bao giờ mở rộng ra được, thiệt là trái với lòng sở nguyện của người Annam về sự tấn bộ, mà nếu trình bày cái lý tưởng ấy với các quan đại thần trong nước, thì lại bị quở trách mà mang lấy tội, còn trông vào Chánh phủ Pháp, thì nước Pháp chỉ khăng khăng giữ lấy chủ quyền ở đất này, mà chẳng đem lòng khai hóa chi cả, đã không khai hóa được chút gì thì để nước Pháp ở đây cũng là vô ích. Âu là việc ta, ta cứ tính, ta phải trông cậy vào ta. Vậy ông Phan phải tính làm sao đây ? Chỉ còn một kế là trốn đi ngoại quốc và khuyên bảo thế nào cho được nhiều người. Xuất dương du học như vậy mới có thể mong gây nên được một bọn trí thức, để kêu hồn Việt nam thức dậy, đặng nên một nước văn minh. Nghĩ như vậy nên khi ông để tang cụ ông xong rồi, thì liền đem hai ngàn bạc cùng ông Tăng Bạch Hổ (1) qua Tàu. Vậy thì việc du học đó lấy cớ gì mà bắt được tội ông. Còn như ông khuyên nhủ đồng bào ông đồng tâm hiệp lực, thì Chánh phủ lấy cớ gì mà can thiệp vào để ngăn cấm ông được.

« Ông Phan có dự định dùng võ lực thật, song võ lực có

---

(1) Tăng Bạt Hổ.

chánh đáng thì mới làm, là luyện tập được binh khí, lục quân, hải quân, đại bác, phi cơ có thì mới làm, khi nào xong mới đường đường chánh chánh đem ra mà khai chiến.

« Nhưng ông Phan gần nay là người thế nào ? Ngay khi còn ở ngoại quốc, thật là tự do, thật là tự chủ, mặc sức vẫy vùng, mà ông đã soạn ra hai quyển sách, một quyển là « *Dư cửu niên lai sở trì chi chủ nghĩa* », quyển sách đó khuyên đồng bào nên từ bỏ hẳn võ lực, theo cái gương Á thích bá (Arabie) và Phi luật tân (Phillippines) cứ cố sức nâng cao trình độ mình lên thì tự khắc người Pháp sẽ cho mình tự trị ; quyển thứ hai là quyển « *Pháp Việt đề huề chánh kiến thơ* », quyển sách ấy để tên là Độc tinh tử, trong đó ông Phan đoán rằng thể nào cũng có một cuộc Pháp Nhựt tranh chiến, mà trong khi tranh chiến đó địa vị người Nam phải thế nào ? Theo Nhựt chăng ? Theo Pháp chăng ? Ông Phan khuyên rằng nên theo Pháp, mà không phải rằng võ bị nước Nhựt có kém gì nước Pháp đâu, song có bốn lẽ người Nam phải theo người Pháp : Một là đối với người Nhựt, người Nam không thể yêu cầu độc lập được. Hai là người Nam không lấy võ lực mà đòi tự trị với người Nhựt được. Ba là nước Nam vào tay người Nhựt thì dẫu đến cơm thừa canh cặn cũng chẳng còn, và cái giống Nhựt là cái giống người lọc lừa đểu sỏ, đối với ai cũng chỉ phản phúc lường gạt không thể nào tin cậy được. Nước Nam vô phước mà vướng phải thì không còn hi vọng gì nữa. Bốn là nước Nam sẽ bị diệt chủng vì giống Nhựt là giống phồn diễn hơn, cường tráng hơn, như vậy thì cái chết của người Nam không phải tự đây mà đi, nhưng chính là từ khi vào tay nước

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Nhựt vậy. Bởi thế mà ông khuyên người Nam phải đồng tâm với người Pháp ; Coi vậy thì biết ông Phan đã mang một cái óc lớn lao, thông thời đại thế, chớ chẳng phải chấp nệ như ai đâu.

« Lại vừa rồi ông có gởi thơ về cho hai con, trong bức thơ ấy ông khuyên con phải sao cho xứng đáng làm một người dân Việt nam, và là bạn hiền của người Pháp. Như vậy chẳng phải là cái tang chứng rành rành rằng ông Phan chỉ phản đối cái chánh trị bất lương, chớ không phản đối người Pháp, ý ông cũng muốn Pháp Việt đề huề, miễn là cái chánh sách thì cần phải cải cách. Cái ý tưởng ấy tức cũng như cái ý tưởng của quan Toàn quyền Varenne đã diễn thuyết tại Auvergne ngày 12 tháng 10 năm 1925 mà Thời báo (Le Temps) bên Pháp ngày 13 tháng 10 đã đăng, trong đó có những câu sau này :

« *Nếu cái chánh sách của ta ở bên Đông Pháp không kịp đem cái tinh thần hòa bình công chánh cải lương mà sửa đổi lại thì chỉ nay mai là gặp những sự biến đổi quan trọng hơn là những sự biến đổi ở Maroc bây giờ* ».

« Coi một câu ấy thì quan Toàn quyền Varenne với ông Phan Bội Châu thật là hai bên cùng hiệp một ý.

« Trở lên trên tôi đã nói đó, thì đủ biết ông Phan Bội Châu là người thế nào. Cứ như cái thiên tư, cái học thức của ông thì khó gì mà chẳng làm nên giàu, làm giàu có hai cách : Một là vào quan trường ; Hai là đi ăn cướp, mà ông đều không thèm làm cả.

« Cái lý tưởng của ông Phan nói tóm lại là đem một cái tinh thần mới mà sửa lại cái chánh trị của nước mình, đi theo một

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

con đường thẳng mà con đường ấy là bổn phận của một người Nam ngày nay đều phải trông đó mà đi theo cả.

« Chánh phủ Pháp xưa nay đã bao lần mở lòng quảng đại dung thứ cho chẳng biết bao nhiêu người cừu địch như Lương Tam Kỳ, Đề Kiều v.v... há lại không đem tấm lòng quảng đại ấy mà xá cho ông Phan Bội Châu sao?

« Cái hiện tình ở Đông pháp bây giờ thế nào? Ở trong nước thì dẫu vẫn được yên ổn, khốn nhưng mà các nước láng giềng thì đương cựa quậy, cái phong trào ở ngoài tất có ngày kích thích vào trong. Như vậy thì lúc nầy chẳng phải là lúc nên đem cái ý kiến Pháp Việt đề huề của ông Phan đã khuyên đồng bang ra mà thiệt hành sao ?

« Thưa các ngài, các ngài mà dung thứ cho ông Phan Bội Châu thì chẳng những các ngài làm trọn một việc quảng đại, mà lại làm trọn được một việc chánh trị khôn khéo nữa, ngay đến người Pháp ta ai người học rộng cũng phải đem lòng phục các ngài ». (1)

Lời tranh biện của Luật Sư Bona đã làm các người tham dự cảm động, nhiều người rưng rưng nước mắt.

Lúc bấy giờ đã đến 20 giờ tối. Viên Chánh thẩm ra lệnh nghỉ mấy phút để các quan tòa vào phòng luận tội mật nghị.

Sau đó các quan tòa trở ra, hỏi các trạng sư và bị cáo có điều gì muốn nói nữa không?

---

(1) Nguyễn Đức Riệu. *Vụ án Phan Bội Châu*, Sđd, t. 19, 21

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Hai trạng sư Larre và Bona đồng thanh xin tha tội cho bị cáo. Kế đó cụ Phan cũng đứng dậy nói thêm :

«Trước hết ông cám ơn Hội đồng đã đem ông ra xử xét lại trước mặt công chúng, lại cắt hai ông Thầy kiện cãi giúp, ví như vào Chánh phủ Nam trào thì nguyên phản đối cũng ghép vào tội chết rồi, còn đâu có Thầy cãi hộ, còn đâu có đầu nữa mà ra trước mặt Hội đồng. Nay những điều ông muốn nói, thì hai ông Thầy kiện đã nói hết rồi. Bây giờ ông chỉ nói một câu vắn tắt rằng : Nếu Chánh phủ Pháp lấy tàu bay, tàu lặn, đại bác, chiến thuyền, nghĩa là lấy võ lực mà cai trị xứ nầy, theo cái chánh sách « cá lớn nuốt cá nhỏ », « cả vú lấp miệng em », không kể gì là công lý, không kể gì là pháp luật, thì tôi đành chết chẳng nói làm chi ; song nói Chánh phủ Pháp lấy văn minh mà khai hóa xứ nầy, còn có công lý, còn có phép luật, thì tôi thiệt không có tội gì đáng tội ».

Cụ Phan nói xong, Tòa lại nghỉ một lát, các quan tòa vào phòng luận tội và viên Chánh thẩm đã đặt ra 9 điểm sau :

1. Phan Bội Châu lấy tặng vật, lời ước, dọa nạt, thiện quyền, gian mưu, nguỵ kế để khiêu khích hay xúi dục tại địa hạt Tàu và Xiêm la, trong một thời hạn chưa tiêu diệt thì có phải là tùng phạm vào cái việc tên Phạm Văn Tráng tức Cháng (bị án rồi) đã dự mưu giết chết ông Nguyễn Duy Hàn, Tuần phủ Thái bình ngày 12 tháng 4 năm 1913 không ?

2. Cũng trong cái thời kỳ ấy, đã cấp khí cụ là trái bom để hành sự và biết rằng khí cụ ấy để hành sự thì có phải là tùng phạm vào cái việc tên Phạm Văn Tráng tức là Cháng (bị án rồi)

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THƯ VIỆN HUỆ QUANG

đã dự mưu giết chết ông Nguyễn Duy Hàn, Tuần phủ Thái bình ngày 12 tháng 4 năm 1913 không ?

3. Vì lấy tặng vật, lời ước, dọa nạt, thiện quyền, gian mưu, nguỵ kế để khiêu khích hay xúi dục tại địa hạt Tàu và Xiêm, trong thời hạn chưa tiêu diệt thì có phải là tùng phạm vào cái việc tên Nguyễn Văn Tuý tức Tài Xế và tên Nguyễn Khắc Cần đã dự mưu giết hai vị quan tư là Mongrand và Chapuis tại ngoài hiên khách sạn Hanoi Hôtel ngày 26 tháng 4 năm 1913 không ?

4. Cũng trong cái thời kỳ ấy, đã cấp khí cụ là những trái bom để hành sự và biết rằng khí cụ ấy dùng để hành sự thì có phải là tùng phạm vào cái việc tên Nguyễn Văn Tuý tức Tài Xế và tên Nguyễn Khắc Cần đã dự mưu giết chết hai vị quan tư là Mongrand và Chapuis tại ngoài hiên khách sạn Hôtel Hanoi ngày 26 tháng 4 năm 1913 không ?

5. Cũng trong thời kỳ ấy, địa hạt ấy có dự vào việc âm mưu mục đích để phá đổ Chánh phủ hoặc xúi dục nhơn dân dùng binh khí chống cự với công quyền tại địa hạt Trung kỳ và Bắc kỳ mà lại có cái tình trạng nặng thêm nữa là sau khi âm mưu ấy lại có việc xảy ra hoặc mới bắt đầu xảy ra để khởi sự thì có là đồng phạm không ?

6. Cũng trong thời kỳ ấy, địa hạt ấy có dự vào việc âm mưu mục đích để phá đổ Chánh phủ, hoặc là xúi dục nhơn dân dùng binh khí chống cự với công quyền tại địa hạt Bắc kỳ và Trung kỳ thì có là tùng phạm không?

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

7. Cũng trong thời kỳ ấy, địa hạt ấy đã vận động hại đến sự yên ổn của công chúng hoặc sanh mối đại loạn đến chánh trị thì có là tùng phạm không ?

8. Cũng trong thời kỳ ấy, địa hạt ấy đã dự vào một hội lập ra, chủ ý để dự định hoặc để xâm phạm đến tánh mạng người hoặc tài sản người là những trọng tội đã dự định phạt ở những điều 87, 89, 91, 295, 296, 297, 302, 59 và 60 trong bộ hình luật Pháp do chỉ dụ ngày 30 tháng 12 năm 1912 đã sửa đổi lại không ?

9. Có tình trạng nào nên giảm cho Phan Bội Châu không ? (1)

Sau khi đọc xong 9 vấn đề trên, viên Chánh thẩm hỏi lại xem các luật sư có hồ nghi vấn đề nào không ?

Trạng sư Bona nói :

— Cứ như vấn đề thứ 7 thì chỉ ghép được vào khinh tội mà thôi. Viên Chánh thẩm lại hỏi bị cáo có kêu nài gì nữa không ?

Cụ Phan đáp :

«Tám tội ấy tôi không nhận, không phải là tôi có sợ gì chết, sợ gì tù, song vì những việc ấy là việc hại nước Nam, tôi là người yêu nước Nam, đâu tôi có chịu làm những việc ấy, tôi không chịu làm thì tôi không nhận, tôi nhận làm gì cho anh em đồng bào thóa mạ tôi ». (2)

Kế đó tòa lại nghỉ một lát để các quan tòa vào phòng luận tội, sau đó tòa tuyên án như sau :

---

(1) Nguyễn Đức Riệu, *Vụ án Phan Bội Châu*, sđd t. 21-22

(2) Nguyễn Đức Riệu *Vụ án Phan Bội Châu*, sđd t. 22

— Với 9 điểm trên đa số các quan dự thẩm đều trả lời « *có tội* ». Song án tình thì cũng có chỗ nên khoan. Vậy chiếu luật thì các điểm thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư, thứ năm và thứ sáu đều đáng phạt *đầy* ; điểm thứ bảy đáng phạt *khổ sai chung thân*, điểm thứ tám đáng *tử hình*. Song tòa khoan hồng kết án *khổ sai chung thân*.

Sau đó viên Chánh thẩm lại đọc điều 368 Luật tố tụng Hình pháp buộc bị cáo phải chịu hết án phí.

Kế đó viên Chánh thẩm lại hỏi :

« Bị can có chống án không ? »

Cụ Phan trả lời có.

Luật sư Bona lúc bấy giờ cũng an ủi Cụ :

— « Ông cứ yên lòng, thế nào tôi cũng lo cho ông được trắng án ».

Tòa bế mạc lúc 21 giờ tối. Khán giả ra về ấm ức, xì xào cho rằng án đã được định trước rồi chứ :

— « Quan tòa buộc tội như thế, trạng sư cãi như thế mà kết cục án kết chi mà nặng như vậy ? »

## II

## PHẢN ỨNG ĐỐI VỚI CÁI ÁN PHAN BỘI CHÂU

### A. — *NGƯỜI XIN CHỊU CHẾT THAY CHO PHAN BỘI CHÂU*

Ngay khi tòa đang xử, lúc các quan tòa vào phòng luận tội, trong phòng xử khán giả đứng ngồi chật ních, thì có một nhà nho cố gắng chen vào. Nhân viên an ninh Pháp giữ lại hỏi thì ông xưng tên là Tú tài Nguyễn Khách Doanh (tức Tú Khắc) người ở huyện Nam trực tỉnh Nam định vào chịu án thế cho cụ Phan.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Đến khi các quan tòa ra thì ông hăm hở cầm một bức thư chạy lên trước tòa. Lính sen đầm chạy ra ôm lấy ông và lấy bức thư đưa lên cho viên Chánh thẩm. Nội dung bức thư đó là ông xin với tòa chịu chết thay cho cụ Phan.

## B.— *PHẢN ỨNG CỦA DÂN CHÚNG ĐỐI VỚI CÁI ÁN PHAN BỘI CHÂU*

### a.— *Dư luận báo chí*

Ngay sau khi tòa xử xong, chủ bút báo L'Argus Indochinois (Minh Trĩ), Ông A. Clémenti, đã gửi một điện văn cho Toàn quyền Varenne đại ý như sau (1) :

*Kính gửi Quan Toàn quyền Varenne Saigòn.*

*« Với tư cách nhà báo theo dõi phiên tòa xử nhà ái quốc An nam Phan Bội Châu, rất lấy làm kinh hãi khi thấy tội nặng đến như vậy* stop. *Đa số người Pháp, và người Nam có mặt đều có cảm giác như tôi* stop. *Để làm rạng rỡ thời kỳ ngài trọng nhậm và cũng để trấn an dân chúng, kính xin ngài rủ lòng thương đến nạn nhân của chính sách thực dân này* stop. *Ngài tha tội cho y thì chẳng những công bằng mà còn là một chính sách khéo léo và cao cả* stop. *Người Annam sẽ sùng kính lòng khoan dung của ngài và coi đó là bằng chứng tỏ ra rằng ngài muốn làm dịu bớt những oán vọng chồng chất vì những lỗi lầm chính trị trước đây ».* (2)

**A. Clémenti**

*Chủ bút báo Minh Trĩ*

---

(1) Báo Minh Trĩ — Số ngày 26-11-1925.

(2) Toàn quyền Varenne là người đầu tiên và duy nhất thuộc đảng Xã hội Pháp được giữ chức vụ Toàn quyền ở thuộc địa. Ông trị nhận Đông dương từ tháng 11 năm 1925 đến tháng 1 năm 1928.

— David Marr — *Vietnamese Anticolonialism* — University of California Berkeley — 1971, t. 266.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

Ông Nguyễn Phan Long, chủ bút báo *Echo Annamite* (Tiếng vang An nam) cũng viết bài nói rằng ông đã nhận được rất nhiều thư từ, điện tín từ các nơi gửi về, cả trong nước cũng như ngoại quốc yêu cầu ông xin tha cho cụ Phan. Trong bài ông có nhấn mạnh :

« Cụ đã chống án lên Hội đồng bảo hộ nhưng chưa biết kết quả ra sao. Nếu cái ngược án cũ kia cứ nhất định thi hành thì không gì ngăn trở được bọn ta sẽ lấy hết thế lực mà đòi ra lẽ công bình »

« Vả lại quan Toàn quyền Varenne đã hứa tự tay xét lại hồ sơ và xin tòa Hình tái xử.

« Vậy ta hãy để cho ngài làm tròn bổn phận ngài đối với công lý, đối với nhơn đạo, giả sử có đến nỗi nào ta còn trông mong ở hội Nhân quyền nữa. Xin đồng bào ta hãy kiên gan chờ xem cớ sự ra sao đã. Việc cụ Phan sẽ được Pháp luật bênh vực cho. Hẳn sau này cũng có một người Tây nào có tâm huyết biểu tình cùng ta mà dám nhận việc đó ».

Báo *Indochine*, một tờ báo bán chính thức của nhà nước cũng lên tiếng bênh vực cụ Phan, ký giả báo này là Monin đã viết :

« Tôi càng nghĩ đến án này tôi càng nghĩ đến mấy vấn đề luân lý : Ba người ái quốc Pháp vì lòng ái quốc của mình làm tội một người ái quốc An nam phạm tội ái quốc... »

Báo *Indépendance Tonkinoise* cũng đăng tin có nhận được rất nhiều thư riêng của từng người hay từng nhóm vận động xin hủy cái án của cụ Phan.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

c.— *Phản ứng Quốc tế*

Ngày 9-10-1925, Kiều bào ta ở Pháp tổ chức ở *Bác học hội* (Salle de sociétés Savantes) một cuộc Mít-ting (Meeting) để thảo luận về vấn đề cụ Phan Bội Châu cùng hiện tình Đông dương và Trung quốc. Các người tham dự đã đồng thanh bầu cụ Phan Bội Châu làm chủ tọa danh dự buổi mít-tinh này. Buổi mít-tinh có sự tham luận của các nhân vật ngoại quốc như Ông Vernochet, Tổng thư ký hội *Công nhân Giáo dục Quốc tế*, Ông Dutilleul Tổng thư ký hội *Cấp cứu Công nhân Quốc tế*, Ông Charles Bellan, (người Antilles) *Cựu công sứ Cao mên*, Ông Hadjali *Chính trị gia Maroc*, Ông Bourrhala, *Chính trị gia Syrie*, Ông Senghor, *Chính trị gia Sénégal*, Ông Hou-ting Đại diện *Trung hoa Quốc dân đảng*. Các diễn giả đã lên tiếng đả kích Chính sách của Pháp ở Đông dương và toàn thể hội nghị đã thông qua điện văn như sau :

« *Điện Tín gửi Cụ Phan Bội Châu, Hỏa lò Hà nội.*

*Nhiều người đồng bang với ngài, họp cùng những người bạn người Tàu, Pháp và các thuộc địa khác, sau khi đã tố giác những sự bất lương của chính sách thuộc địa, gửi đến ngài mối cảm tình và hứa với ngài rằng sẽ hết sức can thiệp để ngài thoát khỏi khổ sai chung thân* ».

Các cựu chiến binh Trung hoa trong « *Dân quốc cựu chiến binh hội* » cũng lên tiếng phản đối việc nhà cầm quyền pháp bắt cụ Phan Bội Châu.

Các lính ta ở bên pháp cũng gửi cho « *Thuộc dân liên hiệp hội* » thư phản đối chính quyền Pháp bắt cụ Phan.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Ông Nguyễn Pho, một nhà báo chuyên chống đối chính quyền kịch liệt đã nhân danh đảng *Thiếu niên Việt nam* gửi điện văn cho Quốc hội Pháp như sau :

« *Chúng tôi yêu cầu Quốc hội Pháp can thiệp hoặc chém đầu Phan Bội Châu để củng cố uy quyền Pháp ở Đông dương bằng võ lực, hoặc hủy bỏ bản án bất công để tỏ đức quảng đại của nước Pháp* ».

Ngày 3-12-1925, kiều bào ta ở Paris (1) hội ở *Bác học hội* (Salle des sociétés savantes) lên tiếng xin tha cho cụ Phan. Họ gửi về toàn quyền Đông dương 2 điện văn đại ý :

1.— « *Điện Tín gửi Toàn quyền Varenne, Hà nội.*

*Những người Đông dương hội ở Paris ngày 3-12-1925 phản đối việc xử ức Ông Phan Bội Châu và yêu cầu tha ngay Ông* ».

2.— « *Điện Tín gửi Ông Phan Bội Châu, Hà nội.*

*Được tin cụ bị án đầy, chúng tôi đau lòng vô cùng. Chúng tôi đã đánh điện tín cho Toàn quyền Varenne kháng nghị việc ấy và yêu cầu tha ngay cụ.*

*Các đồng bào họp ở Paris ngày 3-12-1925.*

d.— *Phản ứng của dân chúng trong nước.*

Hội *Việt nam thanh niên* ở Hà nội có in ra 4000 lá thư gửi cho *Hội quốc liên, Tòa án Quốc tế Lahaye, Quốc hội Pháp, Giám quốc Pháp, Tổng trưởng Thuộc địa Pháp, Toàn quyền Đông Pháp Sứ*

---

(1) Do các ông Nguyễn Như Phong, Dương Văn Giáo và Nguyễn Thế Truyền tổ chức.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

*thần* Trung hoa và các nước ở Paris, cho các kiều dân Việt nam ở Pháp và ngoại quốc, để yêu cầu họ vận động tha cho cụ Phan.

Hội *Trung kỳ tương tế* ở Hà nội (1) có gửi cho Toàn quyền Varenne (khi ấy đang ở Dalat) một điện văn xin tha cho cụ Phan Bội Châu đã được trả lời như sau :

« Bản chức đã thông báo cho 2 trạng sư biện hộ cho Phan Bội Châu biết rằng ý bản chức định khi ra Hà nội sẽ đích thân xét lại hồ sơ này. Bản chức cũng mong rằng việc này sau khi xét lại sẽ làm cho bản chức có thể lấy biện pháp khoan hồng để đáp lại lòng tin cậy của dân chúng An nam đối với bản chức từ khi bản chức mới đến xứ này ».

Các Sinh viên trường *Cao đẳng Hà nội* cũng gửi điện văn cho Toàn quyền Varenne như sau :

*« Chúng tôi là Sinh viên Đại học Đông dương rất lấy làm buồn về sự kết án nhà Đại ái quốc, Đại duy tân của chúng tôi. Chúng tôi trân trọng xin ngài ân xá cho ông. Ngài làm như vậy sẽ tỏ ra ngài trung thành với lý tưởng của nước Pháp và chức vị văn minh nhân đạo của xứ ngài. Dân chúng An nam sẽ biết ơn ngài mãi mãi ».*

Khi Toàn quyền Varenne ra Hà nội, hơn 200 Sinh viên học sinh đã chia thành 3 toán đón đường từ ga Hàng cỏ đến Phủ Toàn quyền cầm các biểu ngữ viết các khẩu hiệu :

— Nhà xã hội Varenne muôn năm.

— Xin ân xá cho Phan Bội Châu.

— Đả đảo chính sách thực dân áp bức.

---

(1) Do ông Hoàng tiến Giảng đại diện.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

Các nữ giáo sư và nữ sinh trường Đồng khánh (Huế) cũng họp nhau gửi điện văn cho Toàn quyền Varenne nội dung :

« *Chúng tôi là nữ giáo sư và nữ học sinh trường Đồng khánh xin ngài vì lòng khoan dung, ân xá cho nhà ái quốc Phan Bội Châu* ». (*1*)

Các nữ học sinh trường Sư phạm Hà nội kéo nhau lên phủ Toàn quyền xin yết kiến Varenne phu nhân, yêu cầu xin ân xá cho cụ Phan Bội Châu. Bà Varenne rất ngợi khen lòng sốt sắng của các cô và hứa sẽ hết sức giúp cho các cô được như nguyện.

Các kỳ mục ở các tỉnh Hà nam, Nam định, Hải dương, Hưng yên, Thái bình, Ninh bình, Hà đông, Hòa bình ngày 8-11-1925 gửi lên Toàn quyền 2 lá đơn khiếu oan cho cụ Phan và xin ân xá cho cụ.

Ngày 11-12-1925 khi Toàn quyền Varenne đi đến cuối phố hàng đường Hà nội thì có trên 100 bà già quỳ mọp ở giữa đường xin ân xá cho Cụ Phan. (1)

## III

## CUỘC VẬN ĐỘNG THÀNH CÔNG

Toàn quyền Varenne là người của đảng Xã hội Pháp, lúc nào cũng tự nhận là đồ đệ của Karl Marx, đã cố gắng chứng tỏ tinh thần tiến bộ của mình.

Ngày 7-12-1925, ông tiếp 2 trạng sư Larre và Bona để tìm hiểu ý kiến của họ.

---

(1) Báo L'Argus Indochinois số ngày 15-12-1925.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Hôm sau Varenne cho mời Chưởng lý Bouragne lên phủ Toàn quyền để cùng ông xét lại hồ sơ nội vụ.

Ngày 11-12-1925, Hội đồng bảo hộ ở phủ Thống sứ để xét lại vụ án này dưới quyền chủ tọa của Khâm sứ Robin. (1) Mục đích của Hội đồng là coi lại bản án của Hội đồng đề hình ngày 23-11-73 xem có đúng luật hay không mà thôi chứ không hỏi cung lại. Kết quả là Hội đồng cho biết bản án trên không có chỗ nào không đúng luật. Điều đó có nghĩa là Hội đồng bác đơn kháng cáo của Cụ Phan.

Song trước các cuộc vận động của dân chúng, Toàn quyền Varenne truyền cho nhân viên đối đãi tử tế với cụ để ông sẽ chuyển đạt lời thỉnh cầu tha cụ Phan sang đức Giám quốc Pháp vì sau khi Hội đồng bảo hộ bác đơn ông không biết ông có quyền ân xá như một vị Quốc trưởng hay phải xin Giám quốc Pháp. Muốn tỏ lòng tôn nhượng cấp trên ông gửi đơn xin ân xá của Cụ Phan về bộ thuộc địa để nhờ đệ lên Giám quốc Pháp và tỏ ý muốn ân xá.

Ngày 11-12-1925 ông cho viên Thanh tra Chính trị vụ Bắc kỳ Bride vào Hỏa lò báo tin cho cụ Phan biết là quan Toàn quyền đã chuyển đơn của ông về Pháp.

Ngày 24-12-1925 bộ thuộc địa Pháp đưa vấn đề này ra trước Hội đồng nội các và điện sang cho Toàn quyền biết rằng theo luật, viên Toàn quyền có quyền ân xá.

---

(1) Đối với các án chính trị trong thời Pháp thuộc, tòa tiên thẩm là Hội đồng đề hình và tòa phá án là Hội đồng bảo hộ.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG Thư Viện

Nhờ vậy Toàn quyền Varenne đã ký ngay Nghị định ân xá cho cụ Phan và truyền lệnh tha ngay cho cụ.

Sau khi cụ được tha, Toàn quyền Varenne ân cần mời cụ lên chơi, nghỉ lại một đêm tại phủ để đàm đạo. Trong dịp này Toàn quyền có đề nghị cử cụ vào chức Học bộ Thượng thư hay cố vấn riêng của Toàn quyền nhưng cụ từ chối cả (1). Lúc ra về Toàn quyền Varenne có tặng cụ một cây can.

Ngày 25-12-1925 cụ về Huế bằng xe hơi và đến ở tạm tại nhà ông Nguyễn Bá Trác lúc bấy giờ làm Thị lang Bộ binh và ở ngay trong bộ. Do đó nhiều người bàn ra tán vào rằng cụ bị câu thúc tại Huế. Phóng viên báo thanh niên đã đến tận nơi phỏng vấn cụ về vấn đề này thì cụ nói như sau :

« Khi tôi mới bước chân đến kinh, chỉ biết rằng ở đó có ông Nguyễn Bá Trác là bạn đồng chí ngày xưa mà thôi nên đến nhà ông mà trọ tạm để tìm được nhà riêng rồi mới dọn ra ở thiệt. Đó là nhà một người bạn thôi, ông chủ tiếp tôi, để cho tôi hành động tự do, không câu thúc chi lời ăn tiếng nói tôi được.

Đến 10-1-1926, cụ Phan dọn nhà ra ở riêng. Nhà cụ tuy nhỏ nhưng có vườn trồng cây, có bể thả cá, có hòn non bộ coi có vẻ phong lưu lắm.

*Saigon ngày 22 - 10 - 73*

NGUYỄN KHẮC NGỮ

---

(1) Nguyễn Đức Riệu, Sđd. t. 34 .

ĐÍNH CHÍNH :

*Trang 30 dòng 9 :* Cai **trị** *thay vì* Cai **tù**

*Trang 32 dòng 2 :* Mở **mày** *thay vì* Mở **này**

*Xin thành thật cáo lỗi cùng tác giả và độc giả.*

*T. T.*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

• Đông Tùng

# ĐÍNH CHÍNH MỘT VÀI SỰ KIỆN LIÊN QUAN ĐẾN ĐỜI CÁCH MẠNG CỦA SÀO NAM PHAN BỘI CHÂU... *

SÀO Nam Phan Bội Châu là một nhà ái quốc chí sĩ cách mạng, tên tuổi và sự nghiệp NGƯỜI, quốc dân đồng bào từ cụ già 7, 8 mươi cho tới em bé học sinh 9, 10 tuổi không ai không biết.

---

* (Bài thuyết trình của G.s. Đông Tùng trong ngày húy nhật thứ 33 Phan Bội Châu, tổ chức tại Viện Đại học Vạn Hạnh Saigon, ngày 29 tháng 10 năm 1973).

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Tuy nhiên, trong các tài liệu lịch sử viết về NGƯỜI trong những năm gần đây, có lẽ vì những nguyên nhân chính trị phức tạp nên đã có một số điểm sai lầm đáng tiếc.

Là một người đối với Cụ Phan có nhiều điểm tương quan, về địa phương, về lịch sử chính trị, về liên hệ gia đình... chúng tôi tự thấy có nhiệm vụ cần phải đính chính lại cho đúng.

Sau đây là 8 điểm chúng tôi sẽ nêu lên để thảo luận :

1) Cụ Phan Bội Châu có một biệt hiệu « Hải Thu 海秋 » hay « *Hải Thụ*? 海受 ».

2) Phong trào Đông Du (1904-1908) do các lãnh tụ Sào Nam Phan Bội Châu, Kỳ ngoại Hầu Cường Để, Mai Sơn Nguyễn Thượng Hiền, Thất Sơn Nguyễn Thần Hiến và 200 sinh viên du học Nhật bản có hay không chủ trương viện quân Nhật về đánh Pháp để phục quốc ?

3) Có hay không việc cụ Phan chủ trương « Pháp Việt đề huề » ?

4) Việc Phạm liệt sĩ Hồng Thái ném bom giết hụt Toàn quyền Đông Dương Merlin ở Sa điện ngày 19 tháng 6 năm 1923, có phải do cụ Phan chủ trương như một số tài liệu lịch sử ở đây đã viết không ?

5) Tổ chức « Tâm tâm Xã » ở Tàu có phải là cụ Phan sáng lập không ?

6) Bài « Ái quốc Ca » Cụ Phan sáng tác thời gian nào và ở đâu ? bằng chữ Hán hay tiếng Việt ? và hai bài thơ nhan đề

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

« Sống » và « Chết » có phải của cụ Phan không ? Hay là tài liệu ở đây đã gán ép cho cụ ?

7) Ai đã báo mật thám Pháp bắt cụ Phan ?

8) Có phải cụ Phan cùng cụ Ngô Đình Diệm sáng lập lên « Phong trào cách mạng quốc gia » như tài liệu Đệ nhứt Cộng hòa đã viết từ năm 1955 không ?

Sau đây chúng tôi xin nhắc lại từng điểm một để cùng các quý vị thảo luận.

1) Cụ Phan Bội Châu có biệt hiệu « Hải Thu 海秋 » hay « Hải Thụ 海受 » ?

Các cụ ta thời xưa đặt bút hiệu hay biệt hiệu thường dựa theo mấy ý nghĩa :

a) Lấy tên sông, núi hay làng, xã, huyện, tỉnh, địa phương. Ví dụ : Mai sơn Nguyễn Thượng Hiền, Nghiêu giang Đặng Văn Bá. Đông Chử Nguyễn Thức Tự, v.v...

b) Rút từ một câu sách cổ ra. Ví dụ : Tên là « Sĩ » thì đặt hiệu hay tự là Thượng Chí. Do câu sách : « Sĩ hà sự ? viết thượng chí » Bùi Kỷ đặt là Ưu Thiên. Do câu « Kỷ nhân ưu thiên trụy v..v... »

c) Lấy những chữ nào, thành ngữ nào, ưa thích muốn làm theo, hay ức chế cá tính. Ví dụ : Băng tâm, Thu tịnh hay như Nguyễn Trãi đặt là Ức trai vân vân.

Trên đây, chúng tôi chỉ đưa ra một số ví dụ đại quan, còn vấn đề này hãy còn đa diện không thể kể hết được.

Trường hợp Cụ Phan Bội Châu, thường thấy biệt hiệu Hải Thu trên các sách Việt ngữ, thì chúng tôi và có lẽ cũng như

THƯ VIỆN HUỆ QUANG
TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM

một số trong các quý vị chỉ nghĩ rằng : Hải nghĩa là biển. Thu là mùa Thu. Hải Thu là trong lặng như mặt biển mùa thu.

Không ngờ vừa rồi, một nhà Cựu học ông Lê Xuân Giáo chuyên viên Hán văn tại Viện Khảo cổ Saigon, tiểu trưởng ban dịch thuật (Ban cổ văn) thuộc phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa (nay thuộc bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên) có sưu tầm được một bài thơ bằng chữ Hán của cụ Mai sơn Nguyễn Thượng Hiền, nhan đề :

« *Độc Hải Thụ Bội Châu bái thạch phú :*

讀 海 受 佩 珠 拜 石 賦

Khi được đọc chính chữ Hán mới vỡ lẽ ra rằng : à ra chữ « thụ 受 » là chịu, chứ không phải là chữ « thu 秋 » là mùa thu như bấy lâu nay người ta vẫn biết.

Thế rồi chúng tôi đã cố tâm tra cứu nội dung ý nghĩa 2 chữ « Hải thụ 海 受 » thì ra cụ Phan đã lấy ở câu sách Nho « Quân thi tự thiên, ngã thụ tự hải » nghĩa là : ông thi ân cho tôi nhiều như trời cao ; tôi thọ ân của ông như bể chứa đựng nước, không biết bao nhiêu cho vừa.

Vì trong một bức thư cụ Phan viết cho Lương Khải Siêu, có lần cụ đã viết câu đó.

Vậy chúng tôi xin tạm kết luận rằng : Cụ Phan có biệt hiệu « Hải thụ » chứ không phải « Hải thu ». Từ nay ai viết tiếng Việt nhớ thêm dấu nặng vào cho đúng.

2) Phong trào Đông Du (1904-1908) Cụ Phan có chủ trương viện quân Nhật về đánh Pháp để phục quốc không ?

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Chúng tôi xin xác nhận rằng, Cụ Phan không hề có chủ trương như vậy !

Sau đây là những chứng liệu :

a) Thời gian chúng tôi ở Trung hoa (1926-1928) và sau về Xiêm (1928-1935) có được gặp một số lãnh tụ phong trào Đông du còn sống sót ở Tàu. Các cụ Đặng Tử Kính, Võ Trọng Đài, Đặng Thúc Hứa ở Xiêm, được các cụ nói cho hay :

« Phong trào Đông du là chủ trương « Súc chủng đãi thời » nghĩa là tích trữ giống tốt để chờ thời cơ kịp thời trồng tỉa. Nói cụ thể : nhờ trường học nước ngoài để học hỏi quân sự, học chế tạo vũ khí và các khoa học thực nghiệm khác hầu tạo cơ sở vốn liếng cho đại cuộc cách mạng nước mình, để gặp thời cơ thuận lợi thì đủ năng vùng dậy được. Chứ không phải chỉ có chủ trương sẽ viện quân Nhật về đánh Pháp để phục quốc. »

Để bảo đảm cho luận cứ trên, cụ Đặng Thúc Hứa nhà nguyên lão cố vấn cách mạng ở Thái lan có đọc cho chúng tôi nghe mấy câu chữ Hán mà cụ Phan Bội Châu viết sau đây trong một bản kêu gọi Thanh niên du học Nhật bản năm 1905 :

« *Hổ vị tống ư tiền môn, yên khả nghinh lang ư hậu hộ*

« *Ư quốc hà tì ? ư dân hà bổ ?* »

« . . . . . .

Nghĩa là : Chưa đuổi được cọp ra cửa trước đã vội rước beo vào đàng sau, thử hỏi được ích lợi gì cho dân cho nước.

b) Cụ Nguyễn Thức Canh, một trong vài lãnh tụ của phong trào Đông du. Trong tập tài liệu « tự truyện » ở tiết 14 đã ghi lại cuộc hội thảo chính trị giữa cụ Phan và các đồng chí Cụ trong

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THƯ VIỆN HUỆ QUANG

phong trào Đông du, Cụ Nguyễn Thức Canh đã viết như vầy :

« .... Cầu viện nước ngoài là một việc rất nguy hiểm, lịch sử triều Nguyễn Gia Long há chẳng phải là một tấm gương sáng cho chúng ta sao ? »

Ngoài ra trong tài liệu của phong trào Đông du Cụ Phan còn kể lại một sự kiện lịch sử của người Nhật bản tên là Đức Xuyên như sau :

« Vào khoảng năm 1864, trước cuộc Duy tân Nhật bản, Đức Xuyên chỉ huy quân Mạc phủ đánh lại quân Hoàng gia Nhật, bị thua luôn nhiều trận. Lúc bấy giờ có một linh mục người Pháp tìm gặp Đức Xuyên cũng như Bá Đa Lộc tìm gặp Nguyễn Ánh ở đảo Phú quốc khi bị Tây sơn đánh bại. Vị linh mục người Pháp nói với Đức Xuyên rằng, nếu bằng lòng sẽ cho người đi theo ông ta về Pháp, ông ta sẽ làm trung gian thỉnh cầu chính phủ Pháp huy động đại quân sang giúp cho Mạc phủ thì thừa sức chống với quân Hoàng gia,

Nhưng bị Đức Xuyên từ khước bằng lý lẽ sau đây : « Rước quân đội ngoại bang về để đánh lại người bản quốc là một người dân đắc tội với Tổ quốc giống nòi, tôi không bao giờ làm chuyện đó.

« Tôi cứ đánh, được thì tôi giữ chủ quyền nước Nhật, nếu tôi thua thì chủ quyền trở lại Hoàng gia Nhật, dù Minh Trị thiên hoàng hay bất kỳ ai cũng vẫn là người Nhật, tôi không làm chuyện cõng rắn cắn gà nhà, rước voi dày mồ tổ. »

Vì biết được sự việc đó, cho nên sau khi Minh Trị thiên hoàng lên giữ chủ quyền, chẳng những không nỡ giết Đức Xuyên

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG Thư Viện

mà còn khẩn khoản kêu gọi sự hợp tác để xây dựng nước Nhật hùng cường ».

Hành động của Đức Xuyên các vị lãnh tụ cách mạng của ta hết lời ca ngợi.

Xuyên qua những sự kiện lịch sử trên chúng ta có thể tạm kết luận mà không sợ sai lầm rằng : Phong trào Đông du lãnh tụ Sào Nam Phan Bội Châu chỉ là câu chuyện « Súc chủng đãi thời » chứ không hề có chủ trương viện quân Nhật về để đánh Pháp.

Chủ trương ấy vẫn rất đúng với các người hậu bối của các cụ trong việc kháng chiến chống Pháp.

Ví dụ đại cuộc tháng 8 - 45 cũng như kháng chiến chống Pháp, các nhà chỉ huy quân sự là những ai ? nếu không phải là những người đã từng học tại các trường ngoại quốc : ở Hoàng phố, ở Diên an, ở Pháp và ở Mỹ (1).

---

(1) Thiếu tướng Thanh Hùng, chính tên là Đặng Thai Đậu, người làng Xuân triều, tổng Bích triều, huyện Thanh chương, tỉnh Nghệ an, gọi cụ Đặng Thúc Hứa bằng bác ruột, nhà văn Đặng Thúc Mai bằng anh (con bác).

Ông qua Xiêm từ hồi 18 tuổi, vào học trường Xiêm, tốt nghiệp cấp bậc Trung học ở Vọng các, năm đó chính phủ Xiêm thi tuyển 12 sinh viên đi học quân sự bên Mỹ, ông dự thi và trúng tuyển.

Qua Mỹ học quân sự 4 năm trở về Xiêm giữ chức Thiếu úy trong quân đội Hoàng gia Xiêm, sau mấy năm lên tới bậc Trung tá.

Khi quốc nội xảy ra đại cuộc kháng chiến chống Pháp, ông xin giải ngũ bên đó để về nước chỉ huy kháng chiến quân đánh lại quân Pháp, sau lên tới cấp bậc Thiếu tướng.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

*3) Có hay không cụ Phan bội Châu có chủ trương Pháp Việt đề huề ?*

Đây là một vấn đề có nhiều mặt, cũng như vấn đề « Trung lập » vậy. Trung lập của Hoa thịnh đốn và Saigòn không phải là trung lập của Bắc kinh, Mạc tư khoa và Hà nội ; Trung lập De Gaulle Tổng thống Pháp, khác với trung lập của ông Nérhu Thủ tướng Ấn độ.

Cũng vậy « Pháp Việt đề huề » do toàn quyền Đông dương đề xướng, mà ông Phạm Quỳnh rêu rao trên báo Nam phong, ông Bùi Quang Chiêu la hét trên báo Tribune Indochinoise, hoàn toàn khác biệt với « Pháp Việt đề huề chính kiến thư » của cụ Phan Bội Châu.

Tuy nhiên, người ta cũng không khỏi thắc mắc và tự hỏi ; trong bối cảnh vàng thau lẫn lộn ấy, nhà chí sĩ cách mạng chúng ta, viết ra « *Pháp Việt đề huề chính kiến thư* » làm gì để cho Tây nó lợi dụng.

Nếu như phải tìm câu trả lời, thì có lẽ sau đại chiến thứ nhất kết liễu, Nhật bản đang hăm he muốn nhảy vào Đông dương, mà bộ mặt thực của Nhật bản là như thế nào, bao năm ở Nhật cụ Phan đã quá rõ : Cuộc Duy tân của Minh Trị thiên hoàng đã đem nước Nhật khỏi cảnh mất nước nhưng đồng thời cũng đã đem nước Nhật vào tập đoàn cướp nước. Chứng cớ là nước Nhật đã cướp và thống trị Triều tiên và luôn luôn dòm ngó Trung hoa. Chính sách cai trị thuộc địa « 7 gia đình mới cho phép dùng một con dao » (thất gia nhất dao) của Nhật ở Triều tiên, làm cụ ghê tởm. Từ đó cụ nghĩ rằng, nếu nước Việt

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

nam bị mất vào tay Nhật, thì đồng bào Việt nam còn khổ gấp trăm lần là phải làm thuộc địa của Pháp nhiều.

Nói về cách mạng Việt nam, các phong trào Cần vương rồi Đông du rồi Quang phục chỉ chạy từ thất bại nầy tới thất bại khác, cuối đại chiến thứ nhất chính Cụ đã lãnh đạo Việt nam Quang phục tổ chức Quang phục quân đánh Pháp nhiều trận ở biên giới Hoa Việt và Lào Việt, nhưng tất cả đều thất bại. Trong bối cảnh cách mạng thái trào không muốn để cho dân cho nước lâm vào cảnh hoán nô dịch chủ đã khổ càng khổ hơn. Nếu bây giờ người Pháp cũng biết được trước nguy cơ người Nhật mà thực sự giúp đỡ cho Việt nam tiến bộ, thì mình cũng nên sẵn sàng.

Tuy nhiên, thực chất Pháp Việt đề huề của cụ Phan là một sự cộng tác song phương đôi bên đều có lợi, khác xa với Pháp Việt đề huề của A. Sarraut mà Phạm Quỳnh rêu rao trên báo Nam phong cũng như những tên tôi tớ Pháp mang cái chiêu bài Pháp Việt đề huề để thực sự làm tay sai cho Pháp như chúng tôi đã nói ở trên.

Hay nói đúng hơn, « *Pháp Việt đề huề chính kiến thư* » của cụ Phan một mặt là lời cảnh cáo cho Thực dân Pháp ở Đông dương hay : nếu các ông cứ xem người Việt nam chúng tôi như tôi tớ trâu ngựa, rồi đây Nhật bản sẽ mang quân tới nói chuyện với các ông, người Việt nam sẽ không giúp các ông đề kháng cự thì đất nước này sẽ thuộc Nhật bản.

Một mặt cụ nói với nhân dân Việt nam, nếu như người Pháp biết thay đổi thái độ đối xử thực sự coi ta như người bạn

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

thì ta cũng nên đề huề hợp tác với họ. Nhất là khi người Nhật dám đem quân tới đây đánh Pháp để giành chủ quyền đất nước nầy, thì ta không nên làm câu chuyện hoán nô dịch chủ, mà trái lại nên giúp Pháp để chống Nhật, vì người Nhật hung ác tham tàn lắm, nhất là chính sách thống trị thuộc địa của họ, tôi là người biết rõ lắm rồi.

Nói như vậy có nghĩa là « *Pháp Việt đề huề chính kiến thư* » của Phan Bội Châu là một sự tương thân tương ái, tương tư tương trợ. Nếu như người Pháp cứ thói nào nết ấy, dùng bốn tiếng « Pháp Việt đề huề » để lừa dối mê hoặc người Việt nam, thì người Việt nam cũng cứ tích cực chống đối tới cùng.

Thực sự cụ Phan có đề huề hợp tác với người Pháp không ?

Như trên chúng tôi đã trả lời rằng không ! Chúng tôi xin nêu lên một số sự kiện để làm chứng như sau đây :

1) Sau khi viết « *Pháp Việt đề huề chính kiến thư* » giao Phan Bá Ngọc gởi về cho Toàn quyền Đông dương A. Sarraut, nhưng rồi qua sự kiểm tra không thấy bọn chúng thực hiện được chút nào cả, mà trái lại Pháp Việt đề huề chỉ là một trò hề bịp bợm, mà chính mình đã tiếp tay cho chúng một phần đáng kể.

2) Nếu như cụ Phan có ý muốn đề huề với bọn Pháp với bất cứ giá nào, thì tại sao sau khi cụ bị chúng bắt về nước, chúng kêu gọi hợp tác mời cụ nhận một trong 3 chức vụ quan trọng :

(1) Cố vấn tối cao cho chính phủ Nam triều. (2) Thượng thư Bộ học. (3) Viện trưởng Viện Dân biểu Trung kỳ. Cả 3 đều bị cụ tìm đủ mọi cách để từ chối.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

3) Người biết rõ chuyện kể rằng : Khi cụ Phan không chịu nhận chức vụ Viện trưởng Viện Dân biểu Trung kỳ, chúng mới xoay sang mời cụ Huỳnh Thúc Kháng. Trước khi nhận chức vụ Viện trưởng cụ Huỳnh có sang Bến Ngự hỏi ý kiến cụ Phan, nhưng cụ nói dứt khoát là không nên nhận, bằng những lời lẽ sau đây :

« .... Bác bảo là đấu tranh trong Nghị viện, khi nói đấu tranh tức là đấu tranh với Pháp để đòi hỏi cho nhân dân Việt nam cái quyền làm dân ( Dân quyền ) bao gồm cả quyền làm người (Nhân quyền) nhưng muốn có dân quyền và nhân quyền, trước hết phải có quốc quyền, nghĩa là phải có quyền làm chủ đất nước.

Thực tế nước ta hiện nay :

— Nước mất chủ quyền nước

— Dân Việt nam mất quyền làm dân

— Người Việt nam mất quyền làm người. Tình trạng đang như thế, thì tất cả những cái do người Pháp bày ra bầu bán Viện nọ, Hội đồng kia chỉ là trò dân chủ giả hiệu bịp bợm cũng như câu chuyện « Pháp Việt đề huề » năm xưa mà chính bản thân tôi đã bị lầm lẫn. »

Đương sơ cụ Huỳnh không tin, vì nhà chí sĩ họ Huỳnh còn hy vọng vào đó sẽ mưu được ích lợi phần nào cho dân cho nước chăng ?

Chẳng dè giữ chức vụ Viện trưởng Viện Dân biểu Trung kỳ chưa được bao lâu, cụ Huỳnh thấy rõ mình chỉ là một công cụ cho bọn người cướp nước làm bình phong che dấu bộ mặt dân chủ giả hiệu, cụ vội vã rút về làm báo Tiếng dân.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THƯ VIỆN HUỆ QUANG

Nếu bảo rằng cụ Phan sẵn có chủ trương Pháp Việt đề huề thì tại sao có những hiện tượng tích cực chống đối tới cùng như vậy ?

4) Bài thơ nhan đề : « *Ăn sung nằm gốc cây sung, lấy anh thì lấy nằm chung không nằm* » của cụ.

Sau khi bị Pháp bắt về giam lỏng tại giốc Bến Ngự, đã có những dư luận phân vân cho rằng chẳng chóng thì chầy cụ Phan Bội Châu cũng sẽ ra hợp tác với nhà nước Bảo hộ theo chủ thuyết Pháp Việt đề huề. Cụ mới mượn câu ca dao trên làm đề tài cho một bài thơ để giải bày tâm sự và tuyên bố chủ trương bất hợp tác của mình đối với thực dân Pháp :

*« Thời thế xui nên giả vợ chồng*
*Lấy chàng chưa dễ chịu nằm chung*
*Thà chơi cho nó toi đồng bạc*
*Nỡ để cho ai nếm má hồng*
*Cười gượng có khi che nước mắt*
*Khóc thầm vì nỗi khác hai lòng*
*Khi nào duyên mới thay duyên cũ*
*Cùng nhau ra sức tát bể đông ».*

Qua bài thơ thể Tỉ trên đây đã quá rõ ràng thái độ bất đề huề hợp tác với Thực dân Pháp của cụ rồi.

Bằng vào 4 chứng tích kể trên, chúng tôi xin quả quyết nói rằng : « Cụ Sào nam Phan Bội Châu không bao giờ có chủ trương Pháp Việt đề huề theo kiểu của A. Sarraut đề xướng mà Phạm Quỳnh tán dương ca ngợi trên tạp chí Nam Phong cả »

*
* *

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

4) *Việc Phạm liệt sĩ Hồng Thái ném bom giết hụt Toàn quyền Đông dương Merlin ở Sa điện vào ngày 19-6-1924 có phải do cụ Phan Bội Châu chủ trương không ?*

Sở dĩ chúng tôi nêu lên vấn đề này là vì một số không ít tài liệu lịch sử ở đây mỗi khi viết tới sự việc này đều bảo rằng : việc này do cụ Phan chủ trương cùng một số thanh niên ở Tàu — chỉ nói thanh niên chớ cũng không nói rõ là thanh niên nào ? Đây là một sự sai lầm đáng tiếc, cần phải được đính chính lại.

Sau đây là những chứng tích :

1) Trong tài liệu « *Phan Bội Châu niên biểu* » (bằng chữ Hán chính tay Cụ Phan viết và dịch ra tiếng Việt mang tựa đề là « *Tự Phán* », Cụ Minh viên Huỳnh Thúc Kháng đề tựa, Cụ Phan kể rõ rằng lúc bấy giờ Cụ đang ở Hàng châu được đọc báo Hoa văn đăng tin động trời ấy Cụ mới biết.

2) Vụ án Phan Bội Châu năm 1925 tại Hanoi lời quan tòa Pháp buộc tội không hề nói tới vụ ném bom ấy trong khi kể hết các vụ bạo động do Cụ chủ động sau đại chiến thứ nhứt.

3) Nguyễn Ái Quốc bị Pháp kết án tử hình vắng mặt 2 lần (1930 và 1942) đều căn cứ vụ ném bom này để kết án tử hình.

Căn cứ vào các sự kiện kể trên chúng tôi khẳng định dứt khoát rằng : Cụ Phan Bội Châu không phải là người chủ trương cho Phạm liệt sĩ Hồng Thái ném bom giết hụt Toàn quyền Đông dương Merlin ở Sa điện. Nếu sự kiện này không được đính chính, vô tình chúng ta đã gán cho Cụ cái lỗi « đạo sự »

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

nghĩa là lấy việc làm người khác làm việc làm của mình, chúng ta sẽ đắc tội với Cụ.

* * *

5) Tổ chức « Tâm tâm xã » ở Trung hoa có phải do Cụ Phan Bội Châu sáng lập như các tài liệu lịch sử ở đây đã viết không ?

Chúng tôi xin khẳng định dứt khoát rằng không phải, vì « Tâm tâm xã » là một tổ chức của Cộng sản gồm cả Việt lẫn người Tàu. Nếu nhận tổ chức này là của Cụ Phan, vô tình chúng ta đã nói Cụ Phan là một lãnh tụ Cộng sản.

Nội dung bài « *Xã ca* » của Tâm tâm xã hoàn toàn có tính chất Cộng sản mà gán cho Cụ Phan, thì thiệt là oan cho Cụ vô cùng. Chúng tôi xin được phép đính chính lại.

* * *

6) Bài « *Ai quốc ca* » Cụ Phan sáng tác từ lúc nào ? ở đâu ? bằng chữ Hán hay tiếng Việt ?

Sở dĩ chúng tôi nêu lên vấn đề này là vì, trong quyển tuyển tập thi văn của bộ Thông tin thời Đệ Nhất cộng hòa có trích dẫn bài ca ấy nhưng lại nói tác giả là cụ Hoàng Trọng Mậu. Như thế người ta đã phát xuất thêm 2 việc :

1) Tác quyền bài Ái quốc ca của Cụ Phan Bội Châu bị tước đoạt.

2) Người ta gán cho Cụ Hoàng Trọng Mậu về tội đạo văn. Tiện đây chúng tôi xin xác định lại rằng :

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

a) Cụ Phan làm bài ca này ở Bạn đông thầm (Thái lan) vào đầu năm 1911, dọn đường cho Việt nam Quang phục ra đời. Cụ sáng tác bằng chữ Hán, sau Cụ Lê Đại hiệu Từ Long mới dịch ra Việt ngữ.

b) Bài chữ Hán của Cụ Phan, tại miền Nam chúng ta bị thất truyền. Riêng chúng tôi còn nhớ rõ ràng câu mở đầu và câu kết thúc :

— Câu mở đầu : « *Ngô hà ái ? Ái ngô quốc ?* 吾何愛愛吾國 ». Câu này Cụ Từ Long dịch là :

« *Nay ta hát một câu ái quốc !*
*Yêu gì hơn yêu nước nhà ta* »

— Câu kết là : « *Quang Phục, Quang phục đại Quang phục.* 光復光復大光復 *Phàm ngã đồng tâm húc tai húc :* 凡我同心□哉□ ». Câu này Cụ Từ Long dịch là :

« *Hợp muôn sức ra tay Quang phục ;*
*Quyết phen này rửa nhục báo thù*
*Một câu ái quốc reo hò,*
*Xin người trong nước phải cho một lòng* ».

Lại còn 2 bài thơ thất ngôn bát cú nhan đề « Sống » và « Chết » nguyên là của Cụ Nghiêu Giang Đặng Văn Bá, quê ở Hà tĩnh, một nhà tiền bối cách mạng từng bị Pháp đày ra Côn lôn thời gian năm 1908.

Thời gian chúng tôi ở Tàu và Xiêm được nghe các nhà Tiền bối cách mạng bên đó đọc 2 bài thơ ấy và đều nói là của Cụ Đặng Văn Bá. Ấy thế mà một số tài liệu lịch sử ở đây kể cả

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

tài liệu giáo khoa khi viết về Cụ Phan Bội Châu đều trích giảng cả 2 bài và gán cho Cụ Phan là tác giả, thiệt là một sự sai lầm đáng tiếc.

Đây không phải là sự nghe thấy riêng của chúng tôi, mà sách « *Cụ Sào Nam 15 năm bị giam lỏng ở Huế* » của ông Anh Minh, một môn đệ của Cụ Phan và Cụ Huỳnh, ở trang 20 kể rõ rằng:

« Năm 1915, anh bạn Đặng Văn Quế, con trai Cụ Nghiêu Giang Đặng Văn Bá từ Hà tĩnh vào Nam chỉ huy kháng chiến có ghé Huế và gặp ông Anh Minh, đồng thời phổ biến 2 bài thơ đó và nói là tác phẩm của cha mình. »

Vậy tôi xin được phép khẳng định rằng 2 bài thơ «*Sống* » và « *Chết* » không phải là của Cụ Phan bội Châu, mà chính là của Cụ Đặng Văn Bá.

*
* *

7) *Ai đã báo mật thám Pháp bắt Cụ Phan Bội Châu*???

Thiệt ra từ năm 1955 trở về trước, sự kiện lịch sử này đã được khẳng định dứt khoát rồi đó là Nguyễn Thượng Huyền, và Trần Đức Quý đã báo cho mật thám Pháp bắt Cụ Phan tại nhà ga Bắc trạm Thượng hải (Tàu), chính trong sách Tự Phán của Cụ Phan Cụ cũng viết như vậy.

Nhưng từ năm 1955 tới bây giờ, nghĩa là sau ngày Cụ Ngô Đình Diệm về lập Đệ Nhất Cộng hòa thì có một số tài liệu lại viết khác đi là : « Lâm Đức Thụ và Lý Thụy lập mưu bắt Cụ Phan Bội Châu bán cho Pháp.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Chúng tôi cũng chẳng dám cả quyết rằng người ta viết như vậy là sai, chỉ xin lưu ý quý vị rằng, các nhà viết tài liệu lịch sử — trong thời gian Ngô triều thường đưa ra các sự kiện rất mới lạ. Ví dụ họ viết :

« Bố Nguyễn Tất Thành là Phó bảng Nguyễn Tất Sắc là một tên tướng cướp, bị Pháp bắt đày tới Cao lãnh và chết chôn ở đó, hiện nay đang còn mồ mả... »

*
* *

8) *Có phải Cụ Phan Bội Châu đã cùng Cụ Ngô Đình Diệm lập lên « Phong trào cách mạng Quốc gia » không ?*

Thiệt ra từ năm 1955 trở về trước, chưa nghe ai nói tới chuyện đó, nhưng sau khi ông Diệm về chấp chính (7-7-1954) cho ra tổ chức « Phong trào cách mạng quốc gia » thì trong tài liệu của tổ chức nầy cũng như hai tờ báo cơ quan của tổ chức (Tờ tuần báo *Ý dân* ở Huế. Nhựt báo *Cách mạng Quốc gia* ở Saigon) khi viết về lịch sử của Phong trào cách mạng Quốc gia đều nói rằng : Ngô Chí sĩ cùng Phan Chí sĩ đã sáng lập ra Phong trào cách mạng quốc gia từ đầu năm 1940, nhưng chỉ hoạt động trong vòng bí mật, bây giờ Ngô Chí sĩ về nước chấp chánh mới cho ra hoạt động công khai ».

Lại một lần nữa chúng tôi không dám bảo là họ nói bậy, nhưng lại một lần nữa xin lưu ý quý vị rằng, trong thời gian ông Ngô Đình Diệm giữ chính quyền nhiều sự kiện lịch sử mới lạ được xuất hiện, ví dụ :

1) Họ Ngô Đình ở làng Đại phong huyện Lệ thủy, tỉnh Quảng bình, là do họ Ngô Quyền từ ngoài Bắc Việt di cư vào ?

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

2) Cụ Phúc Môn Nguyễn Hữu Bài (ông Nhạc Cụ Ngô Đình Khôi) là miêu duệ 13 đời của Ức Trai Nguyễn Trãi.

3) Khi thẩm định về giá trị lịch sử họ không ngần ngại đặt Cụ Ngô Đình Diệm ngang hàng với Lý Thái Tổ và Nguyễn Gia Long : Một dời đô về Thăng long (Lý Thái Tổ), một định đô ở Huế (Nguyễn Gia Long) một đặt đô ở Sài-gòn (Ngô Đình Diệm).

Chúng tôi không phải là một học giả, cũng chẳng phải là một sử gia, chỉ là người vì những cơ duyên phức tạp mà phải sống trong các hoàn cảnh phức tạp. Vào những năm trôi sông lạc chợ, trong các nhà lao tù qua nhiều chế độ, được nghe, thấy các sự kiện lịch sử về Sào Nam Phan Bội Châu, nhận thấy có những điểm sai lầm, xin thành thực nêu lên trên đây. Còn về phần phủ định hay khẳng định chúng tôi xin thành kính nhường lại hầu quý vị.

ĐÔNG TÙNG

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

• Vũ Đức Bằng

# MỘT SỐ GIẢ THUYẾT VỀ PHAN BỘI CHÂU VÀ PHONG TRÀO DUY TÂN

*Kính dâng hương hồn Cụ Phan Bội Châu, người đã bị hậu duệ hiểu lầm quá nhiều*

**V.Đ.B. (1)**

*Từ trước tới nay, tất cả những con vật được khảo sát cẩn thận đều chứng tỏ rằng người khảo sát đã có định kiến sẵn trước khi khảo sát.*

**B. RUSSELL**

NHÌN vào lịch sử thế giới, thiết nghĩ khó kiếm được một dân tộc có hơn một ngàn năm bị ngoại bang đô hộ mà vẫn tồn tại. Lại càng khó kiếm hơn nữa, một dân tộc vừa bị một quốc gia Tây Phương (Pháp) vừa bị một khổng lồ Đông Phương (Trung Hoa) đô hộ.

---

(1) Người viết chân thành tri ân một số bạn hữu đã đọc bản thảo và đề nghị một số ý kiến xây dựng, đặc biệt xin ghi ơn GS. Đoàn Viết Hoạt, Viện Đại Học Vạn Hạnh, đã chỉ bảo cho một số sai lầm.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Nếu kinh nghiệm bị trị của Việt Nam dài và đa diện, kinh nghiệm đối kháng của Việt Nam cũng không nghèo nàn, ngắn ngủi gì như những trang sử của dân tộc đã từng chứng minh một cách quá hùng hồn.

Điểm căn bản trong cuộc đối kháng của Việt Nam chống Trung Hoa là người Việt càng tiếp nhận văn hóa Tàu, càng tỏ ra muốn lệ thuộc họ ít hơn về mặt chính trị.

Cũng vậy, cuộc đối kháng của Việt Nam chống Pháp vào thập niên đầu thế kỉ XX mang một số sắc thái đặc biệt trong đó có hai yếu tố phải được coi là bất khả phân : *học kĩ thuật của Tây Phương để mong đánh bật Tây Phương thực dân ra khỏi nước, hay nói cho gọn hơn, duy tân để tự cường, độc lập.* Đây là thực chất của phong trào được bàn đến trong bài này.

Tiếc thay trong công cuộc nhằm truyền lại cho hậu duệ chúng ta kho tàng kinh nghiệm bị trị, tính chất lưỡng diện của cuộc đối kháng của dân tộc chưa được phản ảnh một cách trung thực. Chẳng hạn, trong các tài liệu sử học viết cho học sinh, sinh viên, và ngay cả trong những công cuộc nghiên cứu dài hơi, các tác giả dường như quá chú trọng vào việc khai thác một vài chi tiết hoặc khuếch đại một vài dị biệt mà quên mất bức họa toàn diện. Do đó, về mặt dữ kiện, xét ra kiến thức của chúng ta một phần nào phong phú hơn, nhưng về mặt ý thức hệ, chúng ta hầu như đang lâm vào ngõ bí : chúng ta thấy nước, nhưng chưa thấy sông, thấy cây cối mà chưa thấy đám rừng. Một phần vì thiếu dữ kiện đầy đủ, chúng ta chẳng khác những người mù mới sờ được tai, được đuôi « con voi Duy Tân » đã vội sung sướng kêu là đã nhìn thấy toàn thể « con voi ».

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Tại Miền Nam trong ba năm trở lại đây người ta thấy xuất hiện một số công trình nghiên cứu độc đáo. Chẳng hạn, nhà văn Nguyễn Văn Xuân (1) đã khai quật được một số dữ kiện mới qua phương pháp khảo sát di cảo hoặc qua công trình phỏng vấn một số nhân chứng, hay hậu duệ của các nhân chứng liên quan tới phong trào tại một số tỉnh miền Trung. Nhà văn Sơn Nam (2) đã dày công sưu tầm được một số tài liệu hiếm có liên hệ tới diễn tiến của phong trào tại miền Nam và còn trích đăng một số tài liệu đó trong tác phẩm của ông. Tác giả Nguyễn Khắc Ngữ (3) đã sử dụng nhiều tài liệu gián tiếp để đối chiếu, bổ túc và chú giải tác phẩm quan trọng nhất của Phan Bội Châu, cuốn hồi kí của cụ.

Ba tác phẩm ghi nhận ở trên chắc chắn sẽ là những tài liệu hữu ích giúp đẩy mạnh công cuộc nghiên cứu phong trào Duy Tân qua khỏi giai đoạn cục bộ như từ trước đến nay. Hai tác giả Sơn Nam và Nguyễn Khắc Ngữ đã làm những công việc khiêm tốn trong đó phần ghi nhận dữ kiện chiếm gần trọn tác phẩm của hai ông.

Riêng nhà văn Nguyễn Văn Xuân đã làm một công việc táo bạo và hấp dẫn hơn. Ông đã có ý chứng minh (4) một phong trào Duy Tân

---

(1) *Phong Trào Duy Tân* (Saigon : Lá Bối, 1970 ?) 375 tr.

(2) *Miền Nam đầu thế kỷ XX : Thiên Địa Hội và cuộc Minh Tân* (Saigon : Phù Sa, 1971) 297 tr.

(3) *Phan Bội Châu niên biểu : Tự truyện của Phan Bội Châu* (Saigon : Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa, 1973) 217 tr.

(4) « Tựa » sách đã dẫn tr. X.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

> . . . đi từ các nông hội, học hội ở các tỉnh miền Trung theo con đường thương mãi rất phát đạt từ Phan Thiết (Công ty Liên Thành) tới Quảng Nam (Hợp Thương Diên Phong) tới Nghệ Tĩnh (Triều Dương), tiếp theo miền Bắc mở Đông Kinh Nghĩa Thục, các hội buôn rồi từ đó phát triển vào Nam . . .

Đây là một quan điểm mới, một cố gắng mới mẻ nhằm ráp lại toàn bộ tiến trình phát triển của phong trào Duy Tân. Tiếc thay đọc hết trang cuối của cuốn sách, người đọc phải kết luận tác giả chưa chứng minh được quan điểm đó, và mệnh đề khẳng định viết ở lời « Tựa » cuốn sách vẫn nằm trong giai đoạn giả thuyết. Thật vậy, tác giả đã phải thú nhận ở đoạn kết (1) :

> . . . chính tác giả quyển sách này vì không tìm được tài liệu đầy đủ ở các tỉnh, ở các miền cho nên vẫn chưa phản ảnh trung thực sự hình thành và tiến triển Phong Trào ở khắp nơi. *Phong Trào Duy Tân* rút lại, phần lớn chỉ được đề cập ở nơi xuất phát, ở các lãnh tụ lớn tại Quảng Nam.

Đi xa hơn nữa, tác giả cuốn *Phong Trào Duy Tân* đã căn cứ vào những tiêu chuẩn hết sức đơn giản để gạt bỏ ra ngoài phong trào những lãnh tụ căn bản như Phan Bội Châu và

---

(1) *sđd*, tr. 365.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Cường Để. Theo tác giả (1), Phan Châu Trinh sau khi đi Nhật về (1906) đã tách ra khỏi Phan Bội Châu, lập nên phong trào Duy Tân mà Phan Châu Trinh là vị « lãnh tụ toàn quốc ». Tác giả còn quả quyết (2) một cách mâu thuẫn với nhận định trên :

> . . . chắc chắn là từ năm 1905 đến năm 1906, những công cuộc lớn nhất (của phong trào) đã hoàn thành.

Trái với quan điểm của nhà văn Nguyễn Văn Xuân nhằm gạt bỏ những lãnh tụ như Phan Bội Châu ra khỏi phong trào, hầu hết các nhà nghiên cứu khác trong thời gian gần đây khi bàn tới phong trào (đảng, hội) Duy Tân Việt Nam trong thập niên đầu thế kỉ XX đều khẳng định Phan Bội Châu, hoặc Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh, là (những) lãnh tụ chính.

Chẳng hạn, Donald Lancaster (3) cho rằng phong trào nhằm cổ võ

> người Việt phải tự trang bị lấy bản thân bằng những kiến thức khoa học và kĩ thuật cần thiết để thay thế vai trò của (chế độ) Bảo Hộ

là do hai chí sĩ Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh khởi xướng.

John T.McAlister (4) cũng cho rằng Duy Tân Hội của Phan Bội Châu bao gồm khá nhiều hoạt động văn hóa rộng rãi.

---

(1) *Sdd.*, tr. 104, 112, 152, 158, 161. (2) *sdd.*, tr. 175.

(3) *The Emancipation of French Indochina* (London : Oxford University Press, 1961) tr. 73-74.

(4) *Vietnam : The Origins of Revolution* (New York : Alfred Knopf, 1969) tr. 59.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

David G. Marr (1) khẳng định « một cuộc cách mạng trí thức » đã thực sự xảy ra trong thập niên 1900-1910 trong đó hai vị lãnh tụ Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đóng những vai trò then chốt.

Pierre Renouvin lại quả quyết (2) Đề Thám là lãnh tụ phong trào các sĩ phu nhằm lật đổ chính quyền Pháp và dựng nên một quốc gia Việt Nam tân tiến theo mô thức Nhật.

Tuy nhiên, cũng như tác giả Nguyễn Văn Xuân, một số tác giả Tây Phương dường như bỏ qua hoặc làm ngơ khía cạnh văn hóa của vai trò Phan Bội Châu, trong khi đó lại khuếch đại lên khía cạnh ám xã, bạo động, vọng ngoại của cụ. Đây cũng là ba đặc điểm tác giả Nguyễn Văn Xuân sử dụng để tách biệt phong trào Quang Phục ra khỏi Duy Tân.

Chẳng hạn, McAlister khuếch đại khía cạnh vọng ngoại của phong trào. Ông viết (3) :

> Được thành hình phần lớn nhờ vào sự trợ giúp của ngoại bang, Duy Tân Hội tan rã cũng do ảnh hưởng đó. Thật vậy, vào tháng Bảy 1910 (sic), người Nhật sau khi cam kết kiêng nể sự toàn vẹn các lãnh thổ thuộc địa của Pháp, đã tống khứ cả Phan Bội Châu

---

(1) « Vietnam's Anti-Colonial Movements : The Farly years 1885-1925 » Luận án Ph.D. (Đại Học California, Berkeley, 1968) tr.263.

(2) *La Question d'Extrême-Orient 1840-1940* (Paris : Hachette, 1946) tr. 242.

(3) *sdd., cùng trang.*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

> lẫn Cường Để và đóng cửa những trường học
> đặc biệt trong đó các sinh viên Việt Nam
> tới để được huấn luyện về kĩ thuật tân tiến.

Một tác giả khác, Dennis J. Duncanson, lại khuếch đại khía cạnh bạo động. Ông khẳng định (1) Cường Để, Phan Bội Châu và Gilbert Chiếu

> cộng tác với nhau phát động Duy Tân Hội ;
> (hội này) được một doanh nghiệp tài trợ.
> Họ núp bóng dưới danh nghĩa cơ quan này
> để hoạt động kinh tài, phổ biến bích chương
> dấy loạn và rầm rộ chủ mưu, nhưng thất bại,
> trong vụ đầu độc trại lính Pháp tại Hà Nội . . .

Một tác giả người Pháp, giáo sư Paul Isoart, (2) lại khuếch đại khía cạnh ám xã của Phan Bội Châu như sau :

---

(1) *Government and Revolution in Vietnam* (London : Oxford University Press, 1968) tr. 124.

(2) *Le Phénomène national vietnamien ; De l'indépendance unitaire à l'indépendance fractionnée* (Paris : Pichon et Durant-Auzias, 1961) tr. 229. Ngoài những nhận xét đầy định kiến văn hóa ghi nhận ở trên, Giáo sư Isoart còn tỏ ra cẩu thả trong việc sử dụng dữ kiện. Ngay cả quê hương của Phan Bội Châu mà ông cũng cho là « Hà Tĩnh » (*sđd.*, tr. 228). Khi bàn về Phan Châu Trinh, Isoart còn viết (*sđd.*, tr. 232) : « Năm 1906, cụ công bố một lá thư ngỏ cho người đồng hương thúc giục họ chấp nhận nền bảo hộ của Pháp. » Isoart còn cho biết là thư này được đăng tải nguyên vẹn trên báo *Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême Orient* (tháng III-VI, 1907). Kẻ viết bài này có may mắn đọc được số báo trên nhưng không thấy có lá thư ngỏ nào của Phan Châu Trinh gởi cho đồng bào. Thay vào đó, kẻ viết này tìm thấy trong báo

(*Xem tiếp trang 90*)

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG Thư Viện

> . . . có một sự mâu thuẫn trong (con người của) nhà lãnh tụ cách mạng này : những lần xuất ngoại đã cho cụ tiếp xúc với Trung Hoa và Nhật Bản ; cụ mơ mộng sẽ lật đổ được sự thống trị của Pháp với những kiến thức thô sơ về Tây Phương mà cụ muốn truyền lại cho người đồng hương với cụ ; nhưng cụ lại quá áy náy lo lắng về những điềm may rủi qua những lần cụ tiếp xúc với « phù thủy, sư sãi, những kẻ bị ám ảnh . . . bói tiếng chim, bói ruột gan, bói chân gà, ném tiền, thử xương máu. »

Trái với quan điểm cho rằng Phan Bội Châu và phong trào của cụ gần khoa thần bí của Đông Phương hơn là khoa học « chính xác » của Tây Phương, một lập trường lại khẳng định phong trào là con đẻ của Pháp. Chẳng hạn, R. Jumper và M. W. Normand viết (1) :

> Sự du nhập về kinh tế và văn hóa,
> và cách riêng hệ thống giáo dục Pháp

---

(*tiếp theo trang 89*)

đó (số 1-2, tháng I-VI, 1907, tr. 154-175) hai bài, một đăng tải bức diễn văn của một viên tri phủ mới ở Pháp về tên là Trần Tấn Bình với nội dung thúc giục người Việt chấp nhận nền bảo hộ của Pháp. Liền ngay dưới bài đó; không chừa khoảng cách cũng không ghi tựa đề, là bản dịch ra tiếng Pháp của bức kháng thư Phan Châu Trinh gửi cho Toàn Quyền Beau năm 1906. Kháng thư này tuyệt nhiên không có đoạn nào cổ võ dân Việt Nam chấp nhận sự thống trị của người Pháp như Isoart quả quyết.

(1) « Việtnam » in G.M. Kahin (ed.), *Governments and Politics of Southeast Asia* (2nd ed. ; Ithaca : Cornell University Press, 1964), tr. 389.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

đã un đúc nên một thiểu số ưu tú
bản xứ hướng về Tây Phương; (họ) xác
tín cần phải canh tân và kĩ nghệ hóa
xứ sở, đồng thời nới rộng công cuộc
tranh đấu chống Pháp ra ngoài căn bản
chính trị để bao gồm cả mục tiêu cải
cách kinh tế và xã hội.

Sử gia tên tuổi người Pháp, Jean Chesneaux (1), không chấp nhận quan điểm của những tác giả như F. Léger và P. Renouvin cho rằng tại Châu Á cũng như Châu Phi, tinh thần quốc gia chỉ là một ý niệm do một thiểu số trí thức được đào tạo theo Tây Học nảo nức mô phỏng Tây Phương du nhập vào quê hương họ. Chesneaux quả quyết không thể chối cãi là họ có tinh thần quốc gia mặc dầu lập trường quốc gia của họ có thể khác quan điểm Tây Phương, tỉ như họ quá coi nhẹ yếu tố thăng tiến xã hội trong các chương trình hoạt động cách mạng.

Suy diễn theo chiều hướng Léger và Renouvin, McAlister kết luận tầng lớp thiểu số ưu tú do Pháp đào tạo chưa thể xuất hiện tại Việt Nam trước 1925, làm gì có chuyện canh tân theo chiều hướng Tây Phương! Do đó, McAlister khẳng định (2)

Phan Bội Châu

thực sự không phải một con người
có chủ trương quốc gia, cũng chẳng
phải một nhà cách mạng.

---

(1) *L'Asie Orientale aux 19e et 20e siècles; Chine, Japon, Inde, Sud-Est Asiatique* (Paris: Presses Universitaires de France, 1966) tr. 293-301.

(2) *sđd.*, tr. 64-65.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Như vậy, Phan Bội Châu chỉ còn là một sản phẩm không hơn không kém của truyền thống Nho Học, truyền thống đã thai nghén ra phong trào Cần Vương chống Pháp. Giả thuyết này đã có từ khá lâu đời. Theo Toàn Quyền Doumer (1897-1902) và một số giáo sĩ Pháp, trong đó có Giám Mục Puginier (1), Nho Giáo đã đào tạo nên một thiểu số trí thức có tinh thần quốc gia thực sự nhưng cuồng tín và bảo thủ, rất khó làm cho họ tiếp nhận ánh sáng của tôn giáo cũng như văn minh Tây Phương.

Suy diễn theo chiều hướng duy vật biện chứng, sử gia Chesneaux (2) cho rằng vụ kháng thuế tại Việt Nam năm 1908 là một cuộc khởi nghĩa của vô sản, trong khi đó ông lại ghép Đông Kinh Nghĩa Thục vào hàng những hiện tượng tư sản.

Tiếp theo Chesneaux, một cuộc tranh luận ý thức hệ khá sôi nổi đã nhóm lên tại Miền Bắc. Tôn Quang Phiệt và Trần Huy Liệu cho rằng Phan Bội Châu tiêu biểu cho lập trường phong kiến ; trong khi đó, một tác giả khác, Hải Thu, lại khẳng định Phan Bội Châu gắn liền với giai cấp tư sản hơn phong kiến. Ngược lại, Nguyễn Khắc Xương quả quyết Phan Bội Châu vừa phong kiến vừa tư sản. Một tác giả khác nữa tại Miền Bắc, Lê Sĩ Thắng, lại nhận định huych toẹt ra rằng Phan Bội Châu chẳng phong kiến mà cũng chẳng tư sản gì cả.

Sau hết, bàn về xuất xứ của phong trào, các tác giả cũng nói lên những điểm bất đồng khá quan trọng.

---

(1) Xem Robert Dubois, *Le Tonkin en 1900* (Paris : Société Française d'Edition d'Art, 1900 ?) tr.135-136.

(2) *Contribution à l'histoire de la nation vietnamienne* (Paris : Editions Sociales, 1955) tr. 183-205.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Như đã đề cập ở trên, theo hai tác giả Jumper và Normand, phong trào Duy Tân sở dĩ xuất hiện tại Việt Nam là do sự tiếp xúc với quốc gia tiền đạo của văn minh Tây Phương, nước Pháp.

Một số tác giả khác, như John Fairbank *et al* (1) lại cho rằng phong trào phát xuất từ Trung Hoa.

Đáng ngạc nhiên hơn nữa, có tác giả lại suy diễn rằng phong trào phát khởi tại Ấn Độ và từ đó lan tràn qua Đông Dương thuộc Pháp. Thật vậy, nhà văn Isoart (2) đã đem so sánh những nhân nhượng chính trị có phần rộng rãi của người Anh tại Ấn Độ và chế độ kiểm soát khít khao của người Pháp tại Việt Nam để đi tới kết luận là tại Châu Á phong trào canh tân có mầu sắc quốc gia phát khởi từ Ấn Độ.

Mặt khác, Victor Purcell (3) lại khẳng định phong trào thực ra phát sinh từ Nhật, đã bành trướng qua ngả Trung Hoa và Ấn Độ, từ đó lan tràn xuống các xứ Đông Nam Á...

Các giả thuyết về Phan Bội Châu và phong trào Duy Tân chắc chắn còn nhiều. Nhưng một số nêu trên cũng đủ nói lên

---

(1) *East Asia : The Modern Transformation* (Boston : Houghton Mifflin, 1964) tr. 749.

(2) *sdd.*, tr. 247-251.

(3) *The Revolution in South East Asia* (London : Thames and Hudson, 1962) tr. 51.53.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

được tình trạng hiểu biết của các học giả đối với vấn đề hãy còn thiếu sót, mơ hồ, trái ngược nhau có khi đến mâu thuẫn. Những dị biệt quan trọng hơn cả có thể qui tụ vào ba lãnh vực :

(1) vị lãnh tụ của phong trào,

(2) tính cách vị lãnh tụ đó cũng như tính chất của phong trào, và

(3) xuất xứ của phong trào.

Sau đây chúng ta thử phân loại một số giả thuyết liên quan tới ba lãnh vực nêu trên. Để làm nổi bật những điểm dị biệt, chúng ta có thể phân loại các giả thuyết thành năm nhóm, mỗi nhóm gồm bốn giả thuyết được lồng trong bốn ô đối chọi nhau, lẻ với lẻ, chẵn với chẵn, theo hình quả trám.

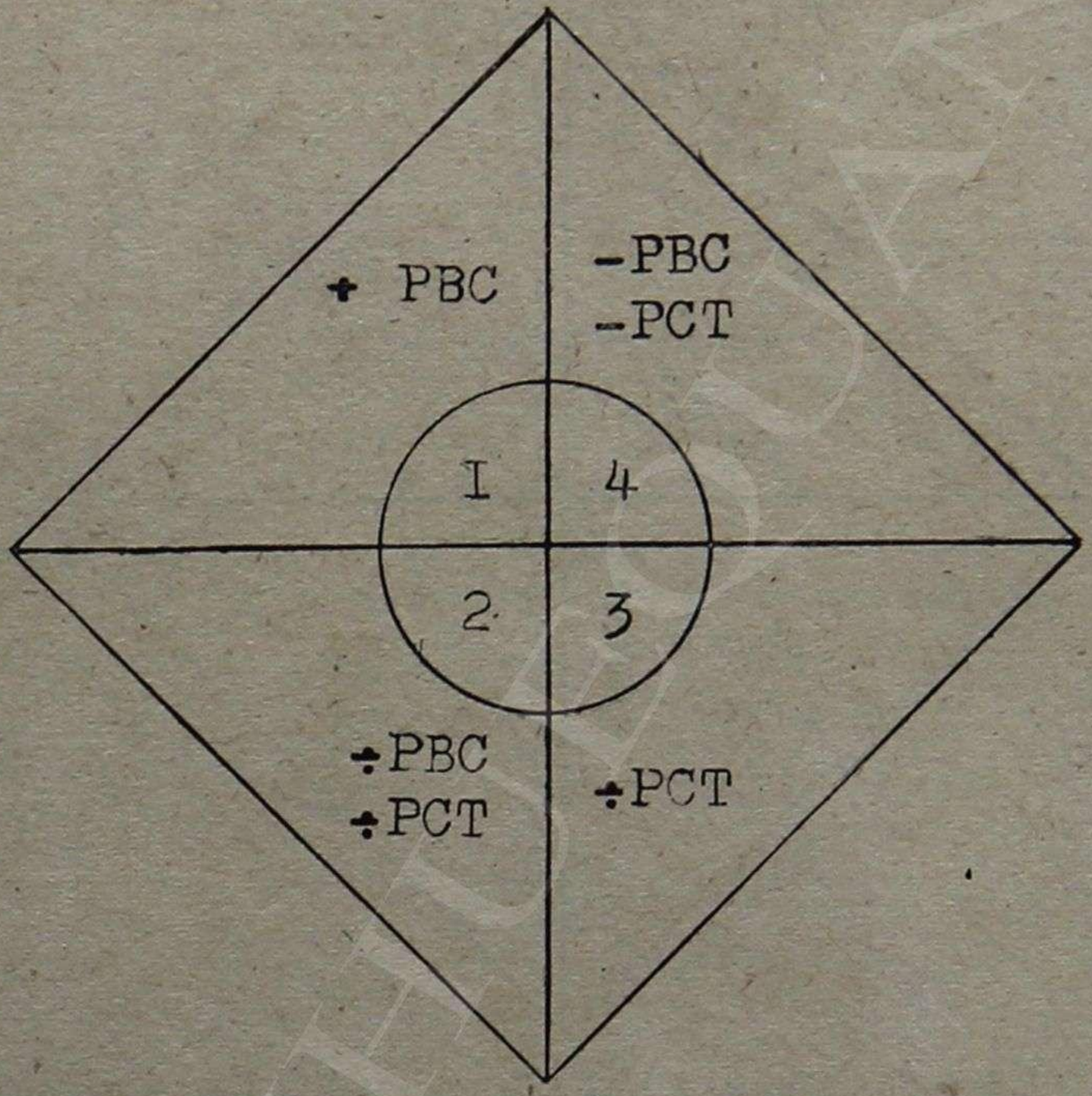
Như vậy, trên nguyên tắc chúng ta có hai mươi giả thuyết lồng trong năm bảng biểu đồ sau đây :

(*Xin xem tiếp trang 95*)

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Bảng I. PBC/PCT

PBC : Phan Bội Châu
PCT : Phan Châu Trinh




*GIẢ THUYẾT 1* : Phan Bội Châu là lãnh tụ toàn quốc của phong trào Duy Tân (lập trường của *Phan Bội Châu niên biểu*)

*GIẢ THUYẾT 2* : Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đều là lãnh tụ toàn quốc của phong trào Duy Tân (lập trường cổ điển)

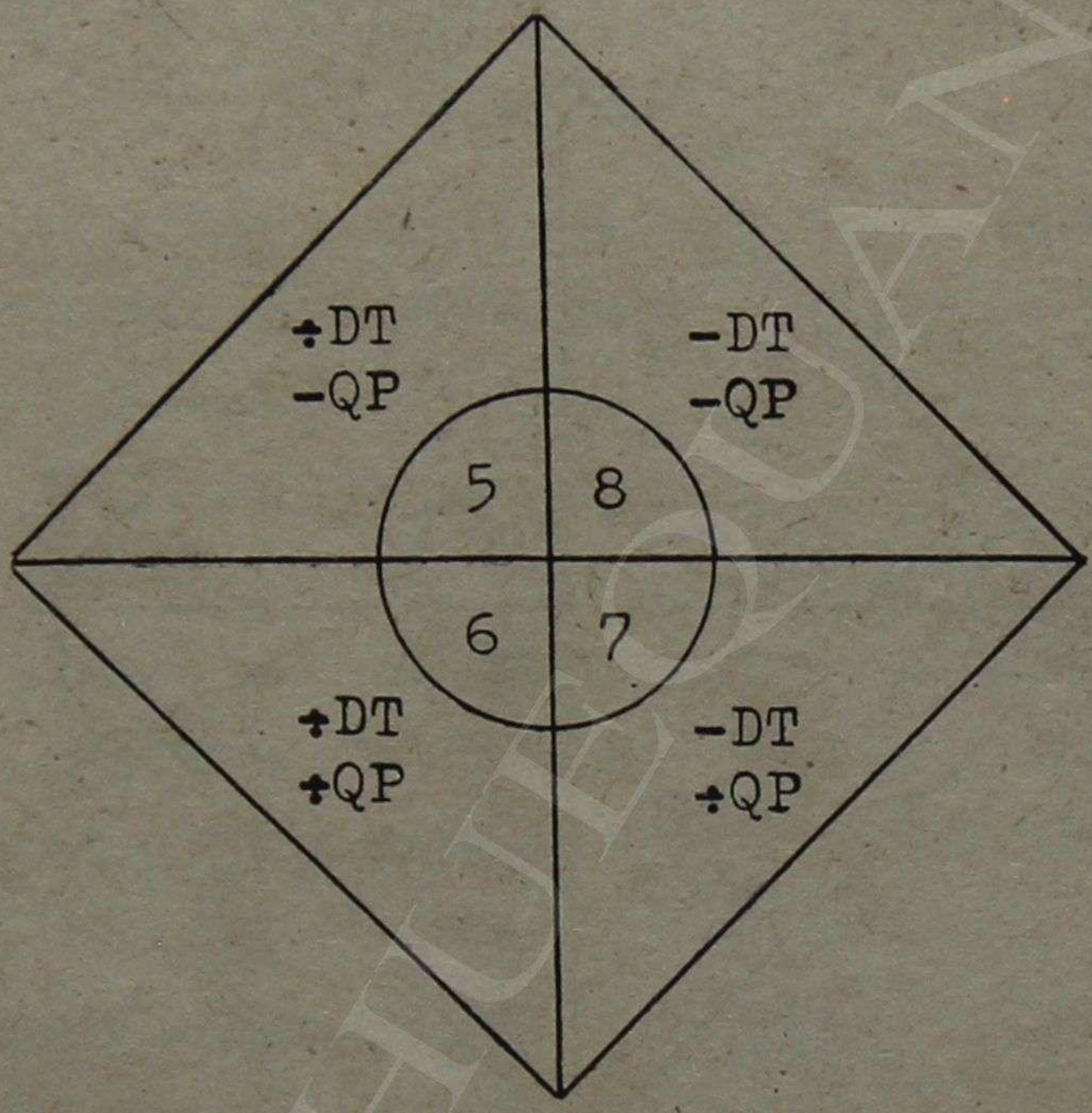
*GIẢ THUYẾT 3* : Phan Châu Trinh là lãnh tụ toàn quốc của phong trào Duy Tân (giả thuyết Nguyễn Văn Xuân)

*GIẢ THUYẾT 4* : Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đều không phải là lãnh tụ của phong trào Duy Tân mà chính là Đề Thám (giả thuyết Renouvin)

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Bảng II. DT/QP

DT : Duy Tân
QP : Quang Phục




*GIẢ THUYẾT 5* : Phan Châu Trinh có những đặc tính Duy Tân nhưng không có những đặc tính Quang Phục (giả thuyết Nguyễn Văn Xuân)

*GIẢ THUYẾT 6* : Phan Bội Châu có cả những đặc tính Duy Tân lẫn Quang Phục (lập trường *Phan Bội Châu niên biểu)*

*GIẢ THUYẾT 7* : Phan Bội Châu không hoặc hầu như không có những đặc tính Duy Tân, chỉ có những đặc tính Quang Phục (giả thuyết Nguyễn Văn Xuân, Duncanson, Isoart)

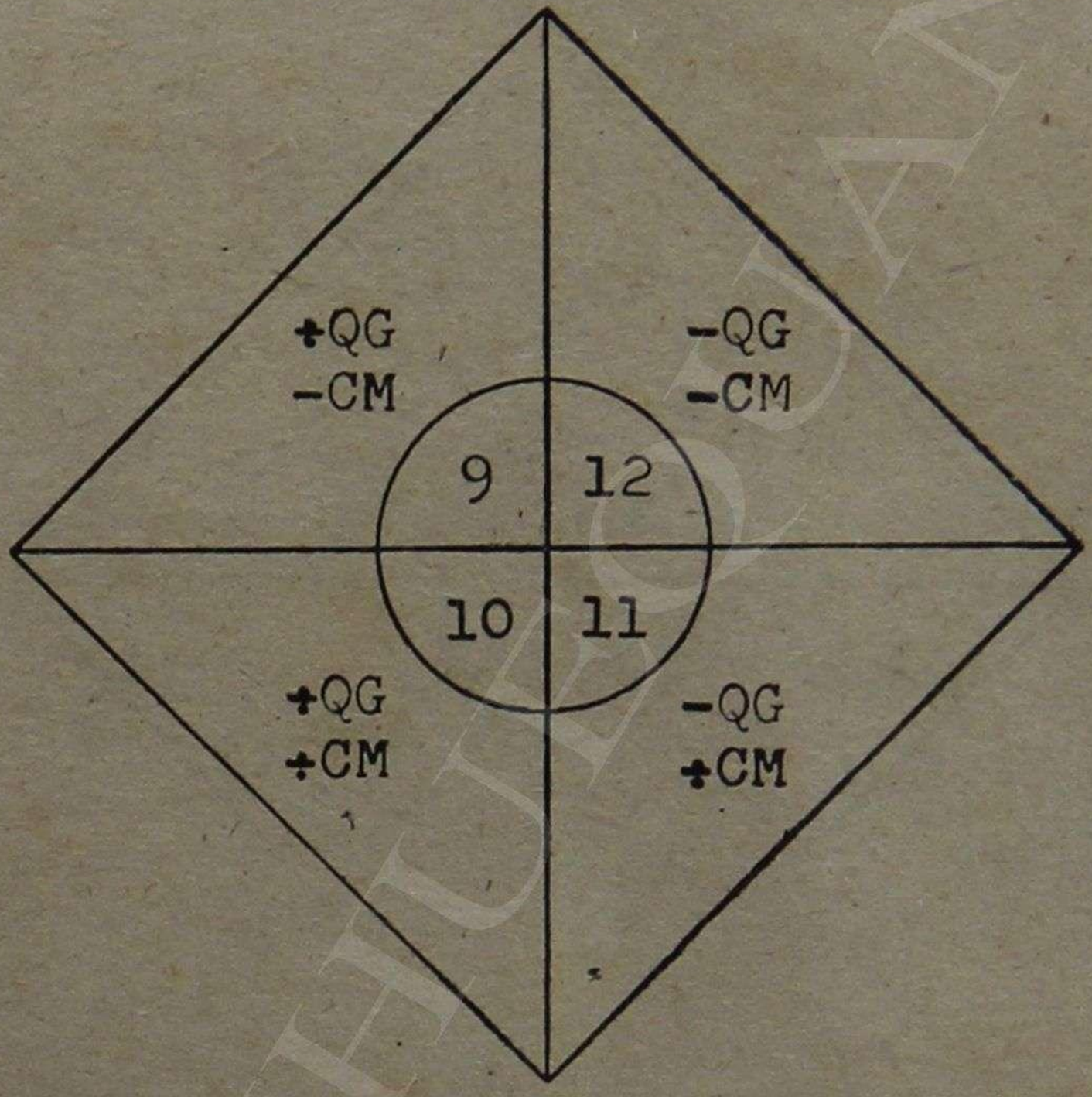
*GIẢ THUYẾT 8* : Phan Bội Châu không có những đặc tính Duy Tân, cũng không có những đặc tính Quang Phục (giả thuyết chưa thấy xuất hiện).

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Bảng III. QG/CM

QG : Quốc Gia

CM : Cách Mạng




*GIẢ THUYẾT 9* : Phan Bội Châu có lập trường quốc gia, nhưng không hoặc hầu như không có lập trường cách mạng (giả thuyết Chesneaux).

*GIẢ THUYẾT 10* : Phan Bội Châu có cả lập trường quốc gia lẫn cách mạng (lập trường cổ điển).

*GIẢ THUYẾT 11* : Phan Bội Châu không có lập trường quốc gia, chỉ có lập trường cách mạng (giả thuyết Léger, Renouvin).

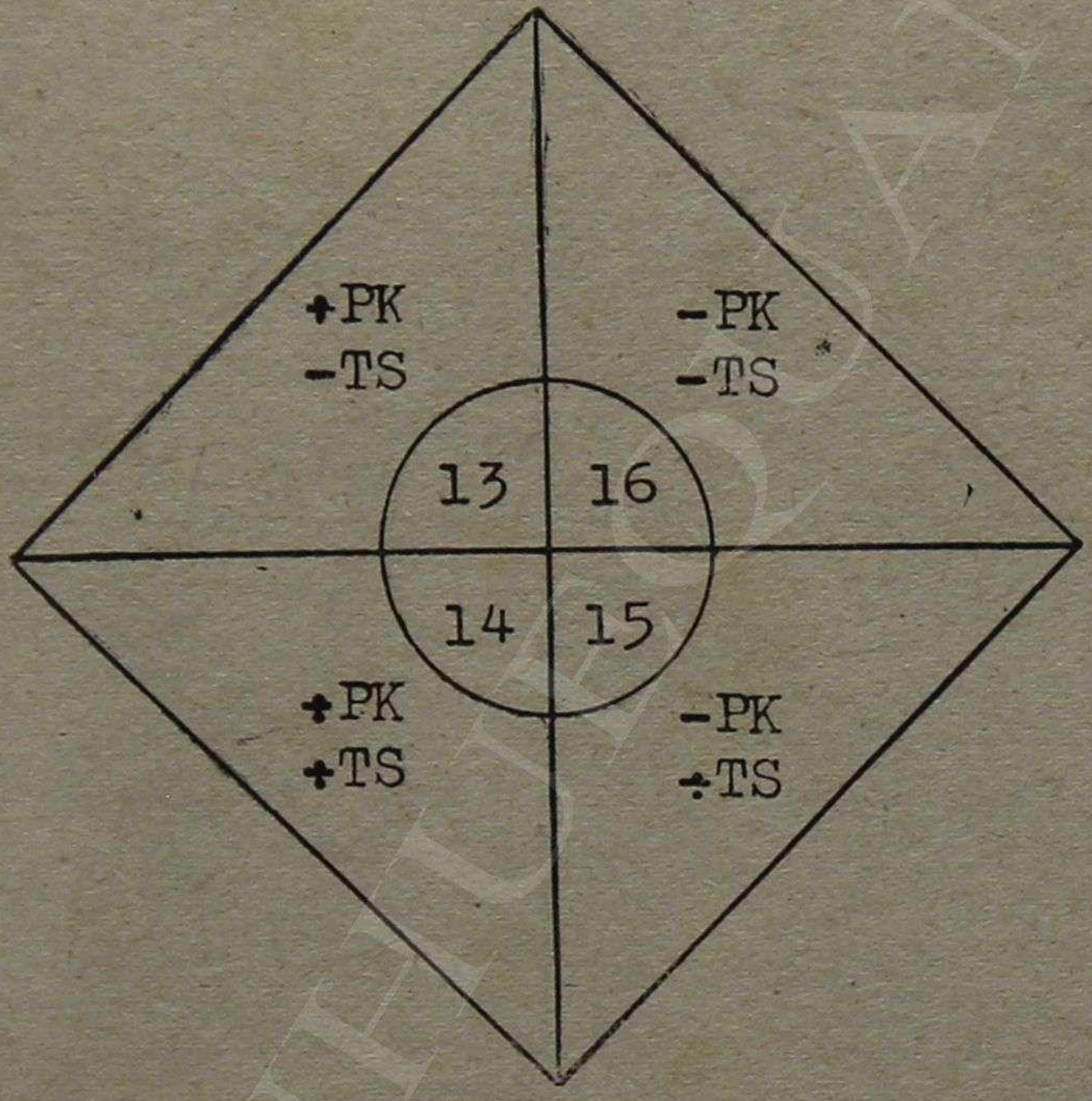
*GIẢ THUYẾT 12* : Phan Bội Châu không có lập trường quốc gia, cũng chẳng có lập trường cách mạng (giả thuyết McAlister).

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

Bảng IV. PK/TS

PK : Phong Kiến

TS : Tư Sản




*GIẢ THUYẾT 13* : Phan Bội Châu nặng về phong kiến hơn là tư sản (giả thuyết Tôn Quang Phiệt, Trần Huy Liệu).

*GIẢ THUYẾT 14* : Phan Bội Châu vừa phong kiến vừa tư sản (giả thuyết Nguyễn Khắc Xương).

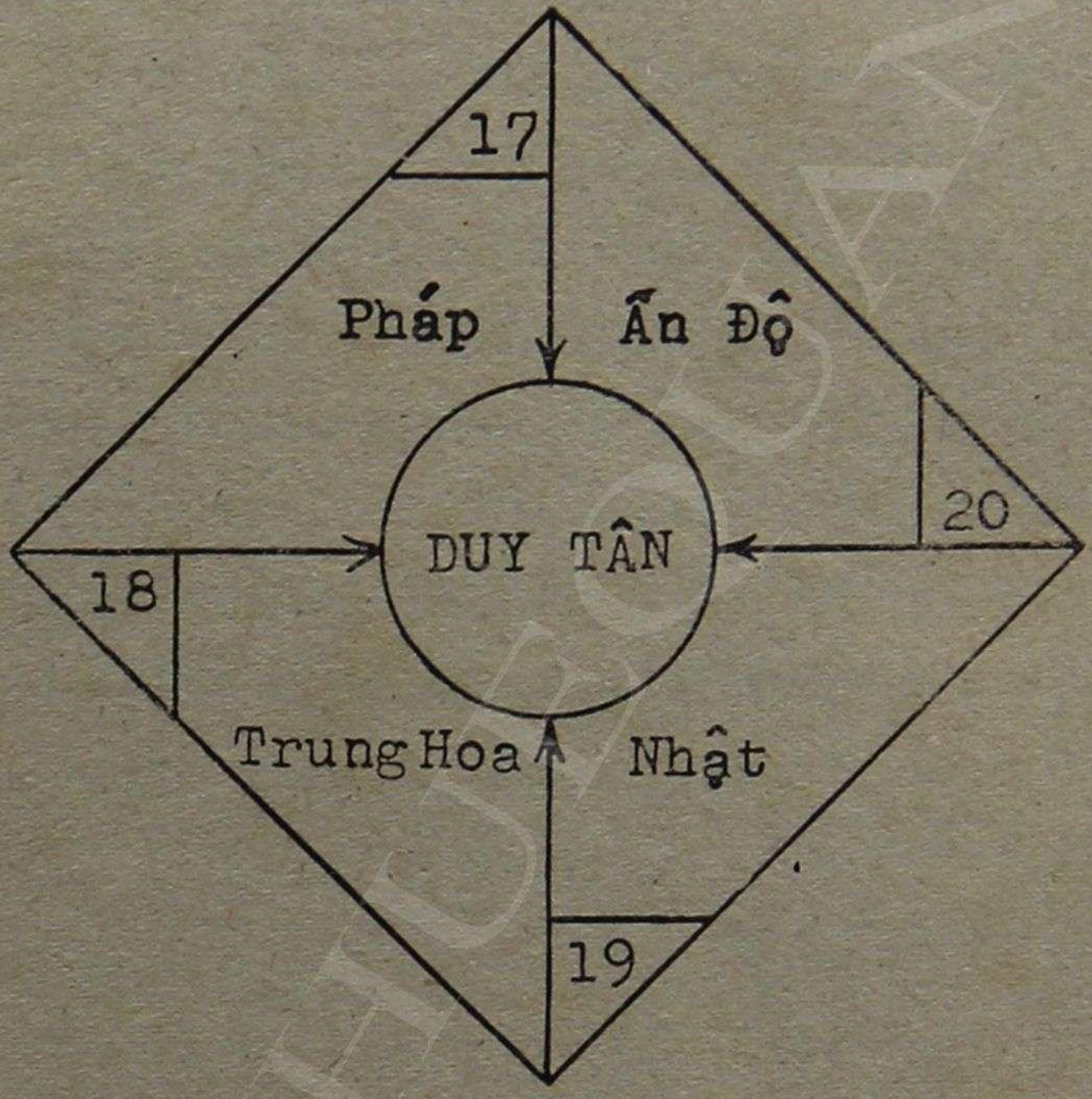
*GIẢ THUYẾT 15* : Phan Bội Châu nặng về tư sản hơn là phong kiến (giả thuyết Hải Thu).

*GIẢ THUYẾT 16* : Phan Bội Châu không tư sản cũng không phong kiến (giả thuyết Lê Sĩ Thắng).

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

Bảng V. Xuất Xứ




*GIẢ THUYẾT 17* : Phong trào Duy Tân xuất phát do sự tiếp xúc với Pháp (giả thuyết Jumper và Normand)

*GIẢ THUYẾT 18* : Phong trào Duy Tân phát xuất từ Trung Hoa và lan tràn sang Việt Nam (giả thuyết Fairbank *et al.*).

*GIẢ THUYẾT 19* : Phong trào Duy Tân phát xuất từ Nhật Bản và lan tràn qua Việt Nam (giả thuyết Purcell)

*GIẢ THUYẾT 20* : Phong trào Duy Tân phát xuất từ Ấn Độ và lan tràn qua Việt Nam (giả thuyết Isoart).

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

Như trên đã trình bày, quả thật có quá nhiều dị biệt khá quan trọng về tình trạng hiểu biết của chúng ta về Phan Bội Châu và phong trào Duy Tân.

Những dị biệt này sở dĩ xuất hiện một phần do tầm vóc vĩ đại của vấn đề. Trên cả bình diện không gian lẫn thời gian, người khảo sát như bị «cuốn theo giòng sông» hoặc «chìm trong khu rừng» và do đó không còn thấy được toàn diện vấn đề khảo sát. Thật vậy, phong trào xuất hiện tại Việt Nam nhưng liên quan tới nhiều biến cố xảy ra tại Nhật Bản, Trung Hoa, và những nơi khác trên thế giới. Lại nữa phong trào xuất phát từ năm nào, chấm dứt năm nào, do ai lãnh đạo, bản chất phong trào ra sao, tới nay trong trí óc nhiều người còn là vấn đề cần tranh luận.

Những dị biệt đề cập ở trên sở dĩ xuất hiện một phần còn do sự thiếu sót những dữ kiện đệ nhất đẳng. Sự thiếu sót này một phần nào cũng lại do tình trạng nghiên cứu của chúng ta, sau gần 70 năm, hãy còn phôi thai, cục bộ. Một lí do nữa là sự bưng bít che đậy hoặc thiếu cởi mở của chính quyền thực dân (1).

---

(1) Về tài khéo bưng bít của chính quyền thực dân Pháp, Bá Tước Okuma Shigenobu, người đã sáng lập nên viện đại học lừng danh Waseda tại Nhật, đã có lần nói với Phan Bội Châu và các đồng chí cụ. (Nguyễn Khắc Ngữ, *sdd.*, tr. 55) : «Các ngài tới đây chúng tôi mới bắt đầu biết người Việt Nam. Ấn Độ, Ba Lan, Ai Cập, Phi Luật Tân cũng đều là mất nước, nhưng không ai che bịt đến thế.» Một tác giả Tây Phương từng nghiên cứu về Đông Dương (Thomas Ennis, *French Policy and Developments in Indochina*, Chicago, University of Chicago Press,

(*Xem tiếp trang 101*)

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Quan trọng không kém, những dị biệt sở dĩ phát xuất âu cũng là do định kiến của các nhà nghiên cứu. Như đã trình bày trên, các học giả đã dựng lên nhiều giả thuyết căn cứ nặng nề vào quan điểm, thành kiến, cũng như cảm tình ý thức hệ, cục bộ, hoặc cá nhân. Người ta đã khai thác những dị biệt giữa các lãnh tụ đến độ « khám phá » ra hai phong trào khác nhau, căn cứ trên căn bản những dị biệt đó. Người ta đã khuếch đại nhiều điểm dị biệt trong tính chất của phong trào thành những cực điểm đối chọi nhau như đen với trắng (đã bạo động thì hết ôn hòa, đã ám xã thì hết minh xã, đã vọng ngoại thì hết tự cường) trong khi đó lại không chứng minh được lằn mức phân

---

(*Tiếp theo trang 100*)

1936 ; tr. 187-189) cho biết có lẽ Pháp là cường quốc độc nhất đã « khéo léo bưng bít tin tức chi tiết liên quan đến các vụ nổi dậy khỏi lộ ra ngoài cho báo chí thế giới ».

Đến nay, những nhận xét trên dường như hãy còn đúng. Chẳng hạn, John T. McAlister, một đồ đệ của Paul Mus (giáo sư đại học Pháp nổi tiếng nhiệt thành bênh vực chủ nghĩa thực dân Pháp tại Đông Dương) có khoe trong tác phẩm ông đã dày công nghiên cứu mười năm (*sđd.* tr. XII-XIII, 365-366) rằng ông được nhà cầm quyền Pháp đặc biệt ưu ái cho vào nghiên cứu tại « căn rừng » sử liệu của Service Historique de l'Armée (Château de Vincennes). Dẫu vậy, McAlister thú nhận ông cũng chỉ được xem những gì người hướng đạo khả ái của ông, một sĩ quan Pháp, cho ông xem. Bàn về văn khố đồ sộ trực thuộc bộ Pháp Quốc Hải Ngoại (tức là Bộ Thuộc Địa cũ của Pháp) sử gia Pháp Chesneaux cho biết (*L'Asie Orientale*, *sđd.* tr. 22) văn khố này hiện có giữ những công hàm trao đổi giữa Ba Lê và Saigon, Hà Nội. Riêng McAlister còn ghi nhận (*sđd.* tr. 366) « hầu hết những tài liệu then chốt chuyển từ Việt Nam qua hiện thời (1969) hãy còn chưa khui khỏi thùng » và, dĩ nhiên. « các học giả tuyệt đối không được bén mảng tới ».

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

định ranh giới giữa những ý niệm đối chọi trên. Sau hết, người ta có thể đã vì tự ái địa phương hay dân tộc, quyền lợi văn hóa hay chính trị, hoặc vì một mặc cảm nào khác, mà dựng lên một số giả thuyết quá ư đơn giản cho một vấn đề hết sức phiền toái. Thật đúng như lời giảng người viết này đã học được với triết gia Anh Bertrand Russell : « Từ trước tới nay, tất cả những con vật được khảo sát cẩn thận đều chứng tỏ rằng người khảo sát đã có định kiến sẵn trước khi khảo sát ; không những thế, chúng còn biểu lộ rõ rệt dân tộc tính của người khảo sát. Những con vật được các học giả Hoa Kì nghiên cứu thường tỏ ra đi đứng hấp tấp không yên, hoạt động bận rộn không ngừng, để rồi kết cục tìm ra câu giải đáp do một sự tình cờ. Trái lại, những con vật do các nhà bác học Đức nghiên cứu thường đứng ngồi ngay ngắn trầm lặng, làm việc đầy vẻ suy tư, để rồi rốt cuộc kéo ra tự lòng mình lời giải đáp. »

Nếu quả thật người ta không tránh được định kiến, kẻ viết bài này cũng không dám huênh hoang đã đạt tới niết bàn của khách quan tính. Nhưng điểm căn bản người viết này muốn nói lên ở đây là phải nhìn toàn diện vấn đề, cũng như phải tổng hợp mọi quan điểm có thể có, bởi vì, trong lãnh vực sử học cũng như triết học, « không nhìn toàn thể tức là đã sai lầm rồi vậy. » (Pascal).

VŨ ĐỨC BẰNG

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

• Nguyễn Quang Tô

# PHAN BỘI CHÂU VỚI BÀI HỌC CÁCH MẠNG DÂN TỘC *

Trong tâm thức mỗi người Việt nam chúng ta, Sào Nam Phan Bội Châu tồn tại như một tiết tháo hiện thân, một tinh thần đấu tranh tích cực nhập thể, đồng thời do đó là biểu tượng cho một niềm kiêu hãnh của dân tộc về nỗ lực đối đầu để tự tồn với bọn xâm lược Tây phương hồi hạ bán thế kỷ thứ 19. Có lẽ vì vậy, lòng kính ngưỡng của đồng bào Việt nam đối với nhà chí sĩ sông Lam núi Hồng cũng là một hiện tượng

---

* (Bài nói chuyện của Gs Nguyễn Quang Tô tại Viện Đại học Vạn Hạnh nhân dịp kỷ niệm ngày húy nhật thứ 33 của Phan Sào Nam, 29- 10-1973).

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

hiển nhiên tất yếu trong khuôn khổ đời sống vừa lý trí vừa tình cảm, và thường xuyên ở trạng thái yên nghỉ, không thắc mắc hỏi tra...

Ngay cả với hạng người mà đời sống « vinh quang » của họ gắn liền với sự tồn vong suy thịnh của đế quốc cũ cũng như mới, hình ảnh đầy hào quang của Phan Sào Nam thường khi vẫn hiện ra chói sáng trong tâm hồn họ như một thức tỉnh, có khi là một trách mắng, mà cho dầu họ kinh sợ và « viễn chi », vẫn phải kính ngưỡng, kèm theo một tình tự hổ thẹn, hổ thẹn về sự cũng làm người Việt nam !

Hẳn nhiên ai cũng rõ tất cả những sự kiện đó chính là do từ cuộc đời, mà cũng chính là bản ngã cách mệnh Phan Sào Nam, một trong những chiến sĩ vừa không nhiều trong đám con yêu của đất Mẹ, vừa có những sắc thái đặc biệt về hệ tư tưởng đấu tranh mà hôm nay chúng tôi được may mắn tới đây để trình hầu quí vị và anh chi em sinh viên

Xưa kia, Tử cống một cao đệ của Khổng tử khi nhận định về vị tôn sư của mình có nói : Càng trông càng thấy cao ; ông còn nói : khen chê Ngài cũng chẳng thấm vào đâu, vì nếu khen, cũng chỉ là đắp thêm một sọt đất vào hòn núi đã cao, mà có chê cũng chẳng khác nào đào bới mất đi một sọt ! Chúng tôi thiển nghĩ rằng trên bình diện kháng Pháp của dân tộc Việt nam, vấn đề khen chê Phan Sào Nam có lẽ cũng là trường hợp tương tự. Vả chăng nơi đây quả tình chúng tôi cũng không dám có tham vọng đặt vấn đề như vậy. Câu chuyện mà chúng sắp trình hầu quí vị và các bạn hôm nay sự thật chỉ muốn rút ra

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

phần nào từ cuộc đời đấu tranh của Người một bài học thiết thực mà chúng tôi nghĩ như vậy cũng đã quá nhiều cho mọi chúng ta: bài học cách mệnh dân tộc khả dĩ ứng dụng vào cuộc đấu tranh để trường tồn.

Theo dõi quá trình rèn luyện trí thức, cũng như quá trình hoạt động cách mệnh và sáng tác thi văn của Phan, chúng ta đều thấy trong giai đoạn đầu từ lúc khai tâm đến năm 34 tuổi thành công trên đường cử nghiệp, Phan vẫn đi theo con đường mòn của những nho gia tiền bối: học chữ Hán để đi thi. Tuy vậy, không còn nép mình trong khuôn khổ tri thức Trình, Chu, Phan đã âm thầm tìm đọc các tác phẩm của các danh sĩ đương thời như Nguyễn Lộ Trạch, Nguyễn Trường Tộ... ly khai với nếp sống miệt mài thôi xao lời thơ giọng phú, Phan đã chuyển hướng cảm nghĩ của mình thành những lời kêu gọi thức tỉnh đồng bào về nhiệm vụ diệt thù cứu nước. Nghiền ngẫm ngày đêm, các trang sách *Thiên Hạ Đại Thế Luận, Trung Đông Chiến Kỷ, Phổ Pháp Chiến Kỷ*, Phan đã tìm ở đó những kiến thức cần thiết cho đường tiến thủ của mình. Nhất là sau ngày thất bại trong tổ chức Đội Sĩ Tử Cần Vương (1885), Phan càng gia tâm nghiên cứu sách lược của người xưa qua các binh thư: *Tôn tử Thập Tam Thiên, Võ hầu tâm thư, Hổ Trướng Xu Cơ* của Đào Duy Từ và các loại sách của danh nhân khác. Trong hoài vọng mở rộng kiến văn, Phan cũng tìm đọc các tác phẩm của các tư tưởng gia tiền phong Trung quốc trong cuộc vận động Tân Văn hóa, và cách mệnh Tân hợi như Khang Hữu Vi (1858-1927) và Lương Khải Siêu (1873-1929).

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Cho đến khi ra hải ngoại, có dịp tiếp xúc với các danh sĩ, chí sĩ Trung quốc và Nhật bản, trong một bối cảnh mà các mối tương quan quốc tế ngày càng mở rộng và chặt chẽ hơn, Phan càng hấp thụ được thêm nhiều các tư tưởng tiến bộ. Đặc biệt trận Nhật thắng Nga năm 1904-1905 càng như là những bằng chứng hùng hồn vừa có tính cách bảo đảm, vừa khích lệ Phan và các thân sĩ đương thời về sự cần thiết chuyển hướng tư tưởng : từ khuôn khổ một nền giáo dục từ chương hư văn sang một nền giáo dục thực nghiệm, từ một ý thức hệ cố chấp nhân tuần sang một tinh thần khai phóng tiến hóa, từ một tư tưởng quốc gia chật hẹp cực đoan sang một tư tưởng quốc tế cần thiết cho sự sinh tồn của quốc gia dù muốn dù không đang nằm trong tương quan xã hội mới. Phải chăng cũng trong khuôn khổ quan niệm đó mà cho đến khi bị Long Tế Quang bắt bỏ tù, kiểm điểm lại đoạn đường đã qua, hồi tưởng lại nền học vấn mà mình đã hấp thụ buổi ban đầu tại quê nhà, Phan đã thành thực nhìn nhận với nhiều hối tiếc : « Than ôi! đến giữa thế kỷ 19, gió Mỹ mưa Âu đã làm ồn ào vũ trụ, vậy mà ngó lại nước mình vẫn còn đang ở trong cơn mơ mộng ngủ say... Ngay đến hạng người trời đầu khét tiếng như tôi mà cũng như ếch nằm đáy giếng, kiến ở trong hang, có hiểu biết chuyện đời là gì đâu » (1).

Cho đến năm 1923, lúc bấy giờ còn ở Hàng châu, Phan lại chấp nhận để tổ chức Việt nam Quốc dân đảng do Phan tổ chức

---

(1) *Ngục trung thư* (bản dịch của Đào Trinh Nhất) Tân việt, Saigon 1950.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

sắp sửa ra đời, thành « Á Phi nhược tiểu bị áp bức dân tộc, Á đông bộ, Việt nam phân bộ », ta càng thấy rõ khúc quanh đặc biệt quan trọng của tư tưởng Phan từ tinh thần bản vị quốc gia sang tinh thần liên đới quốc tế. Cuối cùng Phan đã quan niệm đến, và viết cả một cuốn sách bàn về chủ nghĩa xã hội, với nhan đề là « *Chủ nghĩa xã hội Phan Bội Châu*» (1).

Nhìn chung quá trình hình thành và tiến hóa về tri thức của Phan, ta có thể ghi nhận được những yếu tính đặc biệt như sau :

a) Là một hệ thống tri thức Nho học. Và đó là một việc dĩ nhiên đối với một vị giải nguyên nho học. Tuy vậy, xét về Dụng, và ở thế Động, hệ thống tri thức Nho học đó qua con người Phan không còn giữ nguyên yếu tính (essence) tĩnh tại và hướng nội, trên cơ sở một tinh thần đạo đức, tuy thật lý tưởng mà không khỏi có tính chất chiết tỏa. Phan không thừa nhận tính chất tĩnh tại và chiết tỏa đó. Với Phan, điều quan yếu đối với một tri thức là Dụng chứ không phải Thể. Và chiết tỏa cố nhiên không được tán thành, mà tĩnh tại và hướng nội cũng chỉ được chấp nhận trong khuôn khổ tri hành hợp nhất, và được coi như là sự suy tư cần thiết để hành động, chứ không phải chỉ là một tri thức thuần lý.

b) Trên nền tảng tri thức nho gia đó, Phan lại tự trang bị cho mình thêm những tri thức mới được tâm đắc qua nỗ lực

---

(1) Nhà xuất bản Sinh minh, Vinh (Nghệ an) ấn hành năm 1946, tác phẩm này Phan viết vào khoảng năm 1937 tại Bến Ngự, Huế.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

tiếp xúc với văn hóa Tây phương, khác nào những ánh sáng soi tỏ thêm cho vốn liếng nho học cơ hữu của mình. Nhờ đó, qua công trình lập công (làm cách mệnh) đến lập ngôn (soạn sách), Phan đã chứng tỏ cho hậu thế cái nhân sinh quan « tự cường bất tức » và khai phóng của mình.

c) Có lẽ cũng nhờ những ánh sáng đó, về phương diện tinh thần ái quốc, có thể nói trong hàng ngũ chí sĩ cách mệnh của Việt nam ta, Phan là một trong số ít người có cái tinh thần tích cực ngoan cường và cái nhìn thấu đáo minh chiết. Qua sự phân tích tỷ số thành phần tham gia cách mệnh trong cuộc tiếp xúc giữa Phan và Lương Khải Siêu (1) dù chúng ta không thể hoàn toàn tin vào các số liệu do Phan ước lượng về thành phần nhân dân tham gia đại cuộc kháng Pháp, ta thấy ở Phan một tinh thần « phân tích » khoa học thể hiện rõ rệt một khuynh hướng thực tiễn, ít thấy ở hàng ngũ nho gia vốn có khuynh hướng nhìn sự vật chỉ thuần qua trực giác và tổng hợp, nếu không muốn nói là xô bồ, nhiều khi trừu tượng.

Với một hệ thống tri thức như vậy, Phan là một con người hành động tích cực, và luôn luôn với tinh thần khai phóng thích nghi. Điều này, ông Nguyễn Thượng Huyền, một người có dịp sống cạnh Phan ở Hàng châu (khoảng 1923-1924) đã viết như sau :

« Không câu nệ lễ phép lặt vặt, cũng không làm bộ giả đạo đức. Thậm chí chuyện đàn bà con gái Cụ cũng thường nói một

---

(1) Xin xem thêm ở *Việt nam vong Quốc sử*, nguyên tác chữ Hán của Phan, Nguyễn Quang Tô dịch, nhà xb Tao đàn Saigon 1969.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

cách tự nhiên. Nhưng khi bàn về chính trị hay là vấn đề quốc gia thì thái độ Cụ rất nghiêm. Về chính trị và cách mệnh, Cụ chủ trương chỉ cần đạt tới mục đích, không cần chọn lựa thủ đoạn... » (1)

Đúng như vậy, với nho gia, làm chính trị thì phải « vi chính dĩ đức, thí như Bắc thần, cư kỳ sở nhi chúng tinh củng chi (2). (Luận ngữ—Vi chính) ». Vậy mà với Phan, qua thực nghiệm đấu tranh, Phan đã thẳng thắn nói : « các chính trị học thuyết ở đời gần đây, trừ bốn chữ *phú quốc cường binh* ra ngoài, e không gì làm mục đích, trừ một lối xâm lược thực dân ra ngoài, e không gì là thủ đoạn... Đã nói chính trị tất phải bỏ nhân nghĩa ra ngoài, mà nhân nghĩa chỉ là câu nói suông của nhà học giả. Nào là nhân đạo chủ nghĩa, nào là công lý triết học, nào là bác ái, bình đẳng, tự do, chẳng bao giờ nhét vào trong khuôn chính trị được. Bởi vì đã nói nhân tất phải bác ái, đã nói nghĩa tất phải cho bình đẳng tự do ; nếu cứ nhân nghĩa như thế hoài thì những nhà xâm lược thực dân làm thế nào mà múa tay lên mặt được. Vậy cho nên nhân nghĩa với chính trị phải rõ hai đường » (3)

Qua đoạn văn trên, Phan chỉ phát biểu một nhận thức thực tiễn, chứ không phải chủ trương của riêng mình. Nhưng qua

---

(1) Nguyễn Thượng Huyền, tạp chí Bách khoa, Saigon, số 73 ngày 15-1-1960.

(2) Làm chính trị mà dùng đạo đức thì cũng như ngôi sao Bắc đẩu tuy ở một chỗ đó, mà các ngôi sao khác đều theo chầu về (ý nói qui phụ vào).

(3) Phan Bội Châu, *Khổng học đăng*, nhà xuất bản Anh Minh, Huế 1957.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG Thư Viện

sự phát biểu nhận thức này, Phan đã chịu nhìn nhận một thực tại mà không lên án, coi đó như là một thực tại hiển nhiên trong đời sống chính trị. Nhìn nhận hiện tượng đã không lên án mà còn giải thích cả cái sở dĩ nhiên lẫn cái sở đương nhiên, chính là một thái độ chấp nhận, tuy không tự phát. Đối chiếu đời hoạt động của Phan, sự phát biểu trên đây về chính trị càng có ý nghĩa là một tri thức mà sự tâm đắc đã phải trải qua kinh nghiệm sống đắt giá bằng chính cuộc đời hoạt động tranh đấu của mình.

Trình bày một Phan Bội Châu như vậy, chúng tôi chỉ muốn tuần tự đối chiếu và kiểm nghiệm về sự ứng dụng một hệ ý thức xuyên qua cuộc đời tranh đấu cách mệnh của Phan.

Thật vậy, ngược dòng lịch sử cách mệnh Việt nam, ta thấy :

— Từ 1862 đến 1895, năm Phan Đình Phùng mất, là giai đoạn Cần Vương.

— Từ năm 1895 đến 1904, năm Phan Sào Nam xuất dương, là giai đoạn Văn Thân. Ý niệm Cần vương tuy còn, đã dần dần phai nhạt. Việc đưa Kỳ ngoại hầu Cường Để sang Nhật trong phong trào Đông du là do nhu cầu chiến thuật vận động cách mệnh hơn là mục tiêu cách mệnh.

Đối chiếu với đời hoạt động của Phan Sào Nam :

— 1885, thất thủ kinh đô : Phan 18 tuổi.

— 1888, vua Hàm Nghi bị bắt : Phan 21 tuổi.

— 1895, Phan Đình Phùng mất : Phan 28 tuổi.

— 1904, mở màn phong trào Đông du, và Phan xuất dương lần đầu : Phan 37 tuổi.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Như vậy, dấn thân vào đường cách mệnh với Sĩ tử Cần Vương đội từ lúc 17 tuổi, Phan Sào Nam đã hoạt động tại quốc nội 20 năm rồi mới ra nước ngoài. Thời kỳ này cũng chính là thời kỳ mà cách mệnh Việt nam đang hoàn toàn nằm trong khuôn khổ nội địa quốc gia, với đặc tính thuần võ trang bạo động. Trong khí thế ngoan cường liên tục, phong trào này chưa tắt hẳn, phong trào kế tiếp đã hình thành. Có khi sự thất bại của phong trào trước lại là nguyên động lực của phong trào sau phát khởi mạnh hơn, và có qui mô hơn, vì đã được nuôi dưỡng bằng kinh nghiệm gân óc, và xương máu thiết thân của lớp người đi trước vừa ngả gục.

Cứ thế, cho đến khi nhận thấy các phong trào đấu tranh bạo động tại quốc nội ngày càng gặp khó khăn, thì một mặt trận thứ hai đã được các anh hùng chiến sĩ tuyền phong phát khởi tại hải ngoại. Và chính mặt trận thứ hai này, kể từ năm 1930 cho đến khi chung cuộc vào năm 1945, đã là nguyên động lực hướng đạo cho cuộc cách mệnh giải phóng dân tộc đến thành công vẻ vang.

Tuy nhiên, nói tới mặt trận thứ hai (hải ngoại), ta cũng không thể không nhận rõ khúc ngoặt quan trọng đánh dấu sự chuyển biến mặt trận này thành hai thời kỳ, mà cái mốc thời gian lại chính là năm 1923, năm mà Phan Sào Nam căn cứ vào trào lưu cách mệnh thế giới đã chấp thuận để cho tổ chức Quốc dân đảng do Phan thành lập đi theo và gia nhập vào THẾ GIỚI BỊ ÁP BỨC DÂN TỘC LIÊN HIỆP HỘI và biến thành một Phân bộ của tổ chức này.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Như vậy, ngoại trừ việc thành lập Đội Sĩ tử Cần vương năm 17 tuổi, đời cách mệnh của Phan gắn liền với mặt trận đấu tranh hải ngoại ngay từ đầu 1905 cho tới năm 1925, tức là trong khoảng trên 20 năm.

Điều đáng ghi nhận hơn là ở chỗ, nếu nói cuộc đời gắn liền với cách mệnh, thì sự gắn liền của Phan lại là một sự gắn liền chủ động. Nói cách khác, cách mệnh hải ngoại của Việt nam trong giai đoạn nầy, vai trò chủ động các phong trào chính là Phan. Sự phát khởi và quá trình diễn tiến của các phong trào chính, nổi bật nhất là Đông du 1904-1908, và Quang Phục 1912-1923, nhất là các cuộc võ trang kháng Pháp, chính do Phan chủ trương vào cuối Đệ nhất thế chiến đã xác nhận điều đó.

Hơn nữa, với Phan không có sự phân chia ranh giới giữa mặt trận quốc nội và mặt trận hải ngoại, về thời gian cũng như về không gian. Trái lại cả hai mặt trận đều được tiến hành song song, đồng thời trong cùng một phong trào, và trong cái thế hỗ tương yểm trợ :

* Đông Du được phát động mạnh mẽ với sự ủng hộ của chính phủ Nhật ở hải ngoại, thì ở quốc nội công cuộc vận động du học sinh và cuộc vận động tài chánh cũng được tiến hành rầm rộ khắp Trung, Nam, Bắc với sự hưởng ứng nồng nhiệt của mọi từng lớp đồng bào...

* Quang Phục hình thành và phát triển với sự yểm trợ của chính phủ cách mệnh Trung quốc ở hải ngoại, với sự thành lập Quang Phục quân thì ở quốc nội, uy danh của tổ chức cũng lừng

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

vang qua các trận tấn công của quân cách mệnh vào các căn cứ hành chánh và quân sự của Pháp và ngụy quyền tại nhiều tỉnh vùng biên giới Hoa Việt.

Rõ ràng với Phan, vận động hải ngoại chỉ là phương thế đấu tranh cách mệnh khi tại cứ địa quốc nội không có, hoặc thiếu điều kiện thuận lợi. Và với Phan, xuất dương không có nghĩa là thoát ly khỏi cứ địa ; vì bất cứ phong trào nào ta cũng thấy sự hiện diện của Phan ở cả hai mặt trận quốc nội và hải ngoại, hoặc bằng thân xác, hoặc bằng tài liệu do chính Phan sáng tác ra và được mang về phổ biến trong nước. Có khi lại bằng kế hoạch hành động như vụ «Hà Thành đầu độc» năm 1908, hoặc như vụ thanh toán Tuần phủ Thái bình Nguyễn Duy Hàn năm 1913 trong khuôn khổ hoạt động của Việt nam Quang phục. (1)

Và đường lối cách mạng này đã được Phan theo đuổi cho tới ngày bị bắt, kết thúc giai đoạn vận động cách mệnh bằng phong trào, bằng tổ chức riêng lẻ của từng lớp Văn thân, chuẩn bị mở màn cho thời kỳ vận động cách mạng bằng đảng phái.

Trong khuôn khổ nhận thức đó, chúng ta càng có lý do vững chắc để nói rằng, với vị trí của Phan trong cuộc cách mệnh dân tộc, cuộc đời hoạt động tuy thực sự không đưa lại kết quả trực tiếp nào, nhưng thay vì làm suy giảm vị trí tinh thần, lại

---

(1) Nhận xét này hoàn toàn trái ngược và mâu thuẫn với lời tuyên bố của cụ Phan trước Hội đồng đề hình ngày 23-11-1925. Chúng tôi đăng nguyên văn và dành quyền phê phán cho độc giả.

Xin xem thêm bài của các tác giả Nguyễn Khắc Ngữ và Đông Tùng cùng số này. (*Ghi chú của Tòa soạn Tư Tưởng*).

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

có giá trị như là những trận bão táp phong ba làm cho vai trò trụ đá giữa dòng của người trở thành bất tử.

Hiền triết Đông phương xưa có nói : Không phải là bậc thánh nhân như Nghiêu, Thuấn, thì làm sao mọi việc có thể hoàn toàn thiện hảo được (人非堯舜安能每事盡善, Nhân phi Nghiêu, Thuấn, Yên năng mỗi sự tận thiện — Mạnh kha, Sách Mạnh tử). Cùng tán đồng nguyên lý nhân sinh tương đối đó, một nhà lãnh tụ cách mạng Trung hoa hiện đại cũng phát biểu : Con người ở đời, trừ những kẻ không chịu và không dám làm gì cả mới không có cái sai ; còn những người dám nghĩ dám làm gì thì không ai tránh được sai lầm. Người làm nhiều sai nhiều, kẻ làm ít sai ít.

Sào Nam Phan Bội Châu là một con người, dù là con người cách mạng chân chánh, suốt đời không phản lại lý tưởng, tất nhiên cũng nằm trong thông lệ nhân sinh tương đối đó. Tuy nhiên, nếu như nhà lãnh tụ Trung hoa bảo rằng « làm nhiều sai nhiều, làm ít sai ít », thì qua chứng liệu lịch sử, Phan đã làm rất nhiều — làm suốt cuộc đời —, mà cả đương thời lẫn hậu thế, có lẽ chưa một ai dám bảo rằng Phan đã « sai rất nhiều » được.

Điểm nổi bậc nhất của cuộc đời Phan là ở chỗ đó, mà bài học lịch sử Phan đã để lại với giá trị ưu việt nhất cho hậu thế chúng ta cũng là ở chỗ đó.

Là người chúng ta học được những gì ở Phan về một nhân sinh quan toàn diện ? Là con dân đất Việt đã, đang và mãi mãi phải chiến đấu tự tồn chúng ta học được những gì ở Phan về mặt chiến đấu quan thiết thực và hữu hiệu ?

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

*Phan Bội Châu là một nhân vật dồi dào tinh thần tự chủ, không bị động chịu ảnh hưởng của bối cảnh bất lợi.*

Thật vậy, Phan đã xuất hiện trong bối cảnh mà thực dân Pháp đã hoàn toàn kiện toàn nền thống trị trên đất nước Việt nam. Các nhà khoa bảng, thân sĩ tỉnh nhà như Tiến sĩ Đinh Văn Chất, Tiến sĩ Nguyễn Xuân Ôn, Hoàng giáp Nguyễn Văn Chính, Hoàng giáp Nguyễn Đức Quí... đã kế tiếp hiến mình cho tổ quốc trong phong trào Cần vương. Nhất là đại cuộc kháng chiến chống Pháp do Phan Đình Phùng chủ trương ở Nghệ tĩnh, cũng đã tới hồi tàn tạ. Ngọn lửa cách mạng bao lâu ngùn ngụt dâng cao khắp Trung, Nam, Bắc giờ đã lần lượt tàn lụi.

Ngoài một số chí sĩ cương quyết tiếp tục con đường cách mạng, giữ vững lập trường bất cộng đái thiên với cừu nhân, một số khác cáo quan từ chức lui về vui cảnh điền viên ; số đông còn lại, lợi dụng chữ « tùy thời », tiếp tục vùi đầu đua chen vào vòng danh lợi, thờ phụng kẻ thù. Vậy mà Phan, một bạch diện thư sinh mới 18 tuổi đầu, đã dám tự đứng lên tổ chức Sĩ tử Cần vương đội, nối chí Phan Đình Phùng tiếp tục sự nghiệp đánh Tây cứu nước. Dù thất bại, sự kiện đó đã chứng minh Phan là một nhân vật chẳng những không chịu nép mình vào trong khuôn khổ thế tục dung thường, mà còn có căn bản tư tưởng tích cực cách mạng từ thuở thiếu tráng.

Cho tới đoạn chót của cuộc đời sau bao cuộc thăng trầm trên đường hoạt động, Phan giữ vững trọn tinh thần tự chủ, không bị động trước mọi lôi cuốn của bối cảnh : Năm 1925, Phan bị bắt về nước giam lỏng. Lúc bấy giờ cách mạng Việt

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

nam đang lâm thoái trào thảm bại. Nhất là một số đồng chí của Phan trước đây tại hải ngoại đã ra làm quan với Pháp.

Trong một bối cảnh lịch sử từ nội tình đến ngoại thế bi đát như vậy, nếu Phan không phải là nhân vật kiên trinh trung dũng phi thường, tự đặt mình ra ngoài và lên trên những ảnh hưởng của thế tục, thời danh, thì khi được Thực dân Pháp và Nam triều tìm đủ mọi mánh khoé để ép Phan nhận một trong ba chức vụ : Thượng thư Bộ học, Cố vấn tối cao chính phủ Nam triều, Nghị trưởng Viện Dân biểu Trung kỳ, chắc Phan khó tránh khỏi sa ngả.

Xét cho cùng, sở dĩ Phan có được tinh thần tự chủ cao độ không bị ngoại cảnh bất lợi chi phối như vậy, căn bản là ở tinh thần chí sĩ và trượng phu quân tử vốn cũng rất phong phú và mãnh liệt trong tâm hồn.

Kể ra ở thời đại chúng ta hai tiếng *Chí sĩ* vẫn thường rất hay bị lạm dụng. Bởi vậy ở đây chúng tôi xin được phép xác định lại danh xưng đó. Sách Thuyết uyển viết : Chí sĩ là kẻ sĩ có chí hướng nhất định, chỉ một chí hướng thôi, và suốt đời chỉ phụng sự cho chí hướng đó, cho tới già không quên, tới chết không biến đổi : Sĩ hà sự ? Viết thượng chí ; sở thượng nhứt chí, chí lão bất vong, chí tử bất biến , viết chí sĩ. Hiểu như vậy, và trở lại trường hợp Phan Sào Nam, chúng ta không còn e ngại khẳng định Phan đúng là một Chí sĩ. Mặt khác, cũng qua con người chí sĩ bất biến đó, Phan quả còn là một trượng phu quân tử Đông phương với tất cả 3 yếu tính sáng chói : phú quí bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất vậy. Nhứt là ở Phan chúng ta lại thấy được cái tinh thần *Tứ*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

*Vô* (a) cao cả của một vị chân Nho. Trên bình diện Tri thức, Tứ Vô là một chuỗi dài ý tưởng có liên quan hệ nhân quả với nhau : Do ý riêng nên chủ quan tin chắc, tin chắc nên cố chấp không chịu đổi thay, không chịu đổi thay ý riêng nên kết cục là chỉ vì riêng mình và cho mình, chứ không phải vì chân lý, công ích. Nói chung tinh thần Tứ Vô chính là tinh thần đả phá cá nhân chủ quan và cố chấp vậy.

Đối chiếu với đời hoạt động cũng như với phương lược đấu tranh cách mệnh, Phan quả đã áp dụng được khá trọn vẹn tinh thần Tứ Vô đó trong việc lập thân xử thế, chẳng những không cố chấp, mà trong lãnh vực đấu tranh cách mạng Phan cũng lại thực hành đúng tinh thần chuyển biến đó.

Trước hết Phan định nối chí Phan Đình Phùng theo đường lối Cần vương kháng chiến chống Pháp.

Khi thấy Nhật bản Duy tân thành công lừng lẫy, Phan tổ chức phong trào Đông du và Duy tân.

Năm 1911, Cách mạng Tân Hợi Trung hoa thành công, Phan hướng cách mạng Việt nam theo Tam dân chủ nghĩa, làm cơ sở hoạt động cho Việt nam Quang phục hội, do Phan đứng tổ chức.

Trong đại chiến thứ Nhất, chứng kiến sức bành trướng xâm lược của Nhật bản, cọng thêm kinh nghiệm qua lần Đông du

---

(a) *Tứ Vô* : *Vô ý* : không có ý riêng theo cá nhân chủ quan mình. — *Vô tất* : không vì ý riêng mà chủ quan tin chắc ở kết quả. — *Vô cố* : không cố chấp, không chịu nhận đổi thay khi cần. — *Vô ngã* : không có; không vì cái Ta chủ quan của mình (Luận ngữ, Tử hãn : Tử tuyệt Tứ ; Vô ý, Vô tất, Vô cố; Vô ngã).

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

thất bại, Phan đã không ngần ngại dứt bỏ tư tưởng đồng chủng đồng văn, lên tiếng kêu gọi Pháp Việt đề huề để chống lại Nhật bản mà dã tâm thực dân đã rõ. Sau đại chiến thứ nhứt, cách mệnh Việt nam lâm thoái trào. Phan đang ở Trung hoa cũng được chứng kiến những bước thăng trầm của chủ nghĩa Tam Dân. Trong hoàn cảnh đó Phan đã không ngần ngại chấp nhận để cho tổ chức cách mệnh của mình đi theo một đường lối đấu tranh trong khuôn khổ tinh thần liên đới quốc tế.

Nhận định về tính chất chuyển biến trong đường hướng cách mạng của Phan, đã có một số người viết rằng :

« Thấy nước yếu, mất quyền độc lập, và dân ngu bị áp bức bóc lột thảm thương, Cụ nóng nảy bồn chồn rồi ai mách bảo chủ nghĩa nào cũng theo, miễn là cứu được nước. Thế là Cụ không có chủ nghĩa vững vàng để lãnh đạo quần chúng, cho nên sự nghiệp suốt đời không thành tựu được » hoặc :

« Về chính trị và cách mạng, Cụ Phan chủ trương chỉ cần đạt tới mục đích, không cần chọn lựa thủ đoạn. Vì vậy khi Cụ quân chủ, khi Cụ dân chủ, khi Cụ bạo động, khi Cụ bất đề kháng (như trong cuốn Du Cửu niên Lai Sở trì Chi Chủ nghĩa) khi Cụ muốn Pháp Việt đề huề, khi Cụ thích chủ nghĩa Mác, khi Cụ bắt chước Tam dân chủ nghĩa của Tôn Dật Tiên. Có thể nói rằng Cụ không có chủ nghĩa nhất định » (a).

Dĩ nhiên chúng tôi không thể đồng ý với người đã cho Phan thất bại là vì không có chủ nghĩa vững chắc. Và điều này tưởng

---

(a) Nguyễn Thượng Huyền « *100 năm sinh nhật Phan Bội Châu* », nhà xuất bản Trình bày Saigon 1967.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

đã có thực tại đương thời về cách mạng Việt nam giải thích. Hơn nữa theo thiển kiến chúng tôi, sự chuyển biến trong tư tưởng của Phan không phải là vì « vô định kiến » hay là vì một tinh thần hoàn toàn bị động vì ngoại cảnh. Trái lại, như chúng tôi đã trình bày, Phan vốn là con người khai phóng, không bao giờ chịu nép mình trong những tri thức và ước lệ cố định. Đã thế, trên bình diện chính trị tranh đấu cách mạng, nung nấu bởi nhu cầu diệt thù cứu nước thì sự chuyển biến thích thời đấu tranh tưởng là lẽ tất nhiên. Hơn nữa, còn chứng tỏ ở Phan một tinh thần thực tiễn « hoàn cảnh khách quan đề ra phương hướng và kế hoạch đấu tranh ». Mà xét cho cùng, nếu tính chất chuyển biến đó thể hiện một tinh thần khai phóng thì đi sâu hơn, ta vẫn thấy động cơ xuất phát vẫn là tinh thần tích cực, cái tích cực của một đứa con chí hiếu đối với bà mẹ đang lâm trọng bịnh : trong việc chạy chữa hễ thấy phương thuốc nào không hiệu nghiệm là vội đi tìm thứ khác ngay :

Đọc lịch sử nước nhà, ngay từ những ngày đầu gót chân xâm lược của bọn đế quốc Tây phương đặt lên đất nước này, chúng ta không thể không tự hào về sự thể hiện tình tự ái quốc của một số không ít con dân đất Việt.

Một Nguyễn Đình Chiểu dứt khoát trong tinh thần chiến đấu « thà thác mà đặng câu địch khái, về theo tổ phụ cũng vinh hơn là còn mà chịu chữ đầu Tây, ở với man di rất khổ », chỉ vì không thể quên được « tấc đất ngọn rau ơn chúa, tài bồi cho nước nhà ta » (a).

---

(a) Nguyễn Đình Chiểu : *Văn tế Nghĩa sĩ Cần Giuộc.*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Một Thủ Khoa Huân quắc mắt trước gươm đao của giặc :

*Nỗi xung mất vía quân hồ lỗ*

*Quyết thác không hàng rạng núi sông.* (b)

Một Nguyễn Cao nghiến răng phơi gan trải mật :

*Thệ tâm thiên địa phi trường bạch*

*Khiết xỉ giang sơn thổ thiệt hồng.* (c)

Một Phan Đình Phùng với câu nói bi hùng bất hủ : « Tôi có một ngôi mộ rất to là tổ quốc Việt nam mà chưa trùng tu lại được. Tôi có những người anh em rất thân là đồng bào Việt nam mà chưa cứu vớt được » (a)... Và còn biết bao nhiêu những trường hợp tương tự, làm sao kể hết.

Tuy nhiên với Phan Sào Nam, trước khi bàn tới cái tinh thần tích cực ngoan cường đó, chúng tôi muốn xin lưu ý quí vị về những tiếng khóc, những dòng nước mắt tầm tã mà chính Ẩm băng thất chủ nhân Lương Khải Siêu đã phải khuyên « xin khách ráo lệ...» (b) Khi ông kể lại cuộc tiếp xúc lần đầu với Phan tại Hoành tân (Nhật bản). Cũng một tiếng khóc đó, Phan đã cho ra đời *Lưu cầu huyết lệ tân thư*, *Hải ngoại huyết thư* ; ngay đến *Việt nam Vong Quốc sử* Phan cũng vừa lau nước mắt vừa chép (c).

---

(b) và (c) : Trích thơ tuyệt mạng của Thủ Khoa Huân trước phút ông lâm hình.—Trích bài thơ của Nguyễn Gia Chấn (cháu 4 đời của Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều) ai điếu chí sĩ Nguyễn Cao sau ông tự tuẫn, (Theo Lãng Nhân, Giai thoại làng Nho, nxb Nam chi tùng thư, Saigon, 1960).

(a) Lời Phan Đình Phùng nói với nghĩa quân Cần Vương khi nhận được thơ dụ hàng của Hoàng Cao Khải, trong đó Họ Hoàng giả vờ phàn nàn mồ mả tổ tiên Phan bị hư hao; anh em bị liên lụy... (Đào Trinh Nhất, *Phan Đình Phùng*; nhà xb Tân Việt Saigon 1957).

(b) và (c) : Xin xem lại bản dịch *Việt nam vong Quốc sử*, nguyên tác chữ Hán của Phan, Nguyễn Quang Tô dịch, nhà xb Tao Đàn Saigon (1969).

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Trong cuộc đời bôn ba Hải ngoại, quả thật đã có khi Phan khóc. Và điều nầy qua *Ngục Trung thư* Phan cũng đã nói ra. Nhưng xét cho cùng đó chỉ là tiếng khóc bi hùng của một nhân vật đang ở trong cái thế « thân hệ bang gia », sống ưu tư cho nhà cho nước hơn là cho bản thân mình. Nói cách khác, tiếng khóc của Phan lúc nầy là của một con người tự cảm thấy lực bất tòng tâm trước cơn nguy nan của đất Mẹ, nhứt là khi cảm thấy niềm tin :

*Vắt gan lấy máu làm canh*
*Vời cao đã có trời xanh thấu tình*
*Mũi tên dồn hết tinh thành*
*Vàng kia đá nọ tan tành như chơi.* (d)

Khó đem lại một kết quả chờ mong !

Dù thế mặc lòng, Phan vẫn giữ vẹn niềm tin son sắt và càng đặt trọn niềm tin vào tinh tự dân tộc mà Phan quan niệm như là động lực chiến thắng cuối cùng. Với những *Ái chủng ca; Ái quốc ca*... Phan đã không bỏ sót một ai trong mọi thành phần dân tộc, kể cả những người lầm đường lạc lối theo giặc :

*Việc dẫu nặng chia mang cũng nổi,*
*Xúm tay vào kéo lại non sông ;*
*Làm cho sáng tỏ tổ tông,*
*Tôi xin kể hết cách dùng như sau :*
*Nào là kẻ phú hào trong nước,*

---

(d) Lược trích *Hải ngoại huyết thư* « Lịch can huyết dĩ điều canh, đế thiên khả giám ; chú tinh thành ư nhứt tiền kim thạch năng khai ». Nguyễn Quang Tô dịch Việt văn.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

*Nào là người quan tước thế gia.*
*Nào ai sĩ tịch trẻ già,*
*Nào là linh tập, nào là gia tô ;*
*Nào là những kẻ côn đồ nghịch tử,*
*Nào những người nhi nữ anh si,*
*Bếp bồi thông ký chi chi . . ,*
*Cựu gia tử đệ nào thì những ai ?*
*Ấy kể bậc số người trong nước,*
*Còn người đi du học mọi nơi.*
*Người trong cho đến kẻ ngoài*
*Chữ tâm cốt phải ai ai cũng đồng.*

(*Tòa Soạn tự ý bỏ 3 dòng*)

Tìm hiểu nguyên do, một phần nào do sự sai lầm nội bộ của chúng ta, nhưng phần quan trọng vẫn là do âm mưu chia rẽ, một sách lược gian manh truyền kiếp vô cùng thâm độc của bọn đế quốc thực dân, chẳng những được dùng trong mọi cuộc xâm lược thuộc địa, mà còn nhằm phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc thuộc quốc để dễ thống trị. Nhận rõ mối nguy hại đó, ngay từ đầu Phan đã không ngớt kêu gọi :

*Chữ rằng đồng loại tương thân*
*Giáo dân cùng với lương dân khác gì.*

Vỗ về kêu gọi đủ mọi thành phần dân tộc, Phan cũng lên án mọi thái độ cố tình cừu thù chia rẽ :

*Đừng cậy thế, chớ khoe tài*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG Thư Viện

*Bỏ điều riêng nhỏ, tính bài lợi chung*
*Chớ giành khi chớ khoe công*
*Dứt tình ghen ghét, bỏ lòng xai nghi.*

Cuối cùng, Phan phác họa một chương trình hành động chung trong tinh thần hiệp hòa dân tộc, đoàn kết chiến đấu, về chính trị :

*Cốt trong nước người ta một bụng,*
*Nghìn muôn người cùng giống một người.*
*Phòng khi sưu thuế đến nơi,*
*Bảo nhau không đóng nó đòi được chăng !*
*Gọi đến lính không thằng nào chịu ;*
*Bắt một người ta kéo muôn người.*
*Bấy giờ có lẽ giết ai,*
*Hẳn thôi nó cũng chịu lui giống mình* (a)

cũng như về võ trang :

... Người Việt nam chúng ta đông 50 triệu, nếu thật lòng đồng tâm hiệp lực góp sức chung tay, kẻ nhen lửa người gát củi, cùng tiến bước, đấu tranh với quân Pháp, thì vạn người Việt cũng giết được 100 tên giặc Pháp, ngàn người Việt cũng giết 10 tên giặc, và 100 người Việt cũng giết được một tên. Bốn năm ngàn tên giặc, chỉ 4, 5 vạn người Việt chúng ta là có thể giết xong » (b).

---

(a) Thái Bạch, *Thi văn quốc cấm*, nhà xb Khai trí, Saigon.
(b) VNVQS, sđd, trang 75.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Trên nền tảng tình tự hiệp hòa dân tộc đó, thái độ của Phan càng dứt khoát hơn đối với bọn thực dân da trắng, sau ngày về ở Bến Ngự. Chúng tôi xin mời quí vị theo dõi đoạn văn sau đây :

« Hằng ngày lúc mát trời, Cụ Phan lụng thụng trong bộ quần áo nâu, tay chống gậy dạo qua dạo lại ngoài sân la quát : *Cỏ Tây đây, nhổ cho tận gốc!* Tức thì mấy cậu bé con trong nhà xúm lại bới móc « cỏ Tây », thứ cỏ Cụ tự đặt tên, chứ thật là « cỏ Cú ». Chẳng qua trong lòng chất chứa mối căm thù thực dân không cầm nổi, đến phát ra như thế, và cũng để nhắc nhở cho bọn bé con biết đâu là thù cần diệt tận gốc » (a).

Thật là mối thù bất cộng đái thiên không nguôi, chỉ vì trong lòng Phan lúc này đã thực sự dứt khoát :

*Vàng khè trắng toát khác đôi bên* (b)

nên dù cho :

*Sông núi lỡ làng màu lịch sử* (c)

vẫn giữ trọn tấm lòng son sắt, tìm ý sống trong cảnh :

*Ba chén xong rồi ai ấy bạn*
*Một pho kinh Phật, một cây đèn* (b)

ngày đêm chỉ ước mong :

*Bao giờ duyên mới thay duyên cũ*
*Cùng nhau ra sức tát bể Đông.* (c)

---

(a), (b), (c) : Theo Anh Minh, *Cụ Sào Nam 15 năm bị giam lỏng ở Huế*, xuất bản Anh Minh, Huế 1956.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Ác hại thay, cái « duyên mới » mà Phan Sào Nam mộng ước ấy mãi cho tới bây giờ đã trên 30 năm, vẫn chưa được (chỉ vì vàng khè trắng toát vẫn khác đôi bên với tất cả những hệ quả của nó !)

Phan Bội Châu là một chiến sĩ cách mệnh hoàn toàn thất bại trong hoài bảo đánh đuổi đế quốc thực dân, giành lại độc lập cho đất nước. Điều đó thật hiển nhiên.

Để giải đáp nguyên nhân thất bại của mình, vào những ngày chót của cuộc đời, Phan đã tự kiểm thảo là « hữu chí vô tài », và xin đồng bào tha lỗi « tội thậm khất thứ » (a).

Phan có chí, vô tài ? Phan có tội ?

Lịch sử Việt nam, và chính cả cuộc đời Phan là một bản nhận định lớn lao. Ở đây một lần nữa, chúng tôi chỉ muốn nhắc lại, theo quan điểm của chúng tôi, là không những chỉ sự thành công của Phan về danh tiết, mà cả sự thất bại về kết quả của Phan về đấu tranh cách mệnh cũng vẫn là một bài học rất thiết thực và có giá trị rất cao quí đối với hậu thế chúng ta. Nói rõ hơn, từ trong thất bại của Phan, ta có thể rút ra thêm những gì về kinh nghiệm đấu tranh để tự tồn ?

Trước hết là tương quan lợi quyền giữa các đế quốc với nhau, dù là Nhật, Pháp hay bất cứ một đế quốc nào. Trong khuôn khổ tham vọng xâm lược thuộc địa, giành giựt hoặc chia

---

(a) Trích nguyên văn câu Phan tự đề vào di ảnh của mình trước ngày lìa đời : « Cứu quốc tồn chủng *hữu chí vô tài*, kim cánh dữ quốc dân trường từ, *tội thậm khất thứ* ». 救國存種有志無才今更與國民長辭罪甚乞恕.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

xẻ thị trường, họ có thể mâu thuẫn nhau, gây chiến lẫn nhau nhưng không bao giờ vì thế mà thành thực đứng về phía tiểu nhược quốc trong đấu tranh tự vệ hoặc giải phóng chống lại một đế quốc. Vấn đề « đồng chủng đồng văn » sự thực chỉ là ảo vọng đối với các nhà Cách mệnh Việt nam khi đặt niềm tin vào Nhật bản sau ngày Duy tân và đang bước vào địa vị đế quốc, lần lược xâm chiếm hoặc dự phần chia xẻ quyền lợi về các tiểu nhược quốc. Đó là bài học về phong trào Đông du. Cũng do từ bài học thiết thân này, trong Quang phục hội (1912) khi đề cập đến vấn đề ngoại viện trong một bức thư gởi cho ông Hồ Hán Dân một nhân sĩ cách mệnh Trung hoa, Đô đốc Quảng đông, Phan đã tỏ ra nghi ngờ tất cả khi viết : « Anh gia, Ý gia, Mỹ gia, Đức gia ? Hồi thị Đông Á tắc Nhật bản tham tàn hùng ư tê chủy ». Chúng tôi tạm dịch : Trông cậy vào Anh chăng, Ý chăng, Mỹ chăng, Đức chăng? Nhìn về vùng Á Đông thì Nhật bản đã rõ là quá tham tàn hơn lang sói !

Thứ hai, là tương quan lợi quyền giữa quân phiệt bản địa với đế quốc ngoại lai. Yếu tính của quân phiệt là độc tài, là phản cách mệnh. Để củng cố uy quyền độc tài và quyền lợi phe nhóm, bọn quân phiệt sẵn sàng liên kết với đế quốc ngoại lai trong âm mưu chống lại các lực lượng cách mệnh có khuynh hướng chống quân phiệt và đế quốc, bất cứ lực lượng cách mệnh đó ở trong nước hay tại một nước khác. Ngược lại bọn đế quốc thực dân cũng khai thác mọi cơ hội, liên lạc với quân phiệt để phá hoại cơ sở cách mệnh của thuộc quốc tại quốc gia mà nhóm quân phiệt đó đang giữ chính quyền. Đó là trường hợp ngộ

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

nạn của cách mệnh Việt nam và cá nhân Phan trước sự liên kết giữa nhóm quân phiệt Long Tế Quang ở Trung hoa và thực dân Pháp ở Đông dương.

Thứ ba là yếu tính của đế quốc là ngoan cố. Trong mọi cuộc tranh chấp, bao giờ đế quốc cũng ỷ vào sức mạnh vật chất; và cho đến phút cuối cùng vẫn tự tin vào sự chiến thắng bằng sức mạnh vật chất đó. Bởi vậy, đối với đế quốc mọi thái độ thương thuyết hòa dịu khi mình chưa có sức mạnh vật chất trội hơn hẳn đều chỉ là vô ích. Càng không thể kêu gọi ở họ một cảm tình thân thiết hay một lẽ phải nào khi sức mạnh vật chất của mình còn non yếu hơn. Sự lầm lẫn và thất bại của Phan trong chủ trương Pháp Việt đề huề chính là một chứng liệu.

Sau hết, qua các nhận định trên, bài học bất tử mà Phan muốn dành cho chúng ta là:

*Xưa nay độc lập tự do*
*Phải giành mà lấy ai cho không mình*

(**Phan Sào Nam,** *Ái đoàn ca*)

Mà muốn vậy thì chỉ có một con đường hữu hiệu duy nhất là đấu tranh trong tinh thần hòa hiệp dân tộc, và dứt khoát trong tâm hồn « Vàng khè trắng toát khác đôi bên » như lời Phan đã nói.

Một nhân vật mà đời hoạt động thành công cũng như thất bại vẫn để lại cho hậu thế một bài học quý báu như vậy, tưởng trong lịch sử đấu tranh của dân tộc chúng ta không phải là nhiều. Và từ ý nghĩ này, chúng tôi xin mượn để làm kết luận,

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

câu đối sau đây của cụ Hoàng Giáp Nguyễn Đức Lý, người phủ Hưng nguyên tỉnh Nghệ an làm điếu Phan khi Phan từ trần :

*« Vì nước vì dân, lòng đến lúc già càng thấy sắt*

*« Toàn danh toàn tiết, tượng sau khi chết đáng nên đồng».*

NGUYỄN QUANG TÔ

THƯ VIỆN HUỆ QUANG
TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM

• Thích Nguyên Hồng

# SƯU TẬP VÀ ĐỀ GIẢI CÁC TRƯỚC TÁC PHẨM CỦA PHAN BỘI CHÂU

*Bình tây thu bắc (1883)* 平西收北

Năm 1883 quân Pháp đánh Hànội. Khắp miền Bắc nghĩa quân nổi dậy. Tác phẩm này nhằm kêu gọi đồng bào Nghệ tĩnh ủng hộ cho cuộc vận động của nghĩa binh Bắc kỳ. Lời kêu gọi này viết bằng Hán văn, thất truyền.

*Song tuất lục (1886)* 雙戌錄

Song tuất lục chia làm Tiền biên và Hậu biên. Tiền biên viết về sự kiện kháng Pháp phát sinh ở Nghệ an năm Giáp Tuất 1874 và Hậu biên là năm Bính Tuất 1886. Hậu biên nhằm đáp ứng chiếu sắc Cần vương bố cáo năm trước (Ất Dậu). Tác phẩm viết bằng Hán văn. Nhưng vì có lời yêu cầu khẩn khoản của bạn bè, bản thảo đã được xé bỏ, nay không còn.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

*Lưu cầu huyết lệ tân thư (1903)* 琉球血淚新書

Tác phẩm này Phan Bội Châu viết lúc trở về kinh đô Huế nhằm mục đích đoàn kết các phần tử ái quốc trong triều đình và các chí sĩ cách mạng toàn quốc. Lưu cầu bị Nhật bản chiếm lãnh. Tác phẩm thuật hết những nỗi thống khổ của người dân mất nước, đề ra phương pháp cứu quốc như giáo dục quốc dân, khích động nhân tâm, hun đúc nhân tài. Cuối cùng kết thúc bằng sự hô hào thần dân nổi lên làm cách mạng.

Thời kỳ này cụ sáng tác nhiều thi ca quốc âm nhưng hầu hết bị thất truyền, ngày nay chỉ còn lại bài « Du xuân ca » và « Bài ca khuyên chồng ».

*Việt nam vong quốc sử (1906)* 越南亡國史

Theo Đặng Thái Mai, Phan Bội Châu đã viết tác phẩm này tại Yokohama (横 □) do lời khuyên của Lương Khải Siêu (梁啟超).

*Khuyến quốc dân trợ tư du học văn (1906)* 勸國民助資遊學文

Đây là tác phẩm do Lương Khải Siêu khuyến khích Phan Bội Châu viết để kêu gọi đồng bào Việt nam trợ giúp về kinh tế cho học sinh du học. Lương Khải Siêu đã cho in 3000 tập và bí mật gởi về Việt nam để phổ biến. Đương thời, tác phẩm đã gây một ảnh hưởng lớn trong giới thanh niên Việt nam.

*Hải ngoại huyết thư (1906)* 海外血書

Tác phẩm chia làm hai phần Sơ biên và Tục biên. Phần Tục biên vạch rõ nguyên nhân sâu xa của sự mất nước Việt nam

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

không phải chỉ bởi sự yếu hèn biếng nhác của vua và triều thần mà còn do sự thiếu ý thức quốc gia của toàn thể quốc dân. Theo tác giả mỗi người dân phải chịu trách nhiệm về sự mất nước và có bổn phận phục hồi nền độc lập.

Năm 1908 Lê Đại (黎 大) dịch nguyên văn ra thể thơ lục bát và trường Đông kinh nghĩa thục in chung thành một quyển gồm có phần nguyên tác Hán văn, chữ nôm và chữ quốc ngữ. Thanh niên nhóm Nghĩa thục rất say mê đọc tác phẩm này. Bản chép tay của Phan Bá Ngọc 潘 伯 玉 cũng được bí mật xuất bản tại Tokyo năm 1909.

*Kính cáo toàn quốc phụ lão (1906)* 敬 告 全 國 父 老

Bản này nguyên tác bằng Hán văn kêu gọi các bậc cha mẹ và phụ lão toàn quốc trợ giúp phí dụng cho học sinh Đông du. Bản này được bí mật mang về phổ biến trong nước.

*Ai cáo Nam kỳ phụ lão văn (1907)* 哀 告 南 圻 父 老 文

Đây là bức thư gửi cho các phụ huynh Nam kỳ, Phan Bội Châu viết và có trích dẫn lời của Kỳ Ngoại Hầu Cường Để. Theo thư này thì Phan Bội Châu hoàn toàn chống lại chủ trương của Phan Chu Trinh. Đương thời Phan Châu Trinh chủ trương mượn thế lực của Pháp lật đổ Vương chính, kêu gọi giải phóng tổ quốc thực hiện cách mệnh. Sau đó, Phan Bội Châu có gửi cho Phan Châu Trinh một thư riêng trong đó nói rằng căn bản của cách mạng Việt nam là phải quét sạch thế lực thực dân Pháp.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

*Tân Việt nam* (*1907*) 新越南

Bản văn mười sáu điều hạnh phúc và hi vọng cho một nước Việt nam mới. Nguyên văn bằng chữ Hán, có thể nói là bản văn đắc ý nhất của Phan Bội Châu.

*Kỷ niệm lục* (*1907*) 紀念錄

Viết bằng Hán văn thuật lại cuộc đời và sự nghiệp ái quốc của hai đồng chí Tăng Bạt Hổ 曾拔虎 và Vương Thúc Quí 王叔貴.

*Sùng bái giai nhân* (*1907*) 崇拜佳人

Hồi tưởng ký bằng Hán văn viết về cuộc đời tranh đấu của các anh hùng dân tộc như Cao Thăng 高陞, Quảng Báo 廣豹 v.v...

*Hoàng Phan Thái* (*1907*) 黃潘泰

Tiểu truyện của nho sinh đã bị xử hình dưới triều Tự Đức vì dám phê phán triều đình. Phan Bội Châu là người tiên khu vận động chống lại chế độ quân chủ tuyệt đối và dám tố cáo rõ ràng tội ác của vua Tự Đức... Về sau trong « Phan Bội Châu niên biểu » ông viết : « Chính tác phẩm này đã mang lại những biến hóa lớn lao trong tư tưởng của ta ». Phan Bội Châu gặp gỡ Tôn Văn ở Nhật, sau khi tiếp xúc tư tưởng Tôn Văn thì giác ngộ tư tưởng dân chủ. Tác phẩm này đánh dấu sự chuyển hoán tư tưởng của Phan Bội Châu. Viết bằng Hán văn.

*Việt nam sử khảo* (*1908*) 越南史攷

Nội dung tác phẩm này chưa được rõ, có thể là cùng một chủ đề với « Việt nam vong quốc sử ».

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

*Trần Đông Phong truyện (1908)* 陳東風傳

Theo Đặng Thái Mai, đây là tập truyện viết về Trần Đông Phong một thanh niên con gia đình thủ cựu ở Nghệ an đã sớm hấp thụ tư tưởng Phan Bội Châu du học tại Nhật. Sau khi gia đình biết cậu ta tham gia hoạt động cách mạng thì ghét bỏ, cậu buồn thảm rồi tự sát.

Theo Komatsu Kiyo 小松清 trong quyển « Vietonamu » thì sự tự sát của Trần Đông Phong là để chống lại lệnh trục xuất người Việt nam ra khỏi nước của chính phủ Nhật bản đương thời. Kawamoto Kunie □本邦衛 trong bài « Phan Bội Châu tiểu sử » trong quyển dịch giải tác phẩm Việt nam vong quốc sử của Phan Bội Châu thì lại nghi ngờ lập luận của Komatsu Kiyo.

*Liên Á xu ngôn (1911)* 亞趨言川

Trong thời gian ở Xiêm, Phan Bội Châu đã lưu ý nghiên cứu kỹ về tư sách Nhật - Trung quan hệ. Ông đã phân tích rõ sự lợi hại về sự hợp tác giữa hai nước này đối với các dân tộc Á châu. Ông là người đầu tiên nói lên tư tưởng « Á châu liên hiệp». Nhờ sức của Trung hoa cách mạng đồng minh cơ quan và Hoa - Xiêm tân báo xã tại Bangkok tác phẩm này đã được in ra. Những người Nhật tại Bangkok rất tán thưởng và trong số 1000 bản in, riêng người Nhật tại đây đã mua đến 300 bản.

*Hà thành liệt sĩ truyện (1913)* 河城烈士傳

Đây là bản văn truy điệu các chiến sĩ kháng Pháp như Lê Đình Nhuận 黎廷潤 bốn người đã tuẫn nạn vì âm mưu đầu độc người Pháp ở Hà nội.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

*Ngư hải ông liệt truyện* 魚海翁列傳

Tiểu truyện Ngư Hải tức Đặng Thái Thân 鄧蔡紳. Từ năm 1904 trở về sau, Đặng Thái Thân là cánh tay phải của Phan Bội Châu. Năm 1910 tham gia tập kích 50 lính Pháp, trong khi cùng 12 đồng chí bị bắt sống, Đặng Thái Thân đã bắn vào một lính Pháp rồi tự sát.

*Điều La tiên sinh liệt truyện* 篠蘿先生列傳.

Tiểu truyện Điều La (tức Nguyễn Hàm 阮諴)

*Hoàng Yên Thế tướng quân liệt truyện* 黃安世將軍列傳

Lịch sử đấu tranh kháng Pháp của Hoàng Yên Thế (tức Hoàng Hoa Thám 黃花探).

*Tái sinh sinh truyện* 再生生傳

Đây là truyện đồng chí Bùi Chính Lộ 裴正路 bị bắt giam ở nhà giam Vinh. Năm ấy tại Vinh bệnh dịch tả lan tràn. Mỗi ngày trong nhà lao có đến mấy mươi người chết được đưa tử thi ra ngoài. Bùi Chính Lộ giả chết vì bệnh dịch tả và được ra ngoài cùng với các tử thi khác để chôn cất, khi trời tối ông lẻn ra, trốn khỏi nước. Sau đó tiếp tục hoạt động cách mạng ở Xiêm. Viết bằng Hán văn.

*Trùng quang tâm sử* 重光心史

Thời Minh thuộc có Trần Quí Khoáng 陳貴礦 nổi lên chống Minh. Truyện Trần Quí Khoáng được viết dưới hình thức tiểu thuyết hóa mục đích cổ võ tinh thần kháng Pháp của người Việt lúc bấy giờ.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

*Quốc hồn lục (1913 ?)* 國魂錄

Niên đại và nội dung chưa tường.

*Nhân đạo hồn* 人道魂

Niên đại và nội dung chưa tường.

*Hịch bình tập Kiến quốc (1913 ?)* 撥平西廷國

Niên đại và nội dung chưa tường.

*Ngục trung thư (1914)* 獄中書

Tác phẩm được viết xong sau khi bị bắt nhốt vào nhà ngục Quảng Đông ba ngày. Người ta nghi có lẽ bản thảo được hoàn thành từ trước chăng ?

*Ngục trung ký (1914)* 獄中記

Nguyên tắc Hán văn, phát hành tại Thượng hải tháng 7 năm Giáp Dần 1914 đời Duy Tân. Đây là tác phẩm Phan Bội Châu, trong những ngày nằm ở nhà ngục Quảng châu chờ án tử hình, đã ghi lại những hoạt động cùng kinh nghiệm cách mạng của mình trong 47 năm qua để soi sáng cho hậu tiến. Đồng chí Phan Bá Ngọc 潘伯玉 và Hồ Hinh Sơn 胡□山 được ủy thác mang tác phẩm này ấn hành tại Thượng hải. Đầu quyển có lời tựa của Phan và Hồ tiên sanh.

*Việt nam nghĩa liệt sử (1918)* 越南義烈史

Sau khi Duy Tân Hội thành lập, đây là tập tiểu sử sao lục ngôn hạnh của những đồng chí đã bỏ mình cho công cuộc vận động cách mạng như Tăng Bạt Hổ 曾拔虎, Lương Lập Nham 梁立巖 v.v...

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

Năm 1945 sau khi Nhật bản dùng quân sự lật đổ quân Pháp tại Đông dương, Nhật bản văn hóa hội quán tại Hà nội có cho xuất bản tập này.

*Pháp Việt đề huề chính kiến thư (1918)* 法越提携政見書

Sau khi được sự đồng ý của Phan Bội Châu ở Hàng châu, bọn Lương Bá Ngọc muốn lợi dụng tình thế, nhất là toàn quyền Sarraut lúc bấy giờ liền cho ra đời tập Pháp Việt đề huề luận 法越提携論. Pháp Việt đề huề chính kiến thư của Phan Bội Châu là để giải thích những điểm hiểu lầm của tập Pháp Việt đề huề luận.

*Tây nam lữ hành ký (1918)* 西南旅行記

Năm 1918 Phan Bội Châu làm một chuyến du hành từ Hàng châu đi về miệt Vân nam. Những điều thấy nghe được ghi vào thiên ký sự này và ấn hành vào khoảng cuối năm.

*Dư chi phúc âm (1919)* 予之福音

Nội dung không rõ. Chưa tra cứu được.

*Nga la tử chân tướng điều tra ký (1919)* 俄羅子真相調查記.

Bản dịch ra chữ Hán từ nguyên tác của Fuse Tatsuji 布施辰治. «Nga la tử» là câu chuyện nước Nga. Năm 1920 trong khi Phan Bội Châu viếng thăm Trung hoa thì có sứ đoàn Nga đến. Phan Bội Châu lên Bắc kinh và nhờ có vị Viện trưởng Viện Đại học Bắc kinh là Thái Nguyên Bồi 蔡元培 giới thiệu nên được hội kiến — Lúc bấy giờ Phan Bội Châu có mang

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

theo bản dịch này. Có thể nói nhờ dịch tác phẩm này mà đây là lần đầu tiên Phan Bội Châu nhận thức về Chính quyền thành lập năm 1917 của Sô viết.

*Á châu chi phúc âm (1921)* 亞洲之福音

Tư tưởng Phan Bội Châu trong này là kêu gọi các dân tộc Á châu liên hiệp đoàn kết chống lại thực dân Âu châu xâm lược. Tư tưởng này suốt cuộc đời Phan Bội Châu đã thường nhiều lần hô hào. Ở đây tác giả cũng nhấn mạnh trở lại và đồng thời kêu gọi Nhật bản từ bỏ chính sách thực dân hóa Trung quốc, kêu gọi Trung quốc hợp tác.

*Dư cửu niên lai sở bảo trì chi chủ nghĩa (1922)* 予九年來所抱持之主義.

Chủ nghĩa mà tôi hoài bảo 9 năm nay.

*Cam Địa (1922)* 甘地.

Nội dung thuật lại cuộc đời, sự nghiệp và chính kiến của Gandhi người cha đẻ của nền độc lập Ấn độ. Tác phẩm này cùng tư tưởng với tác phẩm trên là đề xướng một đường lối chính trị phi thỏa hiệp và cách mạng hòa bình (bất bạo động).

*Y hồn đơn (1922)* 醫魂丹.

Y hồn đơn là tên viên thuốc chửa bệnh linh hồn.

*Thiên hồ ! Đế hồ (1923)* 天乎帝乎

Trong tác phẩm này Phan Bội Châu cáo giác rằng tôn giáo của Pháp là công cụ, là thủ đoạn để thực hiện chính sách giáo dục và chủ nghĩa thực dân của họ.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

*Phạm Hồng Thái truyện* (*1924*) 范鴻泰傳

Sau khi Phạm Hồng Thái chết vì sự kiện mưu sát toàn quyền Merlin ở khách sạn Victoria bất thành, Phan Bội Châu vội vã từ Hàng châu đi Quảng đông viết truyện này cũng với bài văn truy điệu người thanh niên chí sĩ.

*Gởi các thanh niên học sinh quốc nội* (*1924*)

Viết bằng Việt ngữ.

*Gởi kiều bào tại Xiêm* (*1924*)

Viết bằng Việt ngữ.

*Lê Thái Tổ* 黎太祖

*Trưng Nữ Vương* 徵女王

*Ái Quốc ca* 愛國歌

*Ái Quần ca* 愛羣歌

*Ái Chủng ca* 愛種歌

Năm 1907 trước tiên Phan Bội Châu viết « Ai cáo Nam kỳ phụ lão văn » bằng chữ Hán rồi tự dịch ra Việt ngữ. Các bài Ái quốc ca, Ái quần ca, Ái chủng ca được sáng tác bằng Việt ngữ theo thể điệu ca dao nhằm phổ biến trong giới thanh niên nông dân đang sống vong mạng ở Thái lan.

*Nam quốc dân tu trị* (*1929*) 男國民修治

*Nữ quốc dân tu trị* (*1929*) 女國民修治

Hai tác phẩm Phan Bội Châu sáng tác sau khi được phóng thích và giam lỏng ở Huế. Ngoài ra, Phan Bội Châu còn sáng tác những tác phẩm Việt ngữ ca tụng những vị anh hùng dân tộc như sau :

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

*Trưng vương lịch sử thi ca* 徵王歷史詩歌

*Trần Hưng Đạo* 陳興道

*Lê Lợi* 黎利

*Nguyễn Huệ* 阮惠

*Phan Sào Nam văn tập* 潘巢南文集

Tác Phẩm này gồm chung có văn xuôi, văn vần, thơ, phú, văn tế, câu đối được sáng tác trong khoảng từ 1928 đến 1934.

*Trưng Vương* 徵王

Kịch bản.

Theo Trần Viết Ngọc trong « Thư mục Phan Bội Châu » đăng trong « Kỷ niệm 100 năm năm sinh Phan Bội Châu » thì Kịch bản này có tên là « Truyện Trưng Nữ Vương diễn tuồng », gồm 5 hồi do Chương Thâu sưu tầm đăng trong tạp chí Văn học số 1 năm 1969.

*Khổng học đăng* 孔學燈

Nội dung dịch giải toàn bộ Tứ thư 四書 với một tư tưởng mới và cải đính những chú thích sai lầm của tiên nho. Phan Bội Châu sắp đặt lại theo tiết mục riêng thí dụ : việc học, chính trị, kinh tế, gia đình. Nhà xuất bản Anh minh, Huế ấn hành năm 1957, in làm 2 tập.

*Dịch kinh tự giải* 易經字解

Tên Dịch kinh tự giải là theo Kawamoto Kunie troug « Vie-tonamu bokokushi » dịch giải quyển Việt nam vong quốc sử

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

của Phan Bội Châu ra Nhật ngữ và ấn hành tại Tokyo năm Showa 41. Theo Kawamoto Kunie sách chưa xuất bản. Năm 1969 Nhà xuất bản Khai trí dưới nhan đề là Chu dịch quốc văn diễn giải — Có nơi gọi là Chu dịch quốc âm diễn giải.

*Xã hội chủ nghĩa* 社會主義

Theo Kawamoto Kunie, sách đã dẫn, thì chưa thấy phổ biến. Theo Trần Viết Ngọc, sách đã dẫn, thì nhà xuất bản Minh sinh ấn hành, không đề năm.

*Phan Sào Nam tiên sinh quốc văn thi tập* 潘巢南先生國文詩集

Gồm các thi văn sáng tác trong thời gian giam lỏng ở Huế. Thi văn tập này bằng Việt ngữ chia làm hai tập : tập thượng gồm 77 thiên và tập hạ gồm 162 thiên.

*Phan Bội Châu niên biểu* 潘佩珠年表

Khoảng 2, 3 năm trước khi qua đời, Phan Bội Châu tự mình ghi thuật lại cuộc đời cùng những sự kiện xảy ra từ « Ngục trung thư » cho đến những lần bị bắt về sau ở Quảng đông, Thượng hải v.v... Toàn nguyên cảo chia làm hai bộ và ấn loát tại hai nơi khác nhau.

THÍCH NGUYÊN HỒNG

THƯ VIỆN HUỆ QUANG
TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM

# TÀI LIỆU THAM KHẢO


*Kim tây Khải phu*, dịch giải và chú thích ra Nhật ngữ quyển « *Việt Nam vong quốc sử* » của *Phan Bội Châu* do *Lương Khải Siêu* soạn.

*Nam thập tự tinh*, dịch giải và chú thích ra Nhật ngữ quyển « *Ngục trung ký* » của *Phan Bội Châu*.

*Nam minh sinh*, dịch giải và chú thích ra Nhật ngữ quyển « *Thiên hồ đế hồ* » của *Phan Bội Châu*.

*Xuyên bồn bang vệ*, dịch giải và chú thích ra Nhật ngữ quyển « *Hải ngoại huyết thư* » của *Phan Bội Châu*.

*Xuyên bồn bang vệ*, « *Phan Bội Châu tiểu sử* ».

*Trường cang tân thứ lang*, « *Những người Việt Nam tại Nhật* ».

*Xuyên bồn bang vệ*, « *Phan Bội Châu trước tác giải đề* ».

*Trường cang tân thứ lang và Xuyên bồn bang vệ*, « *Việt nam dân tộc vận động sử quan hệ lược niên biểu* ».

Tất cả do nhà phát hành *Heibonsha*, Tokyo phát hành, Showa 41.

*Phan Bội Châu, Khổng học đăng*, Anh minh, Huế, 1957.

*Phan Bội Châu, Chu dịch*, Khai trí, 1969.

Trình bày xuất bản, «*Kỷ niệm 100 năm năm sinh Phan Bội Châu*».



TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

• Lê Xuân Giáo

# THANH NHÀN NGỘ
# SỰ GẶP GỠ GIỮA
# CỤ PHAN BỘI CHÂU
# VÀ CỤ TRẦN QUÝ CÁP

Cụ Phan Bội Châu tức Phan Sào Nam hay Thủ khoa San, sinh năm 1867 quê ở làng Đan nhiệm, huyện Nam đàn, tỉnh Nghệ an (Trung phần) là một nhà văn học trứ danh, một nhà chí sĩ chân chính và một nhà ái quốc nhiệt thành ; đồng bào ta không ai là không biết tiếng.

Còn cụ Trần Quí Cáp, hiệu Thái Xuyên, sinh năm 1870, quán làng Bát nghị, huyện Tiên phước, tỉnh Quảng nam (Trung phần), đậu Tiến sĩ sau khi đã đậu ba khoa Tú tài liên tiếp (không

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

đậu Cử nhân) (1), được cụ Đình Nguyên Hoàng Giáp Đào Nguyên Phổ tặng một đôi câu đối đầy ý nghĩa như sau :

Tố Tiến sĩ khước dị, tố Cử nhân khước nan,
ức ức dương dương, vô phi Tạo vật ;
Áp Hoàng Thúc ư Đình, áp Đặng Văn ư Hội,
vinh vinh quí quí, hà tất khôi nguyên.

Tạm dịch :

*Đỗ Tiến sĩ được dễ dàng, đỗ Cử nhân lại khó khăn,*
*dầu rủi dầu may, đều do Tạo vật ;*
*Đè Hoàng Thúc ở thi Đình, đè Đặng Văn ở thi Hội,*
*thật vinh thật quí, há phải khôi nguyên.*

Nguyên khoa thi Hội năm Giáp thìn về đời vua Thành Thái thứ 16, 1904, Cụ Trần Quí Cáp đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân tức là đỗ Tiến sĩ. Năm ấy, ở ngoài thi Hội, thì Cụ Huỳnh Thúc Kháng đỗ Hội nguyên, vào thi Đình (gần nhà vua) thì Cụ Đặng Văn Thụy tức Cụ Đặng Văn Đoan đỗ Đình nguyên. Còn Cụ Trần Quí Cáp thì ở ngoài Hội, văn sách đè được Cụ Đặng Văn Thụy (sau là Đình nguyên), đến khi vào thi Đình, thì văn sách lại đè được Cụ Huỳnh Thúc Kháng (trước là Hội nguyên). Như vậy thời Cụ Trần Quí Cáp, tuy không phải là bậc khôi nguyên, nghĩa là không phải Hội nguyên hay Đình nguyên, nhưng văn bài đã lấn được cả ông Hội nguyên và cả ông Đình nguyên.

---

(1) Theo lệ xưa; hễ ai đỗ ba khoa Tú Tài trở lên, cũng được đi thi Hội như những vị Cử nhân.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Cụ Trần Quí Cáp là một tay danh sĩ, và là một nhà cách mạng duy nhất bị án yêu trảm (chém ngang lưng) làm chấn động dư luận trong nước, người Việt nam ta không mấy ai là không biết danh.

Trước khi Cụ Phan và Cụ Trần chưa gặp gỡ nhau, vào hồi niên tráng, Cụ Phan đã từng nghe tiếng Cụ Trần là một cự phách trong số danh sĩ đương thời ở tỉnh Quảng nam như các vị đại khoa Huỳnh Thúc Kháng, Phạm Liễu, Phan Quang và Phan Chu Trinh v.v... cho nên Cụ Phan rất ước ao được gặp.

Còn về phần Cụ Trần đã từng đọc văn chương của Cụ Phan, nên rất khâm phục văn tài học lực của Cụ Phan. Lại được biết Cụ Phan là một người có óc cách mạng, có chí mưu đồ đại sự, nên cũng thầm trông trộm ước được gặp gỡ Cụ Phan.

Nhân một mùa hè năm nọ, Cụ Phan Bội Châu đi bộ vào Thừa thiên, rồi từ Huế đi bộ vào Quảng nam để tìm gặp, và kết thân với các nhân sĩ hữu tâm ở đây, mong được sự ủng hộ về tinh thần cũng như về vật chất cho công cuộc cách mạng đánh đuổi thực dân để cứu nước của Cụ. Khi Cụ qua khỏi đèo Hải vân, đương ghé vào một quán nước ở dưới chân đèo về phía Quảng nam để nghỉ uống nước, thì bỗng thấy một đoàn bốn người từ trong đi ra, cùng ghé vào tạm nghỉ ở quán nước ấy. Hai bên (Cụ Phan và Cụ Trần) nhìn nhau hồi lâu, rồi Cụ Phan cất tiếng hỏi trước :

— Thưa Quí ông, có phải Quí ông ở trong Quảng nam đi ra đây không? Và có công việc gì hay, xin cho tiện đệ đi theo với?

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Người đi đầu diện mạo tuấn tú hơn cả đáp :

— Thưa phải, chính chúng tôi ở trong Quảng định ra Thừa thiên để tìm nơi dạy học. Người ấy lại tiếp lời hỏi :

— Thưa, còn Quý ông ở đâu tới đây? Với mục đích gì?

Cụ Phan trả lời :

— Thưa, tôi ở Nghệ an qua Thừa thiên vào đây để đi làm thầy phong thủy (thầy địa lý).

Hai bên kế tiếp nhau chuyện trò, hỏi han từ chuyện gần đến chuyện xa, từ chuyện ở Quảng nam đến chuyện ở Nghệ an và Hà tĩnh rồi đến chuyện trong nước. Câu chuyện qua lại mỗi lúc mỗi thêm phần đậm đà hơn. Tiếp đến sau, Cụ Phan lại hỏi :

— Thưa, theo ý Quý ông, thì hiện giờ trong nước ta có ai đáng gọi là danh sĩ không?

Người tuấn tú ấy trả lời :

— Theo ý riêng của tôi, thời trong đám văn nhân ngoài khoa mục ra có ai thật giỏi hay không, thì tôi không được rõ. Còn trong hàng khoa giáp thì tôi thấy đều đều như nhau, không hơn thua nhau mấy. Duy có Phan Bội Châu ở Nghệ an mà tôi đã được đọc nhiều bài văn, bài phú, thơ và kinh nghĩa, thời thật đáng là tay danh sĩ số một của nước ta hiện thời.

Đến khi hai bên gần chia tay để người đi vào, kẻ đi ra, thì cụ Phan đưa cho người tuấn tú ấy một bài thơ Đường luật vừa nghĩ vừa viết như sau :

Tự biệt Xuân thành lục thử chu,
Hựu ma cuồng nhãn kiếm tiền du.
Thân bằng hải khoát thiên trường mộng,

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

Phong thủy vân thôn vụ thổ sầu.
Hữu tửu hữu hoa nhân vị hạ,
Vô phong vô vũ khách thường thu.
Thùy gia lãng tụng Tam đô phú,
Nhứt biển mai hoa nhứt thướng đầu.

Tạm dịch :

*Cách biệt Xuân thành đã sáu thu,*
*Ngày nay ôn lại bước tiền du.*
*Thân bằng : trời bể bao la mộng,*
*Phong thủy : mù mây bát ngát sầu.*
*Có rượu có hoa, người chửa rảnh,*
*Không mưa, không gió, khách năng sầu.*
*Nhà ai từng đọc Tam đô phú* (1),
*Chiếm được mai hoa hẳn bạc đầu.* (2)

Người tuấn tú ấy cầm đọc bài thơ rồi ôm lấy Cụ Phan mà nói :

— Ô ! Chính đây là Phan Bội Châu tiên sinh rồi ! Chớ không phải thầy phong thủy nào cả. Xin tiên sinh cho biết sự thật.

Cụ Phan cười mà đáp :

---

(1) Tam đô phú là bài phú của ông Tả Tư ở đất Lâm tri đời nhà Tần. Bài phú ấy hay nhứt, và ông ấy phải làm 10 năm mới xong, thì vừa thi được đỗ cao, mà đầu cũng đã bạc. Ý Cụ Phan nói cái học khoa cử chỉ làm cho người ta miệt mài văn chương đến nỗi bạc đầu để đỗ cao, thì còn làm được việc gì nữa ?

(2) Hoa mai nở trước trăm hoa. Chiếm được mai hoa cũng như chiếm được cao khoa vậy.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

— Thưa, chính tôi là Phan Bội Châu đây. Còn Quí ông cũng xin cho biết danh tánh để tiện việc xưng hô.

Người tuấn tú ấy thưa :

— Tôi là Trần Quí Cáp, còn ba người kia là học trò của tôi.

Cụ Phan liền nói :

— Tôi vào Quảng nam lần này là để tìm gặp Bác trước, và các bạn ở đấy sau.

Thế rồi Cụ Trần bỏ hẳn công việc đi Huế để đưa Cụ Phan về nhà mình chuyện trò bàn bạc tương đắc lắm, rồi sau mới dẫn Cụ Phan đi gặp gỡ các đồng chí. Cụ Phan lại tặng cụ Trần một bài thơ như sau :

Ngã tích như quân lệ ám thùy,
Quân kim đối ngã cưỡng khai my.
Túy tinh ngã bối song cuồng nhãn,
Đắc tảng nhân gian nhứt cuộc kỳ.
Thiên địa hữu tình dung ngã kiện,
Giang sơn vô ngữ tiếu nhân sy.
Bằng kim thả chước tôn tiền nguyệt,
Mai ý xung hàn chỉ tự tri.

Tạm dịch :

*Đồng khóc âm thầm mấy lúc xưa,*
*Đối tôi, nay bác gượng vui chưa?*
*Tỉnh say tôi bác cuồng đôi mắt,*
*Thua được người ta giống cuộc cờ.*
*Trời đất thương cho giàu sức khoẻ,*
*Non sông nói được cợt người ngơ.*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

*Trước trăng hãy rót đầy ly rượu,*
*Rét nọ, mai kia đã biết thừa.*

Cụ Trần Quí Cáp cũng tặng Cụ Phan một câu đối như sau :

Quân dĩ tác Nam du, Vân lĩnh Hành sơn tiểm nhỉ ;
Ngã tằng văn Bắc địa, Hồng sơn Lam thủy hùng tai.

Tạm dịch :

*Bác đã tới miền Nam, Vân lĩnh Hành sơn cao thế ấy ;*
*Tôi từng nghe đất Bắc, Hồng sơn Lam thủy lớn đường bao !*

Cụ Phan Bội Châu và Cụ Trần Quí Cáp xa cách nhau hàng ngàn dặm, tình cờ được gặp nhau ở dưới chân đèo Hải vân, thật làm một sự bất kỳ nhi ngộ (không hẹn mà gặp). Thật đúng như câu thơ : « Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ, vô duyên đối diện bất tương phùng » và như câu : « Văn tự diệc hữu túc duyên » nghĩa là văn tự vốn có duyên sẵn từ trước vậy.

LÊ XUÂN GIÁO

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

• Viên Giác

# VỊ HÒA THƯỢNG KHUYẾT DANH (*)

CHO mãi tới bây giờ, những người tìm tòi khảo cứu lịch sử cách mạng Việt nam, vẫn chưa ai biết được nhà sư cách mạng ấy tên là gì ? Chính quán ở làng nào xã nào ?

Vì chính trong quyển « *Việt nam Nghĩa liệt sử* » một tác phẩm bằng chữ Hán của Cụ Sào Nam Phan Bội Châu viết ở Tàu năm 1919 và *Tự Phán* cụ viết ở Huế, sau ngày cụ bị Pháp bắt giam lỏng ở đây, cũng đều không cho độc giả chúng ta biết, nhà sư cách mạng ấy người ở đâu ? tên họ là gì ? mà chỉ lấy một đặc tính của ông Sư, chỉ độc ăn rau để sống mà đặt cho ông cái biệt danh « Ngật Thái Hòa Thượng » (Chữ Hán : trong *Việt*

---

(1) (Trong Đuốc Tuệ tuần san số 49, ngày 17-9-66 trang 23-24)

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

*nam Nghĩa liệt sử* », ông Sư Rau : (tiếng Việt : trong « Tự Phán » ).

Trong « *Việt nam Nghĩa liệt sử* », Cụ Phan kể chuyện rằng : chính nhà Sư Cách mạng này, Cụ cũng không biết rõ tên họ là gì, người ở làng nào, mà chỉ biết vào khoảng 1902, Cụ vào miền Nam để kết hợp lại những nhà chí sĩ cách mạng trong phong trào tiền Văn Thân Cần Vương chống Pháp ở Nam kỳ, như Trương Công Định, Thủ Khoa Huân, Thiên Hộ Dương, Nguyễn Trung Trực v.v... còn sống sót lại để xây dựng phong trào Đông du.

« Khi tôi tới (Cụ Phan viết) chùa Sơn tự ở vùng Châu đốc để tìm gặp một nhà sư cách mạng, tên là Thất Sơn. Cụ Thất Sơn nguyên là một nhân viên trong Bộ Tham mưu của nghĩa quân Cần vương Nguyễn Trung Trực, khi đại cuộc tan rã, Cụ đổi tên, thay tuổi vào tu tại chùa Sơn tự, ăn chay niệm Phật, chờ thời để thực hành chí nguyện đánh giặc cứu nước.

Sau khi gặp chúng tôi, Cụ Thất Sơn đã trở thành một cán bộ quan trọng trong phong trào Đông du ở miền Nam. Cụ chịu trách nhiệm vận động tài chính, cổ động thanh niên xuất dương vào những năm 1904, 1905, 1906, 1907. Qua mấy năm hoạt động nhà Sư Cách mạng ấy bị Pháp bắt đầy ra Côn đảo và chết ở ngoài ấy.

Từ khi cộng sự cách mạng với chúng tôi cụ Thất Sơn còn cho biết : Cụ có một người đồng chí cũ, cũng ở trong nghĩa quân Cần vương Nam kỳ, sau khi đại cuộc tan vỡ, bị Pháp truy nã gấp, ông cũng dấu tên thay tuổi, chạy lên Strung-treng (miền

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

giáp hạ Lào) vào tu một ngôi chùa gọi là « Vát pha kết » ông ấy chỉ sống bằng rau, nên có tên gọi là ông Sư Rau.

Rồi cụ Thất Sơn dặn riêng tôi, Cụ Phan viết tiếp, khi nào có cơ hội, ông nên cho người về đấy vận động ông ta đi ngoại quốc. Vì ông « Sư Rau » ấy là một người có chí, có tài, lại giàu lòng yêu nước.

Năm 1905, sau khi cụ Phan xuất dương rồi, mới phái ông Đinh Xuân Thông, nguyên quán ở huyện Hương khê (Hà tĩnh) ông này nguyên là một cán bộ phụ trách giao thông đường Miên Lào của Cụ Phan Đình Phùng lúc trước, khi đại cuộc ở Vụ quang tan vỡ ông bỏ trốn sang Xiêm, ở tỉnh Sa khôn, ông này cầm thư của cụ Phan đi xuyên đường rừng, từ Sa khôn tới Oudonne (biên giới Lào Thái) vượt sông Cửu long về Bắc sé (Hạ Lào) rồi về Thác khôn, lần về Ka-ra-chi-ê (Miên) rồi về Stung-treng, lần vào chùa « Vát pha kết » thì gặp được sư Cụ.

Khi nhà Sư đọc xong thư Cụ Phan kèm theo giấy giới thiệu Cụ Thất Sơn, nhà « Sư Rau » liền giã từ chùa lên đường theo ông Thông đi ngoại quốc. Vượt Cửu long qua Xiêm tới Vọng các rồi xuống tàu thủy qua Thượng hải, khi tới Hoành tân thì gặp Cụ Phan và Cụ Đường Đề.

Sau đó nhà Sư trở thành một trong số 200 du học sinh qua Nhật trong phong trào cách mạng Đông du (1904). Khi tới Đông kinh ông Sư Rau mang tên là Nhã Nam vào học trường Chấn võ Học hiệu một trường võ bị cao nhất ở Nhật. Hai năm theo học, nhà Sư tỏ ra một cán bộ xuất sắc của binh chủng Pháo binh. Năm 1908 sau khi Pháp giao thiệp với Nhật, các Cụ

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

bị Nhật trục xuất, nhà Sư lại theo Cụ Phan, Cụ Đặng Tử Kính về Xiêm tiếp tục hoạt động cách mạng trong phong trào Quang phục.

Năm 1914, Đại chiến thứ nhất bộc phát, Pháp bị Đức đánh bại lợi dụng lúc nguy khốn của quân thù, phong trào cách mạng Việt nam do Việt nam Quang phục lãnh đạo lên cao hơn lúc nào hết. Quang phục quân được thành lập, rồi mấy năm liên tiếp đánh Pháp nhiều trận xiểng liểng.

Những trận lớn được ghi nhận là :

— Đánh đồn Lục nam ngày 20-10-1914
— Đánh đồn Mông cáy ngày 07-01-1915
— Đánh đồn Nho quan ngày 07-01-1915
— Đánh đồn Bát xát (Lào kay) ngày 8-8-1916.

Ngoài ra còn có những trận Đồng văn (Hà giang), Mường khương (Lào kay), Pha lông Cốc dàn (Lào kay).

Cuối cùng và cũng là lớn nhất là trận đánh vào đồn Hín bun, biên giới Lào Thái, do Việt kiều ở Thái tổ chức và mua sắm khí giới. Đây là một đội quân Việt nam Quang phục khá hùng hậu. Tối ngày 15-9-1917, nghĩa quân xuất phát từ phủ U thên (Thái lan) vượt Cửu long giang về công phá một đồn binh của Pháp ở Hín bun (Lào) do Đại tướng Nhã Nam tức là ông Sư Rau làm tổng chỉ huy.

Chiếm được Hín bun, nghĩa quân đang sửa soạn tiến về chiếm tỉnh Thakhet (Trung Lào) để làm căn cứ dụng võ chống Pháp. Nhưng khi được tin Hín bun thất thủ, Pháp cho viện binh từ ba mặt là Savanakhet, Vientienne, Thakhet kéo về đánh úp lấy lại.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Một đội nghĩa quân ít ỏi, với khí giới thô sơ khó mà đương đầu với quân Pháp từ ba mặt giáp công. Trong khi Nhã Nam tướng quân đang chỉ huy nghĩa quân chống lại, thì ác hại thay ông bị một viên đạn của quân Pháp bắn trúng vào bụng ngã quỵ. Nghĩa quân thấy chủ tướng bị thương, họ tức tốc đưa xuống thuyền vượt Cửu long giang mang ông về bên Thái.

Trước khi về cõi tĩnh, nhà Sư cách mạng vẫn bình tỉnh nói với các đồng chí :

« Trên con đường diệt thù cứu nước, tôi đã phải bỏ dở bởi một viên đạn tình cờ của giặc. Tôi mong rằng sau tôi sẽ có bao người tiếp tục sự nghiệp cho tới ngày toàn thắng. Tôi chết đi không có gì oán hận, vì tôi đã được vì nước bỏ mình .

« Nguyện vọng cuối cùng tôi muốn nói với các đồng chí là : Tôi là một nhà tu hành đạo Phật, vậy sau khi chết, tôi muốn hỏa táng theo nghi thức đạo Phật ».

Sau khi hỏa táng rồi, Việt kiều ở Thái lan mới xây cho ông một đài kỷ niệm trước ngôi chùa « Vạt xi xu măng », thuộc tỉnh Sa khôn, trên bờ hồ Nọng hán.

Sau đây là câu đối của cụ Đặng Thúc Hứu, biệt hiệu Ngọ Sanh làm để khắc vào tấm bia ở đài kỷ niệm ông :

« *Vị quốc quyên khu trúc bạch tại*
*Xuất gia thành Phật cổ kim lưu* ».

Tạm dịch :

Sử sách sẽ ghi mãi việc vì nước hiến mình của ông.
Xuất gia để rồi th ành Phật, chuyện đời ông sẽ được ghi chép muôn thuở.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Những du khách khi qua Thái lan, tới viếng cảnh chùa « Vắt xi xu măng » ở tỉnh Sa khôn, thấy câu đối trên được khắc vào một tấm đá xanh, dựng trước một đài kỷ niệm của vị Hòa Thượng khuyết danh này.

Khuyết danh là không ai biết ông tên gì, họ gì, mà chỉ gọi ông là Sư Rau, cho tới Nhã Nam, cũng chỉ là một biệt danh được đặt ra khi ông ở Nhật.

VIÊN GIÁC

---

# ÔNG GIÀ BẾN NGỰ

*Bên cầu Bến Ngự, dưới cây sung*
*Một chiếc thuyền con sóng cứ tung*
*Giữa kiếp trầm luân ôi các bạn !*
*Dời non lấp biển gắng nhau cùng.*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

# Cảm tác

BÚT TRÀ

*Bốn mươi năm Cách mạng*
*Thể cứu vãn non sông*
*Hô hào trừ Pháp thuộc*
*Thất bại vẫn anh hùng*
*Trống chiêng ba tắc lưỡi*
*Huyết lệ một ngòi lông*
*Mặt hướng về đất Bắc*
*Mỗi lần tưởng niệm ông.*

* *

*Sống là để tranh đấu*
*Thương nước từ niên ấu*
*Gió Bắc ngựa hồ reo*
*Cành Nam chim Việt đậu*
*Công danh tợ lông hồng*
*Khoa giáp bằng vỏ trấu*
*Gương chí sĩ Sào Nam*
*Nghìn thu còn soi dấu.*

---

**L.T.S :** Nhân ngày húy nhật thứ 33 của Sào Nam Phan Bội Châu, Phân khoa Văn học và KHNV. Viện Đại học Vạn Hạnh đã tổ chức một buổi diễn thuyết và 1 tuần lễ triển lãm.

Dịp này Cụ Bút Trà đã lên diễn đàn đọc hai bài thơ trên đây.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

# *Thông Cáo*

**Trung Bộ Kinh tập II** gồm kinh 51 đến 100 đã dịch xong vào cuối tháng 11 năm 1973, nhưng vì giá giấy lên cao và các nhà in quá bận việc về cuối năm Dương lịch và Âm lịch nên phải chậm đến Phật Đản 2519 (tháng 5-74) mới có thể in xong được. Vậy xin cáo lỗi với các vị đã đặt tiền thỉnh trước. Tuy vậy, Nha Tu Thư Vạn Hạnh sẽ cho phát hành **tập II**, quyển **Thắng Pháp Tập Yếu Luận** (Abhidammatthasangala) do Thượng Tọa Thích Minh Châu, Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh phiên dịch và chú thích, để kỷ niệm ngày Đức Phật Thành Đạo (8-12 Âm lịch, 31-12-73).

**NHA TU THƯ**

*VIỆN ĐẠI HỌC VẠN HẠNH*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

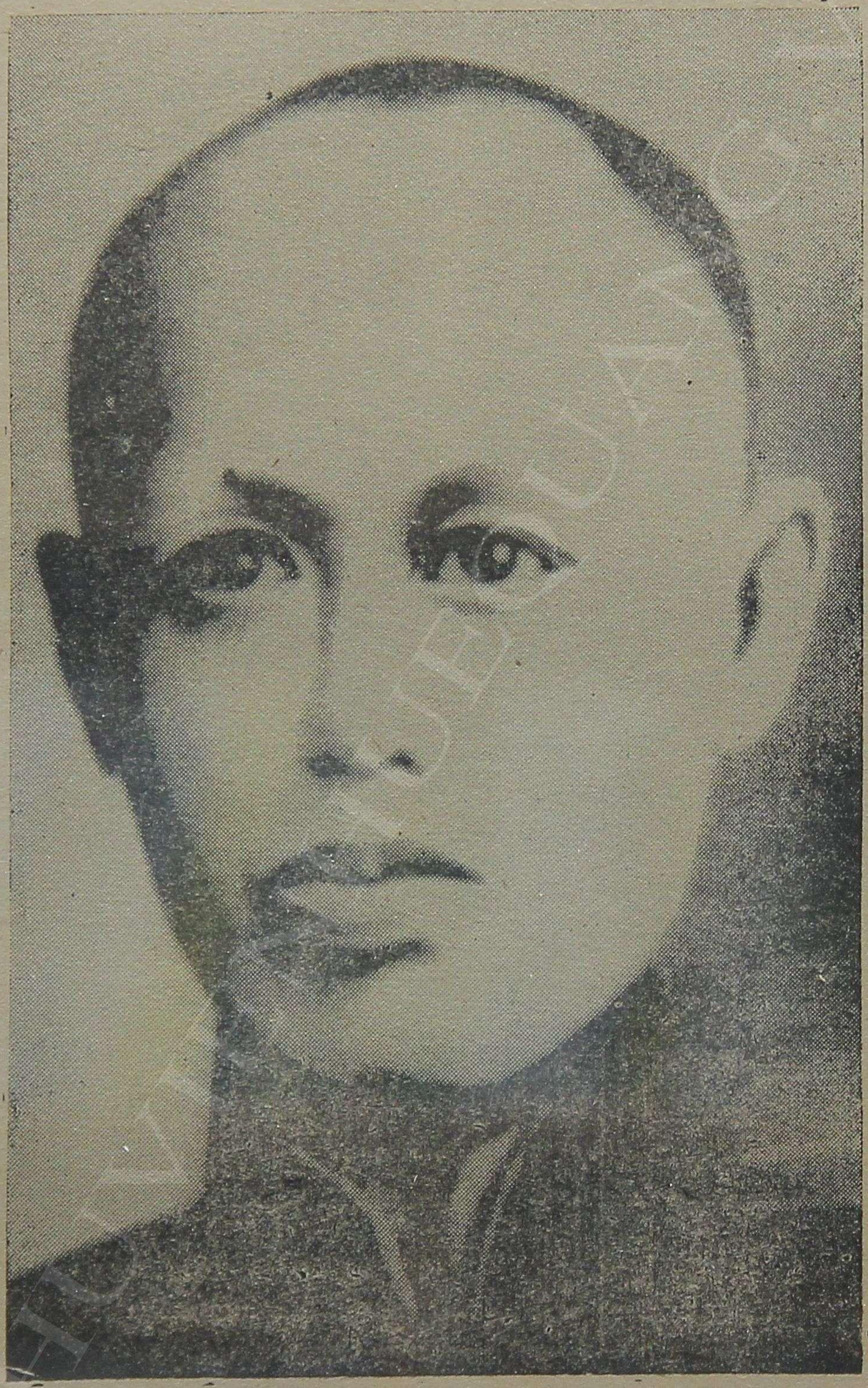




TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG



TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG



TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

# NIÊN BIỂU TÁC PHẨM
# PHAN BỘI CHÂU

1883 : Hịch Bình Tây thu Bắc

1886 : Song Tuất Lục

1897 : Phú Bái thạch vi huynh

1903 : Lưu cầu huyết lệ tân thư

: Một số bài hát giặm

: Một số bài hát nói

1906 : Việt nam vong Quốc sử

: Hải Ngoại huyết thư (X.B.1958)

: Khuyến quốc dân trợ tư du học văn (X.B.1907)

: Kính cáo toàn quốc phụ lão (X.B.1962)

: Ai cáo Nam kỳ phụ lão văn (X.B.1960)

1907 : Thư gửi Cụ Phan Chu Trinh

: Tân Việt nam (X.B.1965)

: Kỷ niệm lục

: Sùng bái giai nhân

: Hoàng Phan Thái truyện

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

: Ai Việt Điếu điền (X.B.1963)
: Việt vong thảm trạng
: Hòa lệ công ngôn (X.B 1963)
1908 : Việt Nam Quốc Sử khảo (X.B 1962)
: Trần Đông Phong truyện
1910 : Ái Quốc ca, Ái quần ca, Ái chủng ca
: Trưng nữ Vương truyện
: Lê Thái Tổ truyện
: Trần Hưng Đạo truyện
1910 : Nguyễn Huệ truyện
: Tuồng Trưng Nữ Vương
1911 : Liên Á xu ngôn
1913 : Ngục Trung thư (X.B 1949-1950) (1)
1913-17 : Hà thành liệt sĩ truyện
: Ngư hải ông liệt truyện
: Điều La tiên sinh truyện
: Quốc hồn lục
: Nhân đạo hồn
: Hịch Bình Tây kiến quốc
: Hoàng Yên Thế tướng quân liệt truyện
: Tước Thái thiền sư truyện
1918 : Tái sinh sinh truyện
: Việt Nam nghĩa liệt sử (X.B.1957)
: Pháp Việt đề huề chính kiến thư

---

(1) Thời gian bị giam trong ngục Quảng châu.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG Thư Viện

1919 : Lư chi phúc âm

: Nga la tử chân tướng điều tra ký

: Tây Nam lữ hành ký

1920 : Dư cửu niên lai sở bảo trì chi chủ nghĩa

1921 : Trùng quang tâm sử (X.B 1957)

: Á châu chi phúc âm

1922 : Thiên hồ ! Đế hồ

: Y hồn đan

: Cam Địa

: Xích nga vĩ nhân liệt ninh đa thích kỳ nhị nhân liệt truyện

1924 : Phạm Hồng Thái truyện

: Kính cáo ngã quốc nội thanh niên học sinh viên

: Kính cáo kiều Xiêm ngã đồng bào văn

: Kính cáo Lân bang Xiêm la chính phủ văn (2)

1925 : Giác quần thư (X.B.1929) (Nam quốc dân tu tri,

1940 : Nữ quốc dân tu tri)

: Luân lý vấn đáp (X.B.1957)

: Cao đẳng quốc dân (X.B.1957)

: Nhân sinh triết học (X.B.1954)

: Sách thuốc chữa bệnh nhân nghèo (X.B.1957)

: Xã hội Chủ nghĩa (X.B.1946)

: Phan Sào Nam văn tập (chép tay)

---

(2) Thời gian bị giam lỏng tại Bến Ngự, (Huế)

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG Thư Viện

: Khổng học đăng (X.B.1957)
: Châu dịch quốc văn diễn giải (chép tay)
: Phan Bội Châu niên biểu (X.B.1957)
: Tự phán (X.B.1956)
: Một số truyện ngắn (1935-1939)
: Một số văn tế
: Một số bài phú
: Một số bài khảo luận (đăng trên Tiếng Dân)
: Một số bài diễn thuyết (3).

---

(3) Xem thêm : Thư mục Phan Bội Châu, trong *Kỷ niệm 100 năm sinh Phan Bội Châu*. Saigon, Trình bày 1967, trang 103-119 và « *Sưu tập và Đề giải trước tác phẩm của Phan Bội Châu* » của Đ.Đ. Thích Nguyên Hồng, trang 129—141 cùng số nầy.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

# VIỆT NAM CÁCH MẠNG SỬ ĐỒ

## THỜI KỲ THỨ NHẤT (1859.— 1844)

| PHAN BỘI CHÂU NIÊN BIỂU (1867 — 1940) | PHONG TRÀO CÁCH MẠNG | ĐẢNG PHÁI THỦ LÃNH | KHẨU HIỆU CHỦ TRƯƠNG | CHÚ THÍCH |
|---|---|---|---|---|
| | 1859-1884 : Cuộc kháng của Triều đình V.N. | Vua Tự Đức, Hoàng Diệu, Nguyễn Tri Phương, Tôn Thất Thuyết. | Chống xâm lặng. | Kể từ hiệp ước 1862 đến 1884, Pháp chiếm xong VN phải mất 22 năm. |
| | 1862-1864 : Khởi nghĩa Cholon, Tân An Gò Công. | Trương Định | Dân chúng tự vệ. | Trương Định tử trận ở Gò Công tháng 8 năm 1864. |
| | 1863 : Khởi nghĩa Bà Rịa, Biên Hòa. | Quản Sư | Dân chúng tự vệ. | Sư bị hành hình tại Bà Rịa ngày 9-3-1863 |
| | 1863 : Khởi nghĩa Mỹ Tho | Nguyễn Hữu Huân (Thủ Khoa Huân) | Dân chúng tự vệ. | Huân bị bắt ở Châu Đốc bị đày sang Réunion. |
| | 1864 : Mưu khôi phục Vĩnh Long. | Nhóm quan lại Nam Kỳ « Đảng cựu » | Cần Vương. | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | 1865 : Khởi nghĩa Mỹ Trà (Sa Đéc). | | Dân chúng tự vệ. | |
| | 1866 : Khởi nghĩa Đồng Tháp Mười. | Võ Duy Dương (Thiên Hộ Dương). | Cần Vương. | Có lính Tagals và 1 người Pháp tên Linguet giúp đỡ. |
| | 1866 : Khởi nghĩa ở Tây Ninh. | Trương Huệ (con Trương Định). | Dân chúng tự vệ. | Có nhiều lính Tagals đào ngũ sang giúp đỡ. |
| Sinh tại Nghệ An tên Phan San | 1867 : Khởi nghĩa Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sa Đéc. | Phan Liêm, Phan Tôn con cụ Phan Thanh Giản). | Cần Vương. | Để chống thực dân |
| | 1868 : Khởi nghĩa Hòn Chông, Kiên Giang (Rạch Giá). | Nguyễn Trung Trực tức Quản Lịch, Quản Chơn. | Dân chúng tự vệ. | Trực khởi nghĩa lần thứ nhất ở Tân An, đốt tàu Pháp tại Nhựt Tảo 1861. |
| | 1868 : Khởi nghĩa Mỹ Tho, Tân An. | Thái Văn Nhíp. | Dân chúng tự vệ. | Bị hành hình tại Rạch Giá ngày 27-10-1868. |
| | 1869 : Khởi nghĩa Biên Hòa. | Trương Huệ | Dân chúng tự vệ. | Cũng gọi là cậu Hai Quyền, bị hại năm 1870. |
| | 1872 : Khởi nghĩa 18 Thôn vườn trầu (Bà Điểm, Hốc môn). | Quản Hớn và Dân chúng. | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 1872: Khởi nghĩa Vĩnh Long, Long Xuyên, Cần Thơ, Bến Tre. | Dân chúng. | | Tham biện Saliceti bị giết tại Vũng Liêm. |
| Nhập học : Tam Tự kinh, Tứ Thư, Ngũ kinh | 1873 : Khởi nghĩa Bãi Thừa (giữa Hà Tiên, Châu Đốc, Rạch Giá, Long Xuyên). | Trần Văn Thanh (Đạo Lành) | | |
| Tụ họp trẻ chơi trò Binh Tây | 1874 : Khởi nghĩa Trà Vinh. | Nguyễn Xuân Phụng<br>Đoàn Công Sửu. | | |
| | 1874 : Khởi nghĩa Nghệ An, Hà Tĩnh. | Nguyễn Tấn,<br>Đậu Như Mai. | Bình Tây sát tả. | |
| | 1874 : Khởi nghĩa Hóc Môn (Gia Định ) | Nguyễn Văn Bường | Cần Vương | |
| | 1874-1875 : Khởi nghĩa Hà tĩnh. | Phan Đình Phùng (Đẳng Văn Thân) | Cần Vương | Cao Thắng, một tướng của Phan Đình Phùng biết làm súng như người Pháp. |
| | 1875 : Khởi nghĩa Bến Tre và Ba Động (Trà Vinh). | Lê Tấn Kế<br>Trần Bình. | Dân chúng tự vệ. | |
| | 1875 : Khởi nghĩa Mỹ Tho. | Nguyễn Hữu Huân.<br>Âu Dương Lân. | | Huân ở Réunion được tha về lại khởi nghĩa. Bị bắt hành hình tại |

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUẾ QUANG

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Hịch Bình Tây thu Bắc. Nổi tiếng văn chương. Thủ khoa trường Nghệ. | 1882 : Hà thành thất thủ. | Hoàng Diệu tử tiết. | | Cai Lộc (Mỹ Tho) ngày rằm tháng 5 âm lịch. |
| | 1883-1897 : Khởi nghĩa Bãi Sậy. | Tán Thuật<br>Nguyễn Thiện Thuật. | | |
| | 1885-1887 : Khởi nghĩa Bình Định, Phú yên. | Mai Xuân Thưởng, Bùi Diệu, Nguyễn Đức Nhuận. | Cần Vương. | Cử nhân Thưởng bị Tổng đốc Lộc bắt ngày 4-5-1887 bị hành hình ngày 3-6-1887. |
| | Phong trào Cần vương. | Vua Hàm Nghi bị đầy. | | |
| Lập đội quân Nghĩa tử Cần Vương viết, «Song Tuất Lục» Kết nghĩa Đặng Thái Thân. Vào Huế. Viết « Bái thạch vi huynh phú». Kết nghĩa Nguyễn Thượng Hiền 1900 cải danh : Phan Bội Châu, đậu Giải nguyên. | 1885-1892 : Khởi nghĩa Tân Hóa. | Hà Văn Mạo, Tống Duy Tân. | Cần Vương. | |
| | 1885-1913 : Khởi nghĩa Yên Thế, Nhã Nam. | Đề Thám Hoàng Hoa Thám. | | Thám bị giết ở Chợ Gồ (Đình-tiếp) đêm 13-2-1913. |
| | Khởi nghĩa Đông Triều. | Đốc Thích, Nguyễn Văn Tít. | | |
| Viết : «Lưu cầu huyết lệ tân thư ». Lập « Hội Duy Tân » Xuất dương Đông du. Gặp Lương Khải Siêu, Khuyển Dưỡng Nghị. Viết « Việt Nam vong quốc sử ». Gặp Tôn Dật Tiên. Viết «Khuyến | 1904 : Phong trào Đông Du. | Tăng Bạt Hổ, Nguyễn Thượng Hiền, Phan Bội Châu, Cường Để | Cầu ngoại viện. | Năm 1925 Phan Bội Châu bị bắt ở Thượng hải giải về nước. |
| | 1905 : Nhật thắng Nga | | | |

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUẾ QUANG

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| quốc nhân du học ». Gặp Lưu Vĩnh Phúc. Viết « Hải ngoại huyết thư ». | 1907. — Phong trào Duy Tân. | Trần Quí Cáp, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế | Cổ động mặc áo ngắn, hớt tóc, cạo râu bỏ tục nhuộm răng. | |
| Viết : «Kính cáo Toàn quốc phụ lão văn»<br>«Ai cáo Nam kỳ phụ lão văn»<br>«Tân Việt Nam». | 1907-1908. — Đông Kinh Nghĩa Thục | Lương Ngọc Can Nguyễn Quyền. | | Mở trường, diễn thuyết, khai hóa dân tâm. |
| Lập Hội Nam Công Hiến Nhật bản trục xuất sinh viên V.N. | 1908. — Hà Thành đầu độc. | Đội Binh, Bếp Hiên | | 7 người trong cơ linh nhà bếp bị xử tử. |
| Lập Hội «Đông Á Đồng Minh». | 1910; Cách mệnh Trung Hoa | | | |
| 1910 sang Xiêm; lập đồn điền Ban Thầm, lập «Việt Nam Quang phục hội dân chủ Chấn Hoa Hưng Á» | 1910. — Ám sát Nguyễn Duy Hàn Tuần phủ | Tài Tráng | Việt Nam Quang Phục Hội. | Tài Tráng bị bắt, bị bắn. |
| | 1913. Thiên địa hội. | Ứng Nghĩa, Di Hòa | | Căn cứ ở núi Chứa Chan, sau bị giải tán. |
| | Yên Thế thất bại | Đề Thám chết | | |
| Bị bỏ tù ở Quảng Châu gặp Cụ đạo Thiên Chúa giáo | 1914. — Mưu phá ngục Côn Nôn. | Nguyễn Trọng Thạc và tù nhơn chánh trị | | Bị đàn áp dữ dội 72 người bị bắn chết ; |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Mai Lão Bàng cùng ở tù. Viết «Ngục trung thư». | 1915. — Phá ngục Lao Bảo. | Tù nhơn chánh trị | | Bị đàn áp đẫm máu |
| | 1916. — Ném bom Hà Nội Hôtel. | Tài Tuý | V.N. Quang Phục Hội. | Sau bị bắn chết |
| | 1916. — Mưu đảo chánh ở Huế. | Vua Duy Tân, Thái Phiên; Trần Cao Vân | | Duy Tân bị bắt đày sang Réunion |
| | 1916 Phá Khám Lớn ở Saigon. | Phan Xích Long và bộ hạ. | | Phan Xích Long bị bắt ở Phan Thiết, đày Côn sơn. |
| Mưu về giúp khởi nghĩa Thái Nguyên bị chặn ở Vân Nam, phải trở lại Tầu. | 1917 Khởi nghĩa Thái Nguyên. | Trịnh Văn Cấn, Lương Ngọc Quyến | | Chiếm Thái Nguyên trọn tuần lễ, và kháng chiến hơn ba tháng mới dứt. |
| Ở Hàng Châu. Liên lạc với người Đức cộng tác «Đông Á tân văn», «Bình sư tạp chí». | 1918 Cộng phá đồn Tà Láng. | Nguyễn Trọng Mậu | | Kết cuộc có 7 người bị bắt từ Xiêm về bị bắn chết. |
| Viết : «Pháp Việt đề huề chính kiến thư», «Thiên hồ, Đế hồ !» văn và nhiều tác phẩm xuất bản ở Nhật. | | | | |

## THỜI KỲ THỨ HAI (1923 — 1930)

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 1920 liên lạc với người Nga thành lập «Việt Nam quốc dân đảng tại Quảng Châu. | 19-6-1924 Ném bom ở Sa điện, mưu sát toàn quyền Merlin. | Phạm Hồng Thái | Chống đế quốc. | Làm chấn động dư luận thế giới, Phạm Hồng Thái được |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Ảnh hưởng Tam Dân chủ nghĩa của Tôn Dật Tiên. | | | | người Tàu lập mộ ở Hoàng Hoa Cương. |
| | 1924 Thành lập Tâm Tâm xã. | Nguyễn Ái Quốc (Lý Thụy tiên sinh) | Chống đế quốc. | Thành lập tại Quảng Châu |
| Bị chính quyền Pháp bắt cóc đem về hỏa lò Hà nội. An xá. | 1925 Việt Nam Thanh niên Cách Mạng Đồng Chí Hội. | Nguyễn Ái Quốc | Chống đế quốc. | Lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa. |
| | 1925 Phong trào đòi ân xá cụ Phan Bội Châu. | Thanh niên nam nữ và dân chúng | | Tháng 6 năm 1925 cụ Phan từ Thượng Hải về Quảng Châu dự lễ kỷ niệm Phạm Hồng Thái rồi bị bắt. |
| Bị giam lỏng ở Huế. Đọc văn tế Phan Tây Hồ mất tại Saigon. | 1926 Tân Việt Cách Mạng Đảng. | Trần Phong Tú Kiên | | Đảng thành lập tại Trung bộ. |
| Viết sách, dạy học. | 1926 Nam Đồng Thư Xã. | Hoàng Nhượng Tống Nguyễn Thái Học | | Lấy quốc văn khai hóa dân tâm. |
| Tác phẩm : «Phan Bội Châu niên biểu». | 24-3-1926 Phong trào bãi khóa của học sanh | | đề tang cụ Phan Châu Trinh. | Nhiều cuộc bắt bớ nhiều học sanh bị đuổi khỏi trường. |
| «Khổng học đăng»<br>«Chu dịch chú giải»<br>«Giác quần thư»<br>«Cao đẳng quốc dân» | 1927 Việt Nam Quốc Dân Đảng. | Nguyễn Thái Học<br>Nguyễn Khắc Nhu<br>Phó Đức Chính | Chống đế quốc | Thành lập năm 1927 bị đàn áp năm 1930 |

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUẾ QUANG

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 1927 Hội kín Nguyễn An Ninh. | Nguyễn An Ninh | Dân quyền | Nguyễn An Ninh chết ở Côn đảo tháng 8 năm 1944. |
| | 1928 Đình công nhà máy Aviat, máy Chai, máy sợi Hải Phòng, mỏ than Hòn Gay. | Nhóm Cọng sản Đông Dương | | |
| | Cuối năm 1929 ba nhóm Cọng sản xuất hiện : Nhóm Cọng sản Đông Dương, Nhóm Cọng sản An nam, Nhóm Đông Dương Cọng sản Liên đoàn. | Nguyễn Ái Quốc | Chống đế quốc | Nhóm Cọng sản Đông Dương thành lập sau cuộc đại hội đại biểu của Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội (5-1929). |
| | 6-1-1930 : Ba nhóm Cọng sản thống nhứt để thành lập : Đảng Cọng sản Việt Nam sau cải tổ thành Đảng Cọng sản Đông Dương. | Trần Phú (bí thơ đầu tiên) | | Trần Phú từng bôn ba ở hải ngoại lâu năm. Khi bị bắt bị tra tấn trong 4 tháng chết tại nhà thương Chợ Quán tháng 9 năm 1931. |
| | 9-2-1930 Khởi nghĩa Yên bái, Hưng hóa, Vĩnh Bảo, Phụ Dực. | Việt Nam Quốc Dân Đảng | Chống đế quốc, thành lập V.N. thành nước Cộng Hòa Xã Hội | Nguyễn Khắc Nhu bị bắt đem về Phú Thọ tự tử ở nhà lao. Nguyễn Thái Học bị bắt ngày 28-2 và lên đoạn đầu đài 17-6-1930. |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 3-1930 Cuộc tranh đấu của phu cao su ở đồn điền Phú Riềng. | Đảng Cọng sản Đông Dương | Tăng công cải thiện đời sống | Có nhiều cán bộ của đảng chỉ huy cuộc tranh đấu này. |
| | 3-1930 Bãi công của thợ máy sợi Nam Định. | Đảng Cọng sản Đông Dương | Đòi tăng công | |
| | 3-1930 Cuộc biểu tình của thợ mỏ Đông Dương. | Đảng Cọng sản Đông Dương | Cải thiện đời sống | Bị đàn áp đổ máu |
| | 5-1930 Cuộc bãi công của thợ nhà máy diêm Bến thủy, trong ngày kỷ niệm Ier Mai. | Đảng Cọng sản Đông Dương | | Hưởng ứng ngày lễ Lao Động Quốc Tế. |
| | 5-1930 Cuộc biểu tình của nông dân ở Cao Lãnh, Sa đéc, Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh, Cần thơ, Đức Hòa, Hốc Môn, Bà Điểm. | Đảng Cọng sản Đông Dương và nhóm Nguyễn An Ninh | Đòi giảm địa tô, giảm sưu thuế, cải thiện sanh hoạt | Hưởng ứng ngày Ier Mai Nguyễn An Ninh bị bắt. |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 5-1930 Biểu tình Nông dân Duyên hà (Bắc-Bộ) và đồn điền Kỷ viện (Trung bộ). | Đảng Cọng sản Đông Dương | | |
| | 6-1930 Bãi công của xưởng đóng tàu Ba son, hãng F. A. C. I. thợ xe lửa Dĩ An hãng dầu Saigon. | Đảng Cọng sản Đông Dương | | |
| | 5. 6. 7. 8. 9-1930 Biểu tình liên tiếp của nông dân Hà Tĩnh, Nghệ An, (Nghệ Tĩnh đỏ). | Đảng Cọng sản Đông Dương | | Được hưởng ứng khắp nước, và dư luận thế giới chú ý. |
| | 9-1930 Lập Sô Viết đầu tiên tại làng Võ liệt và khắp Nghệ An, Hà Tĩnh | Đảng Cọng sản Đông Dương | | Năm 1931. ông Paul Reynand Tổng Trưởng bộ Pháp ngoại nói : Ở Đông dương phong trào cọng sản nguy hiểm cho người Pháp hơn phong trào Yên Bái. |
| | 10-1930 Biểu tình nông dân ở Quảng Ngãi. | Đảng Cọng sản Đông Dương | | |
| | 10-1930 Biểu tình đổ máu của nông dân Tiền Hải (Thái Bình) | Đảng Cọng sản Đông Dương | Hưởng ứng Nghệ Tĩnh đỏ | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Thư trần tình gửi «Tổng trưởng Pháp quốc hải ngoại» Paul Reynand qua Huế. «Chính sách Pháp Việt đề huề» không được Chính phủ Thực dân thi hành nên có tình trạng biến loạn trong nước Việt nam. | 1936 — 1939 Phong trào tranh đấu công khai trong thời kỳ Mặt trận Bình dân Pháp ; Đông dương Đại hội, đưa đại biểu Lao Động vào các Hội Đồng thành phố Hội Đồng nhân dân Bắc, Trung bộ, đình công, bãi công, mết tin khắp trong nước<br>5-1937 — Bãi công kéo dài của thợ nhà máy Trường Thi và thợ xe lửa miền Nam Trung bộ. | Tạ Thu Thâu, Nguyễn Văn Tạo, Phan Văn Hùm, Dương Bạch Mai, Phan Anh, Trần Huy Liệu, Vũ Đình Huỳnh, Hải Triều, Huỳnh Thúc Kháng. | Mặt trận dân chủ. Chống Phát Xít chiến tranh chống phản động thuộc địa | Cao trào cách mạng từ đầu năm 1930 cho tới giữa năm 1931. Từ giữa năm 1931 đến cuối năm 1934 phong trào bị đàn áp nên còn lẻ tẻ biên giới Bắc Bộ và Ai Lao. Nhóm họp công khai thành lập riêng ban hành động để đi tới Đông Dương đại hội. Thảo lập dân nguyện Thành lập thơ viện bình dân. Đón rước phái bộ lao—công chuyên sứ Justin Godard. |
| | 1-5-1938 Kỷ niệm công khai ngày Quốc tế Lao Động tại Hội chợ Hà Nội và rạp hát Thành Xương Saigon. | Đảng Cọng sản Đông Dương<br>Các nhóm dân chủ | Đòi cải thiện sanh hoạt và tự do dân chủ | Đến tháng 9 năm 1939 chiến tranh Âu Châu bùng nổ đế quốc Pháp thẳng tay khủng bố cách mạng ở Đông Dương. |
| | 7-1939 Tổng bãi công của thợ thuyền Hải Phòng. | Đảng Cọng sản Đông Dương | Đòi cải thiện sanh hoạt | |
| Phan Bội Châu tạ thế tại Huế. | 29-10-1940<br>23-11-1941 | | | |

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUẾ QUANG

## TỦ SÁCH KINH, LUẬN TẠNG PÀLI

**do Tỷ Kheo THÍCH MINH CHÂU phiên dịch**

*TU THƯ ĐẠI HỌC VẠN HẠNH XUẤT BẢN và PHÁT HÀNH*

*Đã xuất bản:*

# 1. TRƯỜNG BỘ KINH

*(Dìgha-Nikàya)*

— **TRƯỜNG BỘ KINH** *Tập I*
— **TRƯỜNG BỘ KINH** *Tập II*
— **TRƯỜNG BỘ KINH** *Tập III*
— **TRƯỜNG BỘ KINH** *Tập IV.*

# 2. TRUNG BỘ KINH

*(Majjhima-Nikàya)*

— **TRUNG BỘ KINH** *Tập I*

# 3. THẮNG PHÁP TẬP YẾU LUẬN

*(Abhidhammatthasangaha)*

— **THẮNG PHÁP TẬP YẾU LUẬN** *Tập I*
— **THẮNG PHÁP TẬP YẾU LUẬN** *Tập II*

*Sẽ xuất bản:*

— **TRUNG BỘ KINH** *Tập II*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

• Lê Mạnh Thát

# PHẬT GIÁO TRUYỀN VÀO NƯỚC TA TỪ LUC NÀO ? *

NGƯỜI ta cũng có thể giải thích một cách không giải thích kiểu Ma xít pê rô. Dựa vào cái lý luận trộn lẫn giữa « cha nào con nấy » và « một lầm ba bảy cũng lầm », Ma xít pê rô đã truy cái chuyện nguồn gốc « Nhật nam » của huyện Tống bình về đến Tống thư. Từ Tống thư sinh ra những Nguyên hòa quận huyện đồ chí, Cựu Đường thư. v.v... Ông thú thật là, ông không biết, tại sao những tác giả Trung quốc và Việt nam hậu kỳ đã theo lối nhau khẳng định cái thứ nguồn gốc ấy. Tuy thế, ông cũng đã bạo dạn đến nỗi dám cả gan cho rằng, cái nguồn gốc Nhật nam ấy là một sai lầm, không hơn không kém. Nói vậy đương nhiên là không giải thích một tí nào hết, bởi vì nó chỉ « cả vú lấp miệng em ». Thế thì, trước những rắc rối này của huyện Tống bình chúng ta phải giải quyết cách nào? Đầu hết, cần kiểm soát thứ tự ra đời của những tư liệu dẫn trên.

---

* Tiếp theo *Tư Tưởng* số 7 tháng 9 và 10 năm 1973.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Chúng có thể chia thành ba nhóm : Nhóm thứ nhất gồm những tác phẩm viết trước thời Đường và nó có Tống thư của Trầm Ước (441-513) viết về Nam Tề thứ do Tiêu Tử Hiển viết vào thời Lương. Nhóm thứ nhì gồm những gì viết vào thời Đường, đấy là Tùy thơ, Nguyên Hòa quận huyện đồ chí, Lương thư và Trần thư. Nhóm cuối cùng gồm những bộ sách sau đời Đường, đây là Cựu Đường thư, Tân Đường thư và Thái bình hoàn vũ ký. Bằng xếp đặt này, nó trở thành rõ ràng là, Tống thư, là một sử liệu nhà Tống, và xuất hiện sớm nhất dưới thời Đường. Cái nguồn gốc Nhật nam do thế đã bắt đầu từ thời gian này. Điều đáng nói là, Tùy thư viết vào thời Đường, nhưng đã cho biết « cựu trí Tống bình quận, bình Trần quận phế, Đại nghiệp trung trí Giao chỉ quận, ». Tại sao có sự ngược ngạo này ? Trả lời nó, chúng ta phải tìm về cách viết sử của người Trung quốc, và nó không gì hơn là chép lại những tư liệu trước họ. Trong những trường hợp đây, người ta do thế phải kết luận, cái nguồn gốc Nhật nam đã đến chính từ những sổ sách hành chính của nhà Tống. Kết luận này dắt ta đến hệ luận sau, đấy là, để giải đáp câu hỏi trên, chúng ta phải tìm ra lý do tại sao từ Tống bình ở Nhật nam ta có Tống bình ở Giao chỉ của Lương thư, Trần thư, Tùy thư và những cuốn sử địa về nhà Đường như Nguyên hòa quận huyện đồ chí, Tân và Cựu Đường thư và Thái bình hoàn vũ ký.

Chúng tôi đã vạch ra là, nhà Tống không phải là không có lý do để đặt thêm một quận mới ở Nhật nam, nhất là sau trận đánh Phạm Dương Mại của Đàn Hòa Chi vào năm 446 thời Tống Văn đế, trong đó ngay khi chưa xuất quân, « Phạm Dương Mại

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

dâng biểu xin trả lại những đất đã cướp ». Nói cách khác, nhà Tống rất có thể đã đặt một quận hay huyện Tống bình ở địa phận Nhật nam, chứ không phải là không đặt, như Ma xít pê rô đã ăn nói một cách sớn sác về chuyện sai lầm của Tống thư và những người Việt nam và Trung quốc sau nó. Tuy nhiên, khi Đàn Hòa Chi về Trung quốc vào năm 447 sau trận này, ý thức độc lập của nhân dân ta đạt đến một mức cao mới, dẫn cuối cùng đến sự thành công của cuộc vận động tự trị độc lập của Lý Trường Nhân năm 468. Từ năm 468 đến năm 485, lúc nhà Tề cử binh đánh Lý Thúc Hiến, ta có thể nói nước ta giai đoạn đấy là một nước độc lập, dẫu cả Trường Nhân lẫn Lý Thúc Hiến đã không xưng đế và đặt quốc hiệu. Sau năm 485, dù không hoàn toàn thành công như Nhân và Hiến, cuộc vận động tự trị độc lập vẫn tiếp tục. Phục Đăng Chi bắt bỏ tù tên thứ sử Phòng Pháp Thừa, rồi thay là thứ sử vào năm 488. Lý Khải kế nghiệp Chi, lại chống với nhà Lương. Lý Tắc sang bắt chém và thay làm thứ sử. Năm 505 Tiêu Tư thay Tắc. Vậy thì, cuộc vận động kháng chiến vẫn tiếp tục sau năm 485, để cuối cùng kết tinh nên triều đại hoàng đế hùng cứ bắt đầu năm 541 với Lý Bôn và chấm dứt năm 602 với Lý Phật Tử của nhà Tiền Lý. Từ năm 602 khi Lý Phật Tử đầu hàng Lưu Phương cho đến năm 679 khi An nam đô hộ phủ ra đời, tính tự trị của nền hành chính nước ta hình như vẫn bảo tồn, bởi vì năm 679 đấy, Lưu Diên Hựu mới sang làm đô hộ thì bị những người chống thuế giết, sau khi nó giết lãnh tụ Lý Tự Tiên của họ. Sơ lược tình hình chính trị nước ta giữa những năm 420-679, đặc biệt là giai đoạn 468-602, như vậy, người đọc cũng có thể thấy, tại sao những sai

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

lầm hàm hồ về nước ta đã xảy ra trong các cuốn sử Trung quốc. Những cuốn sử này đã chép lại những sự việc từ những sổ sách hành chánh của những triều đại, chúng viết về, vì đấy là cách viết sử của người Trung quốc, như đã nói. « Sử dĩ ký sự », nói theo kiểu Ngô Sỹ Liên nhà ta. Và nếu đã dùng những sổ sách kiểu của nhà Tống từ năm 468, nhà Tề từ năm 479.v.v... cho đến nhà Tùy trước năm 602, thì hẳn nhiên về những sự việc liên quan đến nước ta, nhất là về địa lý, những sổ sách hành chánh của những triều đại vừa kể chắc phải đầy những báo cáo và mô tả tưởng tượng. * Những người như Lý Trường Nhân, Lý Thúc Hiến, Lý Bôn. v.v... cần gì phải báo cáo thiệt với bọn Tầu. Ngay cả thứ sử do bọn chúng cử. Kiểu trường hợp Trầm

---

* Viết Tống thư vào đầu thế kỷ thứ sáu. Trầm Ước đã thú nhận ở quyển 11 tờ 2a6-b2 : « Địa lý tham tại, sự nan cai biện, Ngụy Tấn dĩ lại, thiên tỷ bách kế, nhất quận nhân vi ngũ tứ, nhất huyện cát thành lưỡng tam, hoặc sạ thuộc Kinh dự, Kim lê Ty duyện triêu vi định Quế chi sỹ, tịch vi Lô cửu chi dân khứ lai phần nhiễu, vô tạm chỉ tức bản tịch vi chi hỗn hào, chức nhương sở dĩ bất năng ký, tự nhung địch nội Vũ, hữu tấn đông thiên, trung thổ di manh, bá tỷ giang ngoại U Báo ký Ung Duệ Dự Thanh Từ chi cảnh, U luân khấu nghịch tư phù mạc nhi ký túc phụng thủ, miền thân ư Kinh Việt giả bách quận thiên thành, lựu ngụ tỷ thất, nhân trữ hồng nhạn chi chi ca, Sỹ súc hoài bản chi niệm, mạc bắt các thọ bang ấp tư phục cựu tỉnh, ký nhi dân đơn hộ ước, bất khả độc kiện ; Cố ngụy bang nhi hữu hàn ấp, Tề huyện nhi hữu Triệu dân, thả tỉnh trí giao gia, nhật hội nguyệt tỷ, ký ngụ thiên lưu, khất vô định thác, bang danh ấp hiệu, nan hoặc tường thư, Đại Tống thọ mạng, trùng khải biên tế, Hoài bắc ngũ châu, tiễn vi khấn cảnh, kỳ hoặc bôn vong bá thiên phục lập quận huyện, tư tắc Nguyên gia Thái Thỉ đồng danh dị thật, kim dĩ Ban Cố Mã Bưu nhị chí, Tấn Tống khỉ cư, phàm chư ký chú tất gia suy thảo, tùy điều biện chiết, sử tất cai tường ».

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Hoán chẳng hạn, cũng đã không dám tới, khi người nước ta dưới sự lãnh đạo của Lý Thúc Hiến chống cự lại, và phải chết trong lúc lưu trú tại Uất lâm. Thí dụ điển hình nhất cho những thứ sổ sách tưởng tượng vừa kể không gì hơn là việc bọn Minh, sau khi đã đánh bại và phải rút về, vào năm 1428, vẫn cứ an nhiên đặt cái có thể làm cho những người viết sử, nếu chỉ dựa vào tư liệu của bọn Minh, nghĩ rằng, cuộc kháng chiến chống Minh cứu nước của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Lê Lợi đến năm 1436 mới thành công. Sử liệu của Tầu về giai đoạn 468-602 trên bối cảnh của nó do thế đưa ra khá nhiều nguy hiểm, và những người viết sử phải luôn luôn cảnh giác. Một số tên nghiên cứu tay sai trước đây như Ma xít pê rô cùng một vài tên Nhật như Xu gi mô tô hình như đã luôn luôn dưới sự thúc đẩy của một vài động lực chính trị coi chúng như có giá trị tuyệt đối. May là tổ tiên ta đã biết viết sử.

Một khi những thứ sổ sách tưởng tượng đã giả thiết, những kết luận sau trở thành tất nhiên. Thứ nhất, huyện Tống bình có thể đặt ra, khi Đỗ Huệ Đô hay Đàn Hòa Chi đánh bại Lâm ấp, như một kỷ niệm chiến thắng. Thứ hai, từ năm 468 dưới thời Tống Minh đế cho đến năm 479, lúc Tiêu Đạo Thanh lập nên nhà Tề, toàn bộ đất đai nước ta đang nằm trong tay chính phủ tự trị Lý Trường Nhân và Lý Thúc Hiến. Những báo cáo và mô tả tưởng tượng chắc đã xuất hiện vào lúc này. Chúng là tưởng tượng, rất có thể vì người nước ta không muốn nói thật, như trường hợp những vị vua nhà Trần sau này với những hệ thống tên tuổi ngôi vị bịa đặt để nói cho bọn Tầu nghe của họ, nhưng cũng rất có thể vì người Trung quốc

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

quốc tự ái không chịu thừa nhận sự độc lập của ta, nên tự đúc kết ra những hồ sơ hành chính không thực, kiểu bọn Minh nói trên. Dù với trường hợp nào đi nữa, những hồ sơ hành chính tưởng tượng đã ra đời tối thiểu là vào khoảng nhà Tề ấy. Thứ ba, từ những hồ sơ đó, quận Tống bình của Nhật nam liền biến thành quận Tống bình của Giao chỉ với những huyện của nó như Xương quốc, Nghĩa hoài và Tuy ninh. Và tình trạng này tiếp tục cho đến đời Tùy. Độc sử phương dư kỷ yếu quyển 112 tờ 6b8-7a8 ngay cả có thể bảo rõ ràng là, « Tống bình thành tại phủ (Giao chỉ) nam, Hán Long biên huyện địa, Tống hiếu kiến sơ, chiết trí Tống bình, tầm hựu trí Tống bình quận trị yên ; Lương Trần nhân chi ; Tùy bình Trần, quận phế, huyện thuộc Giao châu, Đại nghiệp sơ vi Giao chỉ quận trị ; Đường Vũ đức ngũ niên, ư huyện trí Tống châu, tinh trí Hoằng nghĩa đẳng huyện... » — thành Tống bình ở phía nam phủ, đất huyện Long biên thời Hán ; khoảng đầu Tống Hiếu kiến (423-425) cắt và đặt Tống bình, rồi lại đặt nó làm thủ đô cho quận Tống bình ; nhà Lương và nhà Trần đều không đổi ; khi Tùy diệt Trần, bỏ quận và đem huyện nó thuộc Giao châu khoảng đầu đại nghiệp (605-608) nó là thủ đô của quận Giao chỉ ; Đường Vũ đức năm thứ 5 (622) ở huyện Tống châu gồm thêm những huyện Hoằng nghĩa v.v... Nói cách khác, sự lộn xộn địa lý đã trở thành một luật lệ mới đến nỗi giữa những năm 605-608 Tống bình đã trở thành thủ đô của quận Giao chỉ, và xin nhớ là, nước ta dưới thời Tùy gồm có 6 quận, mà, ngoài Giao chỉ ra, còn có Cửu chân, Nhật nam, Tỷ cảnh, Hải âu và Lâm ấp. Nhưng đến thời Đường, thì sự lộn xộn tên đất nói trên được nhận thấy. Song thay vì truy

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

nguyên tại sao có sự lộn xộn đó; những người viết sử địa thời Đường, đặc biệt là Lý Cát Phủ với Nguyên hòa quận huyện đồ chí của ông đã làm cho cái đã lộn xộn thành lộn xộn thêm bằng cách cho rằng, cái huyện Tống bình của họ là một huyện nguyên nằm ở Nhật nam, nhưng không giải thích sự xuất hiện đột nhiên của nó ở quận Giao chỉ, mà nhà Đường đổi tên thành Giao châu giữa 7 châu khác. Vậy thì, với ba kết luận vừa kể sự lộn xộn về huyện Tống bình bây giờ trở thành dễ hiểu và dễ nhận. Nó là hậu quả của những thứ hồ sơ tưởng tượng. Dĩ nhiên người ta có thể cãi rằng, nhà Tống với những chiến thắng của Đàn Hòa Chi chẳng hạn không nhất thiết phải đặt tên Tống bình cho những đất do Lâm ấp cướp, để kỷ niệm chiến thắng của họ. Họ có thể làm, như Độc sử phương dư kỷ yếu đã nói, đấy là, « Hán Long biên huyện địa, Tống Hiếu kiến sơ, chiết trí Tống bình ». Và nếu họ làm vậy, thì cũng không có gì kỳ quái cho lắm, bởi vì họ đã gọi một điểm khác là Tống thọ, và nó không liên quan chi hết đến « sự lâu dài của nhà Tống » cả. Cãi thế này, chúng tôi tất không cãi lại được, bởi vì những gì vừa nói là một có thể. Điều đáng chú ý là, chúng ta phải giải thích mọi có thể bằng những dữ kiện hiện còn mà không bạo động, hiếp dâm chúng, kiểu Ma xít pê rô đã làm, như đã thấy. Chúng ta không thể bảo một cách đơn giản một điều gì đó sai, và hy vọng là xong hết mọi chuyện. Vấn đề huyện Tống bình đây cũng vậy. Chúng tôi đã vạch ra một số tư liệu đã nói đến địa điểm Nhật nam của nó, và chúng ta không thể gạt nó đi bằng một khẳng định độc đoán là, chúng sai lầm, với không một bằng cớ khả chứng nào hết, hay tối thiểu với một vài lý do có thể

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

hiểu được. Chúng tôi nghĩ rằng, nguồn gốc Nhật nam của nó không phải là không có thể, dẫu những người viết sử địa về sau đã làm cho nguồn gốc này trở thành như một thứ vô lý và do thế, một thứ sai lầm cần gạt bỏ qua việc họ kết nối Tống bình thời Tống với những Tống bình của những triều đại tiếp theo cho đến thời Đường như một đơn vị đất đai duy nhất, trong khi trình bày lịch sử cái huyện Tống bình thời Đường. Đổi cách nói, họ làm cho ta tưởng là, huyện Tống bình từ thời Tống cho đến Đường nằm ở một miếng đất nào đấy tiếp giáp Nhật nam lẫn Giao chỉ, cho nên nó có thể cắt lui giao tới giữa chúng qua các triều đại ấy. Và chính điều này đã làm cho nguồn gốc Nhật nam của nó khó tin, nếu không là vô lý, bởi vì như đã nói, Giao chỉ và Nhật nam, đã bị Cửu chân cắt đứt một cách dứt khoát, không dính líu gì nhau hết. Điểm đây bây giờ đã trở thành rõ ràng với những bàn cãi trên. Huyện Tống bình như vậy có ít nhất hai lịch sử. Một trước năm 468 chỉ một địa điểm tại Nhật nam ; và một sau năm ấy chỉ một địa điểm tại bình nguyên sông Hồng. Cái huyện Tống bình trong Thái bình hoàn vũ ký tất phải thuộc loại huyện sau năm 468, bởi vì những mô tả của nó phần lớn là về huyện Tống bình, mà Nguyên hòa quận huyện đồ chí cũng như Cựu Đường thư đã nói đến. Xác định xong như thế rồi, câu hỏi lúc này là, vậy thì huyện Tống bình đời Đường nằm ở đâu, mà Nhạc Sử bảo là có thành Nê lê và « tháp và giảng đường do vua A dục dựng ? »

Trả lời câu hỏi đấy, khởi điểm tốt nhất có lẽ là cái toát yếu của Cố Tổ Vũ trong Đọc Sử phương dư kỷ yếu quyển 112

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

tờ 6b8-7a8 dẫn trên, theo đấy « thành Tống bình ở phía nam phủ, đất huyện Long biên thời Hán... » Huyện Tống bình như vậy như được xác định nằm ở một địa điểm nào đó tại huyện Long biên thời Hán. Tiếp đến, nó cho biết, vào khoảng năm 605-608 Tống bình đã từng là thủ đô của quận Giao chỉ. Đã là thủ đô và ở vào huyện Long biên thời Hán, Tống bình do thế chắc không cách xa những thủ đô trước và sau nó như Long biên, Liên lâu và Đại la bao nhiêu. Những mẩu tin này bây giờ có thể kiểm chứng được không? Giải đáp nó chúng ta phải đi ngược lên và tác phẩm đầu tiên chúng ta gặp đầu tiên dĩ nhiên là Thái bình hoàn vũ ký quyển 170 tờ 6b4-7a2 của Nhạc Sử. Theo Sử thì « nhà Tống đặt huyện Tống bình và quận Tống bình ; nhà Tùy bình nhà Trần, đặt nó thành Giao châu ; Thang đế cải làm quận Giao chỉ... Đường Vũ đức năm thứ tư ở huyện Tống bình đặt Tống châu, gồm ba huyện Tống bình, Dẫn giáo và Nam định ; năm thứ năm lại chia Tống bình và đặt hai huyện Giao chỉ và Hoài đức ; năm thứ 6 thêm chữ « nam » cho Tống châu ; Trinh quán năm thứ 1 bỏ châu Nam tống, lấy hai huyện Dẫn giáo và Hoài đức cắt nhập vào huyện Tống bình, dời Giao châu đến ở thành Giao chỉ cũ của thời Hán, đặt lấy hai huyện Tống bình và Nam định thuộc Giao châu. » Cứ vào báo cáo rút ra từ Cựu Đường thư, như đã nói, thì ít nhất cho đến năm 631 huyện Tống bình đang còn có cái vinh dự được gọi là Giao châu hay Giao chỉ một phần đất của nó, và chỉ sau năm đó thì mới có sự « dời Giao châu về thành Giao chỉ cũ thời Hán. » Điều đáng chú ý hơn nữa là, trong khi mô tả về huyện Giao

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

chỉ cũng cùng ở quyển 170 tờ 8a2-b8, Nhạc Sử cho biết, huyện này có « An dương vương cổ thành ». Chi tiết này là đáng chú ý, bởi vì nếu dựa vào Nguyên hòa quận huyện đồ chí quyển 38 tờ 12b3 thì thành đấy lại được đặt vào huyện Tống bình. Việc, cùng một cổ tích xuất hiện ở hai nơi có tên khác nhau theo hai tác giả chỉ sống cách nhau gần hai trăm năm, chứng tỏ một trong hai trường hợp sau : (1) một trong hai tác giả là sai lầm, hay (2) sự chia cắt đổi thay quận huyện làm cho nó hoặc xuất hiện dưới huyện Tống bình hay huyện Giao chỉ. Như Nhạc Sử đã cho thấy, vào năm 621, tức Đường Vũ đức thứ 5, ở huyện Tống bình của quận Giao chỉ đời Tùy, nhà Đường đặt thành Tống châu gồm ba huyện Tống bình, Dẫn giáo và Nam định. Năm sau, tức 622, huyện Tống bình lại chia làm hai huyện mới, đấy là Giao chỉ và Hoài đức. Chỉ đến năm 631 thì huyện Giao chỉ mới tách rời ra những huyện của Tống bình và Tống châu, đấy là Hoài đức, Dẫn giáo và Nam định, và những huyện này được tổ chức lại thành huyện Tống bình gồm thêm hai huyện Hoài đức và Dẫn giáo, và huyện Nam định không thêm bớt. Khi tách ra huyện Giao chỉ trở nên cái gì ? Về lịch sử huyện Giao chỉ, Nhạc Sử cho biết, nó là « đất huyện Liên lâu của quận Giao chỉ thời Hán ; nhà Tùy tạo ra huyện Giao chỉ, ấy là lấy tên quận thời Hán ; Đường Vũ đức năm thứ 4, đặt Từ châu gồm ba huyện Từ liêm, Ô diên và Vũ lập ; năm thứ 6 cải là châu Nam từ ; khoảng đầu Trinh quán bỏ châu, đem ba huyện sáp nhập vào Giao chỉ ». Nói như vậy tức cũng có nghĩa, huyện Giao chỉ, sau khi tách khỏi huyện

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Tống bình, đã được tổ chức lại thành một huyện mới cũng bằng tên Giao chỉ, nhưng đã nới rộng ra, để gồm luôn ba huyện Từ liêm, Ô diên và Vũ lập của Từ châu, lúc châu này bị phế vào cùng khoảng 631 hay sau đó không lâu. Cái đoạn văn về « Trinh quán sơ » trên quả là lôi cuốn, bởi vì nó cho phép ta khẳng định một cách không chối cãi rằng, huyện Giao chỉ nguyên là một phần đất của huyện Tống bình, rồi sau đó được cắt ra và làm thành một huyện độc lập ngang hàng với huyện mẹ của nó, tức Tống bình, vào năm 631, trước khi được nới rộng ra, để gồm luôn cả ba huyện Từ liêm, Ô diên và Vũ lập, của châu Từ bị phế vào « Trinh quán sơ », nghĩa là, vào khoảng từ sau năm 631 cho đến 641 hay chậm hơn.

Với những bàn cãi vừa thấy về lịch sử huyện Giao chỉ, nó trở thành rõ ràng là, cả Lý Cát Phủ lẫn Nhạc Sử, đã không sai lầm trong việc khẳng định thành An dương vương tại huyện Tống bình hay huyện Giao chỉ, Thành ấy có thể nằm vào huyện Tống bình, nếu huyện này là huyện trước năm cắt xén 631. Nó cũng có thể nằm vào huyện Giao chỉ, sau khi huyện đấy tách rời khỏi huyện Tống bình sau năm 631. Trường hợp thứ nhất nêu trên do thế hoàn toàn có thể loại bỏ, và trường hợp thứ hai có thể hoàn toàn được chứng thực. Một khi đã chứng thực, những khẳng định của Độc sử phương dư kỷ yếu về « thành Tống bình ở phía nam phủ, đất huyện Long biên đời Hán...khoảng đầu Đại nghiệp, là thủ đô quận Giao chỉ » có thể được soi sáng một cách đáng chú ý. Thứ nhất, vì huyện Giao chỉ tách ra từ tống bình và huyện này với ba huyện nới rộng Từ liêm, Ô diên và Vũ lập của nó

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

được xác định là nằm trong những huyện phía đông tỉnh Sơn tây và phía tây tỉnh Hà đông, huyện Tống bình, nếu nằm ở phía nam thủ đô Giao châu và trong đất huyện Long biên thời Hán, như thế phải được đặt vào những huyện phía đông tỉnh Hà đông hiện nay với một vài thêm bớt nới rộng nào đó về cả bốn phía đông, tây, nam, bắc. Thứ hai, vì đã từng là thủ phủ của Giao châu hay quận Giao chỉ và đã từng gồm huyện Giao chỉ dưới quyền nó, thì bảo rằng huyện Tống bình nằm ở phía đông tỉnh Hà đông, có lẽ không đưa ra một khó khăn nào, dẫu nói thế tức cũng chưa xác định một cách chắc chắn gì hết. Ở giai đoạn này, cần vạch ra cái việc vua Gia Long, sau khi thu hồi toàn vẹn lãnh thổ về cho nhà Nguyễn đã đổi vào năm 1803 phủ Phụng thiên của nhà Lê thành phủ Hoài đức với ba huyện Thọ xương, Vĩnh thuận và Từ liêm. Phủ Hoài đức này phải chăng tương đương với huyện Hoài đức nói trên của huyện Tống bình thời Đường ? Ma xít pê rô có sẵn câu trả lời : những phủ huyện ấy không dính líu gì nhau hết. Tại sao ? Vì chúng không dính líu, thế thôi ! Một lần nữa, chúng ta phải cảnh giác trước những thứ ăn nói hàm hồ hàm chứa này. Dĩ nhiên, vì gồm luôn cả huyện Từ liêm, phủ Hoài đức của vua Gia Long chắc chắn đã nới rộng ra khá nhiều và rất có thể gồm những đất đai của huyện Giao chỉ bàn trên. Tuy thế, nếu giả thiết địa phận phía đông tỉnh Hà đông với một vài thêm bớt có thể của nó cho huyện Tống bình của chúng tôi là khả nhận, thì người ta không có lý do gì, không khẳng định, phủ Hoài đức của vua Gia Long quả đã một phần nào ăn hợp với huyện Hoài

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

đức thời Đường. Những nhà địa lý học lịch sử nước ta vào đầu thế kỷ thứ 19 do vậy chắc hẳn đã có một kiến thức khá rõ ràng và chín chắn về những tên đất Việt nam dùng qua lịch sử các triều đại, chứ không phải là không có, như những tên nghiên cứu tay sai kiểu Ma xít pê rô hay Ma đờ rôn nói trên đã lớn tiếng bập bẹ phàn nàn.

Đến đây, câu hỏi, huyện Tống bình nằm ở đâu, đã được trả lời một phần nào. Song, chỉ nói rằng, nó nằm ở phía đông tỉnh Hà đông với một vài thêm bớt có thể, tức cũng chưa xác định rõ cho lắm. Ngoài ra, câu trả lời ấy lại phần lớn rút ra từ hai tư liệu khá hậu kỳ, đấy là Thái bình hoàn vũ ký và Độc sử phương dư kỷ yếu, đặc biệt là tư liệu sau, bởi vì nó do Cố Tổ Vũ viết xong khoảng năm 1678. Về điểm đầu, chúng tôi sẽ có dịp nói rõ thêm dưới đây. Về điểm sau, tính hậu kỳ của Độc sử phương dư kỷ yếu đã được chúng tôi kiểm soát với những dữ kiện của Thái bình Hoàn vũ ký, và Thái bình hoàn vũ ký đến lượt nó lại được trắc nghiệm bằng Cựu Đường thư và Nguyên Hòa quận huyện đồ chí. Nguyên hòa quận huyện đồ chí cố nhiên là tác phẩm địa lý khá xưa và có những mẫu tin đáng chú ý về huyện Tống bình. Chính bằng về việc kể đến cổ thành An dương vương ở huyện Tống bình của nó, mà chúng ta có thể kết nối huyện Giao chỉ với huyện Tống bình một cách cụ thể và chắc chắn không chối cãi, như đã thấy trên Tùy thơ, Trần thơ, Lương thơ cũng như Nam Tề thơ và Tống thơ đã không cho ta những chi tiết cần thiết đáng muốn cùng những xác định minh bạch, để cuối cùng dẫn đến những rắc rối trước,

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

mà người đọc đã có cơ hội thưởng thức. Chúng vì vậy không thể dùng cho việc kiểm soát trực tiếp và chi tiết những tư liệu như Nguyên hòa quận huyện đồ chí. Tuy nhiên trước Lý Cát Phủ không lâu, Đỗ Hựu, (735-812) với bộ thông điển của ông đã để lại một vài chi tiết khá lôi cuốn, dù không đầy đủ, cho việc kiểm soát vừa nói. Ở quyển 184 tờ 50a9-13 ông cho biết về lai lịch của An nam đô hộ phủ, và hình như cho đến khoảng tối thiểu năm 679 đô hộ phủ này vẫn còn đóng thủ phủ của nó tại huyện Tống bình — An nam phủ kim lý Tống bình huyện —, cả sau khi cho tách rời huyện Giao chỉ ra khỏi Tống bình. Chi tiết này phải kể là đáng chú ý, nhất là khi nó cho phép ta trả lời điểm đầu một cách chắc chắn hơn, như sẽ thấy sau, Thế thì, dẫu là hậu kỳ, Độc sử phương dư kỷ yếu và Thái bình hoàn vũ ký vị tất là đã không thể được kiểm chứng. Thông điển và Nguyên hòa quận huyện đồ chí đã xác nhận cho sự đúng đắn đáng tin của chúng. Những kết luận rút ra từ những bàn cãi trên do thế cần được chúng ta nghiên cứu kỹ lưỡng hơn, không những vì chính nhu cầu của một hiểu biết chính xác về địa lý học lịch sử nước ta, mà còn vì vấn đề địa điểm thành Nê lê trên.

Như đã nói, thành Nê lê được Nhạc Sử đặt vào huyện Tống bình, và chúng ta đã thành công một phần nào trong việc đồng nhất huyện này với địa phận phía đông tỉnh Hà đông ngày nay. Chúng ta cũng đã nhận thấy thêm là, đồng nhất như thế tức cũng chưa xác định một cách rõ ràng đáng muốn. Vấn đề vì thế được đặt ra như: chúng ta có thể biết rõ gì thêm hơn về huyện Tống bình trong khuôn khổ địa phận hiện nay của nó

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

hay không ? Giải đáp câu hỏi này, chúng ta cần củ soát lại những mốc giới dễ nhận, mà những nhà địa lý học thuở xưa đã ghi lại. Thứ nhất, theo Đỗ Hựu, Lý Cát Phủ, Nhạc Sử và Cô Tổ Vũ thì huyện Tống bình ít nhất cho đến năm 679 đang còn là thủ phủ của Giao châu và An nam đô hộ phủ. Thứ hai, theo Lý Cát Phủ, nó có thành cũ của An dương vương, mà Nhạc Sử đã đặt vào huyện Giao chỉ. Thứ ba, cũng theo Phủ, nó có sông Tô lịch, mà bản in ngày nay đã viết thành sông Tô tân. Thứ tư, theo Nhạc Sử, nó có thành Nê lê. Về mốc giới thứ nhất, nó không gì hơn là vấn đề vị trí thành Đại la. Ma xít pê rô trong bài báo dẫn trên đã dài dòng bàn về nó, đặc biệt là câu hỏi nó ở phía hữu ngạn hay tả ngạn sông Hồng. Thủ đô Hà nội ngày nay dĩ nhiên là ở phía nam, tức hữu ngạn, sông Hồng, và nó đã thành hình, sau khi bọn xâm lược Pháp cho triệt hạ hết mọi thành quách của Bắc thành do Nguyễn Văn Thành dưới lệnh của Gia Long xây vào năm 1803. Công tác xây thành này hao tổn rất đắt không những đối với lịch sử Phật giáo Việt nam và Phật giáo đồ Việt nam, mà còn đối với lịch sử dân tộc Việt nam và người Việt nam, bởi vì để xây thành đấy, Nguyễn Văn Thành đã cho triệt hạ chùa Đằng châu và nhất là tháp Báo thiên, một trong bốn đại khí của Việt nam. Bốn đại khí ấy, bọn xâm lược Minh cho phá hủy hết hai cái, đây là chuông Quy điền và đỉnh Phổ minh. Tháp Báo thiên trải qua mọi hưng suy từ quân Mông cổ hung hãn háo chiến cho đến vua Quang Trung cải cách vẫn đứng làm nơi quy hội cho tinh thần dân tộc. Với việc dời kinh đô vào Huế phải chăng vua Gia Long muốn hủy diệt

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

một lần cuối cùng những ngưỡng vọng về nơi chôn nhau cắt rốn của toàn dân tộc của mọi người Việt nam, nên mới ra lệnh cho phá hủy ngôi tháp vĩ đại này ? Chính sách này của Gia Long đã dẫn đến những hậu quả hết sức trầm trọng. Năm 1804, ông cho phá hủy tháp Đồ sơn do vua Lý Thánh Tôn dựng để lấy vật liệu xây thành Hải dương. Ba năm sau, tức năm 1807, thầy Hải Bích ở chùa An dược tỉnh Hải dương khởi nghĩa. Năm 1817, thay Hà Liễu vận động phục hồi nhà Lê với Lê Duy Hoán. Tuy những cuộc khởi nghĩa này thất bại vì lực lượng Phật giáo thời bấy giờ chia rẽ nhau, điển hình là những thư từ qua lại giữa Gia Long và một số lãnh tụ Phật giáo, mà chứng tích ta còn tìm thấy trong một lá thư viết vào năm 1815 giữa những bản văn của Châu bản triều Nguyễn, chúng đã cho thấy một phần nào phản ứng của giới Phật giáo lúc bấy giờ. Thành Hà nội như vậy xây dựng trên một cơ sở hết sức lung lay. Ta được bảo, nó xây theo mô hình của thành nhà Lê ; thành nhà Lê lại nói xây theo thành nhà Lý ; và thành nhà Lý lại là một lần đổi tên của thành Đại la. Thành Đại la lại có thể truy về Trương Bá Nghi năm Đại lịch thứ hai, tức năm 767. Từ Trương Bá Nghi cho đến khi Cao Biền chính thức xây dựng nó vào khoảng năm 867, trong khoảng thời gian này ta thấy thành Đại la, hay ít nhất thủ phủ của An nam đô hộ phủ, đã bị dời qua dời lại sông Hồng những vài lần. Chẳng hạn, Cựu Đường thư quyển 17 tờ 8b3 cho biết « Bản lịch nguyên niên... Lý Nguyên Hỹ tấu di đô hộ phủ ư giang bắc ngạn ». Việc này theo sử ta như Đại Việt sử lược quyển 1 tờ 10b6-7 thì không gì hơn là, « Nguyên Hỹ vi An

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

nam đô hộ, dĩ thành môn hữu nghịch thủy, khủng châu nhân đa xuất phản bạn, nhân bốc kim thành thời phương trúc tiểu thành tương giả... » Điểm đáng chú ý với những bàn cãi của chúng ta nằm ở chỗ, trong khi Cựu Đường thư nói như vậy, Tân Đường thư quyển 43 thượng tờ 9b7-8 lại bảo, « Bảo lịch nguyên niên, di trị Tống bình ». Chi tiết này nói là đáng chú ý, bởi vì nó cho phép ta xác định một cách rõ ràng hơn biên giới huyện Tống bình. Vì Lý Nguyên Hỹ dời thủ phủ lên miền Bắc sông Hồng và thủ phủ đó vẫn còn nằm trong huyện Tống bình, huyện Tống bình như vậy đã vượt khỏi địa phận tỉnh Hà đông ngày nay, để ăn thâm lên địa phận tỉnh Bắc ninh ở huyện Gia lâm. Thế thì, với mốc giới thứ nhất này về thành Đại la, chúng ta biết thêm là, ngoài địa phận miền đông tỉnh Hà đông ra, huyện Tống bình phải gồm ít nhất thêm khoảng đất phía tây nam tỉnh Bắc ninh.

Tiếp đến, mốc giới thành An dương vương. Nó tương đối khó xác định nhất, bởi vì chúng ta không có những tư liệu thành văn chính xác đáng tin. Dẫu vậy, nếu từ Hà nội đi ngược lên khoảng vài ba cây số tới ga Xuân kiều tỉnh Phúc yên, ta bỏ ga Xuân kiều và đi bộ thêm hai cây số nữa thì gặp làng Cổ loa với đền thờ An dương vương của nó. Đền thờ này có thể coi là một biểu thị nào đó cho thành An dương vương không ? Trả lời câu hỏi này, cách hay nhất dĩ nhiên là thử khai quật vài địa điểm khá hứa hẹn của làng đó. Vì chưa làm được và vì không biết những học giả miền Bắc nước ta đã thực hiện nó chưa, chúng tôi trong tình trạng hiện tại chỉ biết dè dặt giả thiết là, địa điểm

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

làng Cổ loa ấy đáng nên coi như một ước điểm cho cái thành An dương vương nói trên. Tất nhiên, giả thiết này có thể là sai. Song vì không có một dữ kiện nào chống lại nó, chúng tôi tạm thời chấp nhận. Một khi đã giả thiết như vậy, địa phận phía đông nam tỉnh Phúc yên phải được đặt vào huyện Giao chỉ, nếu không là huyện Tống bình. Huyện Giao chỉ thời Đường do đó, ngoài huyện Phúc thọ và Thạch thất tỉnh Sơn tây và huyện Đan phượng và Hoài đức tỉnh Hà đông, đáng nên gồm cả huyện Yên lãng và Đông anh tỉnh Phúc yên. Từ xác định này, huyện Tống bình, khi đang chứa cả huyện Giao chỉ, phải trải dài cho đến ít nhất những huyện phía nam của tỉnh Phúc yên, trong đó có làng Cổ loa và thành An dương vương. Về mốc giới thứ 3, đấy là sông Tô lịch, nó không đưa ra một khó khăn nào đáng chú ý, vì nó là tên sông Hồng lúc sông Hồng chảy qua Hà nội. Điều đáng nói là, cái tên Tô lịch này không biết qua những biến hóa nào ngày nay đã trở thành cái tên cho một con người cạn cợt chảy từ hồ Tây xuống tới sông Nhuệ và đổ vào sông này ở khúc gần Phủ lý, Thường tín và Thanh oai. Những tráo trở này đưa ra khá nhiều nguy hiểm cho công tác nghiên cứu những vấn đề kiểu vấn đề huyện Tống bình ở đây. Về mốc giới cuối cùng nó dĩ nhiên là vấn đề đối diện đang bắt buộc chúng ta phải giải quyết. Vậy thì, sau khi đã xác định được một phần nào vị trí của huyện Tống bình, chúng ta phải xác định thành này ở đâu ?

Để trả lời nó, chúng ta nghĩ, chúng ta phải tra kê những địa điểm khảo cổ học có thể của những tỉnh, mà chúng ta đã

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

phần nào đặt vào dưới tên huyện Tống bình. Tỉnh Phúc yên và Sơn tây, chúng tôi đã nói tới. Một vài địa điểm ở địa phận tây nam tỉnh Bắc ninh là đáng nghiên cứu, nhưng chúng tôi không tra kê chúng ra được, vì không chắc chắn. Còn lại như vậy là tỉnh Hà đông, một phần nào tỉnh Hưng yên và rất có thể miền bắc tỉnh Hà nam, đặc biệt là tỉnh Hà nam này. Ở Hà đông, ngoài chùa Hương tích, ta có chùa Trầm ở núi Tử trầm và chùa Quảng nghiêm hay chùa Trâm gian ở Trúc sơn. Ở Hưng yên ta có đền thờ Chữ Đồng Tử ở làng Đa hòa tổng Mễ sở phủ Khoái châu và chùa Chuông ở làng Nhân dục. Địa điểm Mễ sở này đáng được nghiên cứu, để biết xem tại sao lại có đền thờ ấy và nó có hứa hẹn một địa điểm khảo cổ học hay không. Về chùa Chuông, nó là đáng chú ý, bởi vì làng Nhân dục đã từng là phố Hiến hay đúng hơn là ở bên cạnh phố Hiến ; và phố Hiến như ta biết, là nơi tu tập những khách buôn ngoại quốc thế kỷ thứ 17. Phải chăng đây là một hậu thân của việc Chữ Đồng Tử và Tiên Dung buôn bán với người nước ngoài vào thời đại « Hùng Vương » ? Phải chăng giữa đò Mễ sở và tỉnh lỵ Hưng yên có một thành tên là Nê lê, nơi tụ tập của những khách buôn ngoại quốc ? Những câu hỏi này đang đợi chờ câu trả lời, mà một tra kê những địa điểm đáng chú ý của Hà nam đã tỏ ra khá hứa hẹn. Trên bờ sông Lập nối sông Phủ lý về phía bắc với sông Hồng và cách huyện lỵ Duy tiên không xa ta có hai ngọn núi, đấy là Đội sơn và Đội điệp. Cả hai ngọn núi này đều có chùa, nhưng chùa núi Đội sơn nổi tiếng hơn, bởi vì nó là nơi vua Lý Nhân Tôn cho dựng chùa và tháp Sùng thiện diên

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

linh năm 1121, mà sau này, khi bọn Minh xâm lược phá hủy vào năm 1413, đã được vua Lê Thái Tổ cho cho sùng tu lại và vua Lê Thánh Tôn cho dựng bia ghi công vào năm 1467. Đội sơn cũng là nơi các vua nhà Lý ngự tới xem cá, chắc là cá sông Lấp hay sông Hồng, nếu không là sông Phủ lý. Tuy nhiên, điều đáng chú ý hơn hết về địa điểm Đội sơn nằm ở chỗ, chính tại một sở ruộng chung quanh nó, mà vua Lê Đại Hành đã tìm thấy một hũ vàng bạc, trong khi làm lễ hạ điền vào năm 987. Theo Đại Việt sử lược quyển 1 tờ 20a2-3 thì « Thiên phúc thất niên, vương sơ canh tịch điền ư Đội sơn, đắc kim ngân úng nhất canh ư Bà hối sơn, đắc úng nhất, danh kỳ địa viết kim ngân điền » — Thiên phúc năm 7, vua ban đầu cày tịch điền ở Đội sơn, được vàng bạc một hũ ; cày ở núi Bà hối, được một hũ khác ; bèn gọi đất ấy là ruộng vàng bạc. Núi Bà hối ngày nay chưa thể đồng nhất được. Nhưng về Đội sơn thì không còn nghi ngờ gì nữa. Nó là Đội sơn ngày nay... Việc, vua Đại Hành cày được một hũ vàng bạc xung quanh Đội sơn, là đáng chú ý bởi vì nó điểm chỉ cho ta biết về phương diện khảo cổ học tối thiểu sự hiện diện của một số người giầu có sống chung quanh vùng, mà đã vì một lý do nào đấy đã phải chôn vùi vàng bạc của họ với hy vọng có thể tìm lại sau đó. Và từ đó những thửa ruộng loại này đáng được khai thác và khai quật một cách có hệ thống. Chúng làm cho ta nhớ lại sự tìm được những đồ kim thuộc người Keo ở nước Anh. Tháng 11 năm 1948 một nông dân ở đồi Ken vùng Xít nét ti sem miền Noóc fuốc đã cày ruộng anh ta sâu tới 30 phân, thay vì 17 phân như thường lệ, thì tình

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

cờ lật lên được bu hũ chứa đựng đồ trang sức bằng vàng và tiền trự. Hai năm sau, anh ta cày sâu thêm hai phân rưỡi nữa và lật được thêm hai hũ mới... Tất cả những đồ này anh bán lại và nhận được 2250 đồng Anh kim.

Với những củ soát trên, nó trở thành rõ ràng là, chúng ta chỉ có thể giải quyết những câu hỏi đề ra trước một cách dứt khoát và đáng tin, nếu những địa điểm hứa hẹn một ý nghĩa khảo cổ học vừa thấy được khai thác và khai quật. Do thế, những bàn cãi trên, không thể làm gì hơn là điểm chỉ một số những địa điểm ấy. Những địa điểm này dĩ nhiên chưa hẳn là đã hoàn toàn đại biểu, mặc dù chúng đã nằm trong giới hạn huyện Tống bình. Chẳng hạn, trong dãy núi Tam đảo ta có ba ngọn núi cao nhất, đấy là ngọn Thạch bàn, Phù nghĩa và Thiên thụ ; và ở dưới chân ngọc Thạch bàn có một ngôi làng tên làng Sơn đình. Tại làng này có một ngôi chùa tên chùa Tây thiên. Ngoài tên Tây thiên, chùa ấy còn gọi là chùa Địa ngục. Tại sao lại có tên chùa Địa ngục ? Đã là chùa, thì thiếu gì tên, mà phải gọi bằng cái tên Địa ngục ? Chúng ta hiện nay dĩ nhiên không thể trả lời những câu hỏi ấy một cách luận lý, với những thứ lý luận thông thường. Chúng bắt buộc phải đi vào khía cạnh truyền thuyết huyền thoại về sự khai sinh của những thứ tên loại đó, mà trong trường hợp này có lẽ sẽ bắt đầu như « người ta đã gọi như thế vì xưa kia nó đã gọi như thế v.v... » Nói cách khác, cái tên Địa ngục rất có thể đã là một cái tên lâu đời sống sót lại với người dân làng qua việc cha truyền con nối. Chúng tôi chưa có cơ hội tìm ra cái truyền thuyết huyền thoại vừa

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

nói. Tuy thế, nếu chú ý, người ta có thể nhận ra ngay một liên lạc nào đó giữa cái tên Địa ngục đây và cái tên thành Nê lê trên. Chúng tôi đã vạch ra là, Nê lê là một phiên âm tiêu chuẩn Trung quốc của chữ *naraka* tiếng phạn, và *naraka* có nghĩa là địa ngục. Phải chăng thành Nê lê đã xuất hiện ở một vị trí nào đó xung quanh chùa Địa ngục này ? Phải chăng chùa Địa ngục là một hậu thân của những tháp và giảng đường do « A dục dựng ?» Chúng tôi tất không thể trả lời được những câu hỏi ấy ở giai đoạn này, bởi vì chúng đòi hỏi những nghiên cứu tại chỗ. Cố nhiên, núi Tam đảo ở vào phía bắc tỉnh Vĩnh yên và do thế rất có thể đã nằm ngoài địa phận huyện Tống bình. Dẫu vậy, với tất cả những khó khăn và bất xác của vấn đề nghiên cứu ở đây, chúng tôi nghĩ, chúng ta có lẽ không nên loại bỏ một khả hữu khá thật và gợi ý nào hết. Về chùa Địa ngục và chùa Sơn đỉnh, tuy khá xa xuôi, là một khả hữu khá gợi ý ấy.

Thế thì, bằng những đồng nhất và kiểm tra sơ lược trên về huyện Tống bình cũng như thành Nê lê, hai địa điểm nổi bật nhất cho công tác nghiên cứu khảo cổ học của ta tất phải là Đội sơn, Đội điệp và Thạch bàn, Sơn bình, mặc dù khoảng cách giữa chúng rất dễ làm ta nghi ngờ về ngay cả sự lệ thuộc huyện Tống bình của chúng. Cố nhiên, như chúng tôi đã nói nhiều lần sự đúng đắn hay sai lầm của những đồng nhất và kiểm tra chỉ có thể giải quyết một cách dứt khoát bằng chính công tác khai quật những địa điểm vừa nói. Việc kiểm thảo tư liệu và xác định vị trí của huyện Tống bình đến đây như vậy có thể nói là đã thỏa mãn một phần nào vấn đề sửa soạn cho công tác tìm

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

lại địa điểm thành Nê lê với « tháp và giảng đường do A dục dựng » của nó. Tuy nhiên, trong khi làm nó, chúng ta đã hoàn toàn dựa vào cái báo cáo dẫn trên của Nhạc Sử. Sử đã đặt mẫu tin của Lưu Hân Kỳ dưới những mô tả về huyện Tống bình, dẫu rằng cái tên Tống bình này, ngay cả không có mặt, lúc Kỳ viết cuốn sách Giao châu ký của ông. Kỳ, như đã thấy, nói đến huyện Định an và thành Nê lê của huyện này. Đặt thành đấy vào huyện Tống bình và coi như một cổ tích của nó, Nhạc Sử chắc hẳn đã muốn đồng nhất huyện Định an với huyện Tống bình. Điều đáng tiếc là, ông đã không bao giờ thử giải thích, làm sao một đồng nhất như thế lại có thể. Chúng tôi đã vạch ra ở trên là, phần địa lý của Tống thư vẫn còn giữ lại cái tên huyện Định an, trong khi báo cáo sự ra đời của huyện Tống bình. Dẫu vậy, chúng tôi đã một phần nào thành công qua những bàn cãi vừa thấy trong việc giải thích sự có thể của một đồng nhất loại đó, tiến đến việc giả thiết một số những địa điểm khai quật khảo cổ học khả hữu nêu trên. Công tác bây giờ nằm ở chỗ thử kiểm chứng giải thích ấy. Nó nhằm đến không những sự kiểm chứng của việc đồng nhất huyện Tống bình với huyện Định an của Nhạc Sử, mà còn đến giá trị và tính có thể của những địa điểm khảo cổ học của ta. Những địa điểm này được truy nhận qua những mẫu tin căn bản của Nhạc Sử. Do thế, nếu Nhạc Sử sai lầm, thì toàn bộ những kết luận đạt được trên sẽ hoàn toàn sụp đổ và không giá trị. Vậy, chúng ta may mắn có một báo cáo xưa hơn Nhạc Sử gần tới 500 năm, đấy là báo cáo của Lê Đạo Nguyên trong Thủy kinh chú, mà chúng tôi đã có dịp vạch ra trước.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Lê Đạo Nguyên mất khoảng năm 529, vì thế không cách xa tác giả Giao châu ký bao nhiêu, điểm đáng chú ý là, tuy Nguyên có dẫn Lưu Hàn Kỳ nhiều lần, ông đã không nói gì hết về xuất xứ của cái báo cáo về thành Nê lê của chúng ta. Nguyên ghi lại sự có mặt của thành này nhân dịp nói về con lạch Đô quan tắc, nếu không là về con sông gọi là « Trung thủy ». Ngay ở điểm đây, ta đã thấy sự rắc rối, mà Lê Đạo Nguyên sắp trình diện. Ông cũng cho biết thành đó ở huyện An định, trên đường chảy về của một trong hai con sông ấy. Thế thì, huyện An định ở đâu ? Giải đáp nó, chúng ta ngày nay hầu như không có một tư liệu khác và chi tiết hơn là Thủy kinh chú, bởi vì Lê Đạo Nguyên đã cho kê khai những địa danh cũng như những cổ tích trong liên hệ với những bàn cãi của ông về hệ thống thủy đạo tại miền bắc nước ta. Con lạch Đô quan tắc và con sông mệnh danh Trung thủy là một số giữa những con sông của hệ thống ấy. Giải thích và đồng nhất hệ thống này không phải là dễ dàng gì, không những vì cách hành văn rắc rối dễ lẫn lộn của Lê Đạo Nguyên, mà còn vì sự liên quan mật thiết giữa những mốc giới cổ tích và những con sông của hệ thống đó. Chẳng hạn, không những vì cách hành văn, mà ta không biết một cách đích xác xem, con lạch Đô quan tắc hay con sông tên Trung thủy chảy qua huyện An định, như đã thấy ; trái lại nếu muốn định vị những dòng nước ấy, chúng ta ít nhất cũng phải có vài kiến thức về những mốc giới hay cổ tích kiểu huyện An định và thành Nê lê của nó. Ngày nay chúng ta hình như hoàn toàn mù mờ về huyện cũng như thành ấy, nhưng lại muốn truy

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

cứu chúng qua việc định vị những giòng nước Đô quan tắc và Trung thủy ! Trong tình trạng hiện tại, đây có lẽ là cách duy nhất, tuy có vẻ hơi điên rồ và khờ dại. Và chúng ta bắt buộc phải khởi hành từ nó, dùng những báo cáo về hệ thống thủy đạo của Lê Đạo Nguyên làm tiêu chuẩn bàn cãi. Người đọc sẽ có dịp thấy, tại sao từ những báo cáo ấy những kết luận khác nhau kiểu của Ma đờ rôn đã được rút ra, tạo nên thêm những lộn xộn khó tin trên. Như thế, hệ thống thủy đạo tại miền Bắc nước ta vào đầu thế kỷ thứ 6 như thế nào theo Lê Đạo Nguyên ?

Chúng ta có thể trả lời một cách vắn tắt là, nó bắt đầu với con sông tên Diệp du. Sông Diệp du « phát xuất từ địa phận phía bắc huyện Diệp du của Ích châu, ngoạch theo hướng đông bắc của huyện mà chảy, qua tới huyện Bất vi, về phía đông nam thì ra khỏi địa phận Ích châu mà đi vào phía bắc huyện Tây tùy quận tường kha, trở thành sông Tây tùy. Sông này lại chảy ra phía đông tới cửa Tấn tang, qua tới phía bắc huyện Mê linh của Giao chỉ, phân làm năm sông chảy dàn trong quận Giao chỉ đến phía nam lại hợp thành ba sông, chảy vào biển phía đông». — (Ích châu Diệp du hà xuất kỳ huyện bắc giới khuất tùng huyện đông bắc lưu, quá Bất vi huyện đông nam xuất Ích châu giới, nhập Tường kha quận Tây tùy huyện bắc, vi Tây tùy thủy, hữu đông xuất Tấn tang quan, quá Giao chỉ Mê linh huyện bắc, phân vi ngũ thủy, lạc Giao chỉ quận trung, chí nam giới, phục hiệp vi tam thủy, đông nhập hải). Đoạn văn vừa dẫn là từ Thủy kinh của một tác giả vô danh viết khoảng giữa những thế kỷ thứ 2 và thứ 3 mô tả về lưu đạo của sông

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG Thư Viện

Diệp du. Khúc văn lôi cuốn sự chú ý của ta dĩ nhiên là, « qua tới phía bắc huyện Mê linh của Giao chỉ, nó chia làm năm sông chảy lan ra trong quận Giao chỉ, đến địa phận phía nam thì hợp lại làm ba sông, chảy hướng đông vào biển ». Khúc văn vừa nói được Lê Đạo Nguyên bình giải như sau trong Thủy kinh chú quyển 37 tờ 5a2-9b3 : « Bắc nhị thủy tả thủy đông bắc kênh Vọng hải huyện nam, hựu đông kênh Long huyện bắc, hựu đông hợp Nam thủy, thủy tự Mê linh huyện đông kênh Phong khê huyện bắc, hựu đông kênh Lãng bạc, hựu đông kênh Long uyển huyện cố thành nam, hựu đông tả hiệp Bắc thủy, kỳ thủy hựu đông kênh Khúc dương huyện đông lưu chú vu Lãng uất. Kinh ngôn, vu quận đông, giới phục hiệp vi tam thủy, thử kỳ nhị (bk. nhất) giả. Kỳ thứ nhất thủy đông kênh Phong khê huyện nam, hựu tây nam kênh Tây vu huyện nam, hựu đông kênh Luy lâu huyện bắc, hựu đông kênh bắc đái huyện nam, hựu đông kênh Khể từ huyện, Kinh thủy chú di, thủy xuất Long biên huyện Cáo sơn đông nam lưu nhập Khể từ huyện chú vu Trung thủy. Trung thủy hựu đông kênh Luy lâu huyện nam (Giao châu ngoại vức ký viết, huyện bản Giao chỉ quận trị giả ; Lâm ấp ký viết, (bkt. huyện bản) tự Giao chỉ nam hành, Đồ quan tắc phổ xuất yên) kỳ thủy tự huyện đông kênh An định huyện bắc (Bắc ?) đái Trường giang (Giang trung hữu Việt vương sở đào đồng thuyền, triều thủy thối thời, nhân hữu kiến chi giả) kỳ thủy hựu đông lưu (cách thủy hữu Nê lê thành ngôn Á dục vương sở trúc giả, hựu đông nam hợp Nam thủy, Nam thủy hựu đông nam kênh Cửu đức quận bắc (Giao châu ngoại vức ký

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

viết, Giao chỉ quận giới hữu Phù nghiêm cứu tại quận chi bắc cách độ nhất giang, tức thị thủy giả) Giang thủy đối Giao chỉ Chu diên huyện, hựu đông kênh Phố dương huyện bắc, hựu đông kênh Vô thiết huyện bắc, kỳ thủy hựu đông kênh Cú lậu huyện, huyện đái Giang thủy, Giang thủy đối An định huyện (Lâm ấp ký sở vị ngoại Việt, An định, Kỹ lật giả dã) hựu đông dự Bắc thủy hiệp, hựu đông chú Uất loạn lưu nhi thô hỷ, thử kỳ tam giả, Bình toát thông xưng, đồng qui Uất hải, cố Kinh hữu « nhập hải » chi văn hỷ ».

Đấy là đoạn bình giải của Lê Đạo Nguyên về khúc văn trên. Chúng tôi đã cho dẫn những bình giải liên hệ với hệ thống thủy đạo và loại bỏ hầu như hoàn toàn những giải thích cũng như ghi chú về địa danh, lịch sử, cổ tích, v.v... không liên quan mật thiết với với vấn đề bàn cãi của chúng ta, tuy rất là lôi cuốn. Những giải thích và ghi chú có liên hệ chúng tôi cho dẫn và đặt trong dấu móc. Đọc lấy nguyên văn bản chữ Hán vừa dẫn, người ta có thể thấy cách hành văn mập mờ và lộn xộn như thế nào. Dĩ nhiên, nếu chúng ta là những người sống thế kỷ thứ 6 và biết một cách thực sự và chắc chắn những cái huyện do Lê Đạo Nguyên dẫn ra, thì nó có lẽ không khó khăn gì mấy trong việc vẽ lại và đồng nhất những giòng nước những huyện ấy. Bất hạnh là chúng ta không phải là những người thế kỷ thứ 6 và không biết địa phận của những huyện đó, cho nên hệ thống thủy đạo của những giòng nước trở nên như một cục tơ rối bù. Trước đây, Ma xít pê rô đã dịch đoạn bình giải ấy cho Ma đờ rôn và ông đã có thể cùng với Ma đờ rôn phân biệt

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

ra thành năm đoạn nói về năm con sông, mà Thủy kinh đã nói tới, đấy là (1) Tả thủy, (2) Nam thủy, (3) Kỳ thú nhất thủy, (4) Kình thủy và (5) Trung thủy. Từ cơ sở của sự phân biệt và cắt nghĩa này, Ma đờ rôn đã không ngần ngại đồng nhất Tả thủy với sông Cả lồ, Nam thủy với sông Cầu, Kỳ thú nhất thủy với sông Đuống, Kinh thủy với sông Cầu và Trung thủy với sông Thái bình. Ma đờ rôn như vậy coi hệ thống thủy đạo sông Diệp du không gì hơn là hệ thống thủy đạo sông Thái bình, trừ hai con sông Lục nam và Thương. Chính bằng xác định này cọng thêm với một vài do dự gợi ý của Ma xít pê rô, mà Ma đờ rôn đã đồng nhất Thành Nê lê trên với Đồ sơn. Câu hỏi bây giờ là, những đồng nhất và cắt nghĩa ấy có thể được chấp nhận hay không? Trả lời câu hỏi này có lẽ không khó khăn gì cho lắm, bởi vì, như đã nói, Ma đờ rôn đã hầu như dựa hoàn toàn vào Ma xít pê rô, để rút ra những kết luận của ông, nhưng đã không có một khả năng nghiên cứu của Ma xít pê rô, dẫn cuối cùng đến những nhầm lẫn buồn cười vạch trước. Về phía Ma xít pê rô, ông hình như đã muốn đồng nhất con lạch Đô quan tắc với sông Đáy hay một chi nhánh của nó. Tuy nhiên vì ông không bàn cãi rộng rãi về nó, chúng ta không cần phải dài dòng nhận xét thêm ở đây. Điểm đáng nói lúc này nằm ở chỗ, trong đoạn bình giải Lê Đạo Nguyên đặc biệt chú trọng thực sự đến câu « đến phía nam họp lại thành ba sông » hơn là câu « qua tới phía bắc huyện Mê linh của Giao chỉ phân làm năm sông chảy lan ra trong quận Giao chỉ », bởi vì ít nhất ta đọc nhấn mạnh « thử kỳ nhị giả » hay « thử kỳ tam giả ». Nói

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

một cách khác, nếu muốn cắt nghĩa đoạn bình giản ấy, chúng ta phải chia đoạu ấy ra làm ba hơn là năm khúc khác nhau, như Ma xít pê rô đã làm (11).

Vậy thì, chúng ta phải truy cứu hệ thống thủy đạo do Thủy kinh và Lê Đạo Nguyên trình bày trên như thế nào ? Giải quyết nó, chúng tôi thiết nghĩ, chúng ta cần phải biết một cách sơ lược hệ thống thủy đạo hiện nay của miền bắc nước ta. Có thể nói, nó gồm hai hệ thống chính. Hệ thống thứ nhất là hệ thống sông Thái bình, mà Ma đờ rôn đã cố gắng đồng nhất với hệ thống Diệp du của Lê Đạo Nguyên. Hệ thống thứ hai là hệ thống sông Hồng. Nó gồm có sông Hồng, sông Đà về hữu ngạn, sông Lô, sông Gầm và sông Cháy về tả ngạn. Đà, Lô và Hồng gặp nhau ở Việt trì, chảy xuống Hạ mỗ gặp sông Đáy, rồi xuống Hà nội gặp sông Đuống kết nối nó với hệ thống sông Thái bình. Ở điểm này nếu chỉ dựa vào báo cáo của Thủy kinh mà thôi, thì ta chắc hẳn có thể đồng nhất ngay lập tức hệ thống sông Hồng này với hệ thống sông Diệp du, bởi vì sông Diệp du « phát xuất từ địa phận phía bắc huyện Diệp du Ích châu quặt theo hướng đông bắc của huyện mà chảy tới huyện Bất vi về phía đông nam thì ra khỏi địa phận Ích châu mà đi vào phía bắc huyện Tây tùy quận Tường kha trở thành sông Tây tùy, lai hướng đông chảy ra của Tần tang qua tới phía bắc huyện Mê linh của Giao chỉ thì phân làm năm sông chảy lan ra trong quận Giao chỉ, tới phía nam thì hợp thành ba sông, hướng đông chảy vào biển. Dĩ nhiên, cái câu « phân vi ngũ thủy ; lạc Giao chỉ quận trung » giả thuyết rằng năm con sông ấy phải chảy rằng

rịt nhau qua quận Giao chỉ, bởi vì chữ « lạc » trong đó bao hàm ý nghĩa của nhiều dòng. Tuy thế, nó không nhất thiết đòi hỏi rằng, năm con sông ấy phải chảy qua Giao chỉ như năm con sông độc lập, bởi vì chữ « lạc » đồng thời cũng có nghĩa là « dây buộc », đặc biệt là dây buộc ngựa. Dây buộc thường thì có nhiều tao. Việc, sông Diệp du « phân làm năm sông, chảy lan ra trong quận Giao chỉ », do vậy rất có thể điểm chỉ là, sau khi đã chia làm năm sông, đấy là Đà, Hồng, Cháy, Lô và Gầm ở Việt trì đi ngược lên, sông Diệp du chảy qua quận Giao chỉ, rồi, « hợp lại » ở phía nam làm ba sông đấy là Đáy, Hồng và Đuống. Chúng tôi không chối cãi là, cách cắt nghĩa này có vẻ hơi khá ép uổng, nếu không là bạo động và hiếp dâm. Dẫu vậy vì miền bắc nước ta chỉ hai hệ thống thủy đạo và hệ thống thủy đạo sông Thái bình đã tỏ ra không thể đồng nhất một cách đơn thuần được thì chúng ta chỉ còn cách lá thử đồng nhất với hệ thống thủy đạo sông Hồng và nghiên cứu xem những bình giải của Lê Đạo Nguyên có cho phép ta làm một việc như thế không ?

(*Còn tiếp*)

LÊ MẠNH THÁT

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

• Lê Kim Ngân

# LƯỢC KHẢO NỀN GIÁO DỤC CỔ THỜI TẠI VIỆT NAM *

### 3.— Đặc điểm thứ ba là phương pháp giáo dục qui ước

Sách *Khổng tử gia ngữ*, thiên Đệ tử hạnh, XII chép rằng : «Cách dạy người của Khổng tử trước hết dùng Thi, Thư mà dạy, rồi lấy hiếu đễ mà đạo dẫn người ta, lấy nhân nghĩa mà giảng dụ, lấy lễ nhạc mà khiến người ta xem xét, sau cùng mới lấy văn lấy đức mà làm cho nên người ».

« Kinh Thi là những bộ sách chép bài ca, bài dao, từ Thượng cổ đến đời vua Bình vương (770-722 trước Tây lịch) nhà Chu. *Xem Kinh thi thì biết những tình tình, phong tục và chính trị các đời và các nước chư hầu ở nước Tàu* ». (1)

---

* Tiếp theo *Tư Tưởng* số 7

(1) Trần Trọng Kim, *Nho giáo*, quyển thượng; trang 192.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

« Kinh Thư là bộ sách chép những điển, mô, huấn, cáo, thệ, mệnh của vua tôi dạy bảo khuyên răn nhau, từ đời vua Nghiêu vua Thuấn cho đến đời Đông Chu. *Sách này là một bộ sử rất có giá trị, khiến cho hậu thế có thể biết được cái tư tưởng của cổ nhân về đạo lý, chế độ và phép tắc từ đời nọ qua đời kia, hiểu được sự tiến hóa của dân tộc Tàu cứ từ từ mỗi đời một khác* »
(theo Trần Trọng Kim, Nho giáo, quyển thượng, trang 191).

Như vậy rõ ràng Khổng tử đã soạn hai bộ kinh này cốt để đưa ra những mẫu người lịch sử và xã hội lý tưởng theo quan niệm Nho giáo ngõ hầu cho môn đồ của ngài lấy đó làm gương mà noi theo. Ông thầy cũng lấy đó làm chuẩn tắc mà giáo dục học trò của mình theo như đức hạnh của các nhân vật đó, hành sử mọi việc, giải quyết mọi vấn đề ở đời theo như khuôn mẫu đề ra trong các kinh đó (1).

Sau đây là một tỷ dụ về phương cách dùng kinh điển nho giáo trong việc giảng dạy của nho sĩ :

« Mạnh tử nói rằng : « Có nhân thì vinh, bất nhân thì nhục. Hiện nay (các vua đều) ghét nhục mà lại ăn ở bất nhân, như vậy có khác chi mình ghét chỗ ướt át, mà lại cứ ở nơi thấp. Nếu (thực lòng) ghét điều ấy, thì chi bằng quí trọng người có đức,

---

(1) Từ thời Tây Hán (202 trước Tây lịch — 8 sau T.L) trở về sau kinh điển chính thức của Nho giáo để làm chuẩn tắc cho việc giáo dục gồm có *Tứ thư* và *Ngũ kinh* :

— *Tứ thư* là Đại học, Luận ngữ, Trung dung và Mạnh tử

— *Ngũ kinh* là kinh Thi, kinh Thư, kinh Lễ, kinh Dịch và kinh Xuân thu.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

tôn sùng kẻ sĩ phu, đặt người hiền vào địa vị (xứng đáng), để người có tài vào chức phận (đúng chỗ). Nhân lúc quốc gia nhàn hạ, làm sáng tỏ việc hình chính. (Như thế thì) dẫu nước lớn cũng phải e sợ vậy».

« Kinh Thi có nói : «Thừa lúc Trời chưa có mây mưa, mà đi ngắt vỏ rễ cây dâu kia, đem về che chắng chịt ở cửa sổ và cửa cái. Từ nay về sau (trong) hạ dân có ai dám khinh nhờn ta? »

« Khổng tử nói : « Người làm ra thơ này là người biết đạo (trị quốc) chứ gì? Kẻ biết trị quốc, thì ai còn dám khinh nhờn mình ? »

« Nay là lúc quốc gia nhàn hạ (các vua lại nhân đó) vui chơi, bê trễ (việc nước), khinh ngạo (dân chúng), thế thì tự rước lấy họa vậy. Họa, phúc đều do ở nơi ta tự rước lấy vậy ! »

« Kinh Thi có nói : « Lời nói bao giờ cũng phải hợp mạng trời, (đó là) tự cầu nhiều phúc vậy ».

« Thiện Thái giáp (trong kinh Thư) có viết : « Trời làm ra ác nghiệt, còn có thể tránh được, tự mình làm ra ác nghiệt, chẳng thể sống được. Mấy (lời) này chứng thực (cho lời nói của ta) vậy ».

«Mạnh Tử viết : « Nhân, tắc vinh ; bất nhân, tắc nhục. Kim ố nhục, nhi cư bất nhân ; thị du ố thấp, nhi cư hạ dã. Như ố chi, mạc như quí đức nhi tôn sĩ, hiền giả tại vị, năng giả tại chức. Quốc gia nhàn hạ, cập thị thì, minh kỳ chính hình. Tuy đại quốc tất úy chi hỷ.

Thi vân : « Đại thiên chi vị âm vũ, triệt bỉ tang đỗ, trù mâu dũ hộ. Kim thử hạ dân, hoặc cảm vũ dư ? ». Khổng tử viết :

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

« Vi thử thi giả, kỳ tri đạo hồ ? Năng trị kỳ quốc gia, thùy cảm vũ chi ? »

Kim quốc gia nhàn hạ, cập thị thì, ban lạc, đãi, ngạo, thị tự cầu họa dã. Họa phúc vô bất tự cầu chi giả.

Thi vân : « Vĩnh ngôn phối Mạng, tự cầu đa phúc »

Thái giáp viết : « Thiên tác nghiệt, du khả vi ; tự tác nghiệt bất khả hoạt »

(*Mạnh tử*,Thử chi vị dã, *Công tôn Sửu thượng*, quyển 2, IV).

Như vậy ta thấy rõ ràng Mạnh tử đã viện dẫn lời trong *kinh Thi*, *kinh Thư* để làm chuẩn tắc mà giảng dạy cách trị quốc cho các vua đương thời.

Nhà nho coi kinh điển Nho giáo như những *giáo điều* cần phải ép mình tuân hành và tích cực phổ biến sâu rộng trong quần chúng. Để việc phổ biến này nhanh chóng, hiệu quả và quảng bá, nho sĩ phải dùng đến những lời *biện thuyết sắc bén* chinh phục người nghe, dùng những lý luận cụ thể lôi cuốn người đối đáp theo chiều hướng biện giải của mình, rồi dùng những *khuôn mẫu luân lý*, *đạo lý* Nho giáo sẵn có để hướng người đã nghe theo mình đi vào phương thức lễ nghi, lề lối suy tư theo Nho giáo đã định :

— Lời đối đáp sau đây giữa Mạnh tử và Lương Huệ vương cho ta thấy rõ phương cách biện thuyết sắc bén và dùng lý luận cụ thể để thuyết phục người nghe của nhà Nho :

« Lương Huệ vương nói : Quả nhân xin được yên tâm nghe lời dạy bảo ».

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

« Mạnh tử hỏi : « Giết người bằng gậy với giết người bằng dao có khác nhau chăng ?

« Đáp : Không khác gì cả.

« Giết người bằng dao với giết người bằng hình chính, có khác nhau chăng ?

« Đáp : Không khác gì cả.

« Nói : Bếp (nhà vua) có thịt béo, tàu (nhà vua) có ngựa mập dân (của vua) có sắc đói, ngoài đồng ruộng có kẻ chết đói la liệt. Vậy chẳng khác nào khiến thú vật ăn thịt người. Loại thú ăn thịt lẫn nhau, người ta còn ghét chúng thay. Làm cha mẹ dân, thi hành hình chính sao để chẳng cản được việc khiến thú vật ăn thịt người há đáng làm cha mẹ dân sao ? »

(Lương Huệ vương viết : Quả nhân nguyện an thừa giáo».

Mạnh tử đối viết : « Sát nhân dĩ đỉnh dữ nhận, hữu dĩ dị hồ ?

Viết : Vô dĩ dị dã.

— Dĩ nhân dữ chính, hữu dĩ dị hồ ?

Viết : Vô dĩ dị dã.

Viết : « Bào hữu phì nhục, cứu hữu phì mã, dân hữu cơ sắc, dã hữu ngạ biểu. Thử suất thú nhi thực nhân dã. Thú tương thực, thả nhân ố chi. Vi dân phụ mẫu hành chính bất miễn ư suất thú nhi thực nhân, ô tại kỳ vi dân phụ mẫu dã ? »

(*Mạnh tử*, Lương Huệ vương thượng, quyển I,IV).

Nhiều khi ta còn thấy Mạnh tử cố bảo vệ « giáo điều » Nho giáo do Khổng tử đề ra, dù phải dùng cả đến phương cách ngụy biện ! Tỉ dụ sau đây đã chứng tỏ điều này :

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

Mạnh tử vẫn dẫn lời Khổng tử, khen vua Thuấn là người có hiếu (1). Vì thế Vạn chương (2) mới hỏi rằng :

«Kinh Thi có chép rằng: « Cưới vợ thì làm sao? Tất phải thưa trước với cha mẹ ». Chiếu lời nói này, ông Thuấn lẽ ra phải tuân theo hơn ai hết mới phải. (Thế mà) ông Thuấn lại không thưa trước với cha mẹ mà cứ lấy vợ, như vậy là làm sao ?» Vạn chương vấn viết : Thi vân : « Thú thê như chi hà ? Tất cáo phụ mẫu ». Tín tư ngôn dã nghi mạc như Thuấn. Thuấn chi bất cáo như thú, hà dã ?) (3)

Mạnh tử thật lúng túng trước câu hỏi nầy. Ông đã phải viện dẫn « giáo điều » về bất hiếu của Khổng tử trong kinh Lễ để ngụy biện như sau :

«Nếu thưa trước thì chẳng được phép cưới vợ. Nam nữ thành gia thất là mối luân lý trọng đại của con người vậy. Nếu thưa trước (với cha mẹ), tất bỏ mất mối luân lý trọng đại của con người, để rồi làm cha mẹ buồn giận. Cho nên chẳng thưa trước với cha mẹ vậy ». (Cáo tắc bất đắc thú. Nam nữ cư thất, nhân chi đại luân dã. Như cáo, tắc phế nhân chi đại luân, dĩ đối phụ mẫu, Thị dĩ bất cáo dã) (4)

Và rồi cũng nhận thấy lối biện luận gượng gạo của mình, Mạnh tử phải nói thêm trong một đoạn khác : « Bất hiếu có ba

---

(1) *Khổng tử*, *Trung dung*, chương XVII : « Cái nết hiếu thảo của vua Thuấn thật lớn thay » (Thuấn kỳ đại hiếu dã dư !)

(2) Vạn chương là một môn đệ của Mạnh tử.

(3) (4) *Mạnh tử*, Vạn chương thượng, quyển 5, II

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

điều (1). Trong ba điều ấy, vô hậu là tội lớn hơn cả. Ông Thuấn không thưa trước ( với cha mẹ ) mà cứ cưới vợ, là vì ( muốn tránh tội) vô hậu vậy. Cho nên người quân tử cho điều ấy cũng như là đã có thưa trước rồi vậy. » (bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại, Thuấn bất cáo nhi thú, vị vô hậu dã. Quân tử dĩ vi du cáo dã) (*Mạnh tử*, Ly lâu thượng, quyển 4, XXVI ).

Nguyên ông Thuấn lấy con gái vua Nghiêu, nhưng biết cha mẹ không bằng lòng, ông vẫn cứ lấy mà không thưa chuyện này trước với cha mẹ ông. Ông Thuấn vẫn thường được Khổng tử và Mạnh tử ca ngợi là người chí hiếu. Thế mà trong việc lấy vợ, hành động của ông Thuấn lại trái với điều hiếu dạy trong *kinh Thi*. Mạnh tử đã cố biện giải cho hành động « bất cáo nhi thú » của vua Thuấn bằng cách dựa một giáo điều khác của Khổng giáo trong kinh Lễ để hàm ý rằng nếu vua Thuấn tuân lời cha mẹ mà không lấy con gái vua Nghiêu thì sẽ phạm phải tội bất hiếu lớn hơn, đó là tội vô hậu. Giữa hai điều bất hiếu (bất cáo nhi thú và vô hậu), vua Thuấn đã bỏ điều hiếu nhỏ (xin phép cha mẹ trước khi cưới vợ) để theo điều hiếu lớn (lấy con vua Nghiêu để sinh con nối dõi tông đường). Nói như Mạnh tử thì ông Thuấn, nếu không lấy con vua Nghiêu,

---

(1) Theo kinh Lễ, người mang tiếng bất hiếu, phạm một trong ba điều sau:

(a) Làm chuyện bậy bạ khiến cho cha mẹ mang nhục.

(b) Nhà nghèo, cha mẹ già yếu, nhưng không ra làm quan để nuôi cha mẹ.

(c) Vô hậu, tức không cưới vợ sinh con, chịu tuyệt tự chẳng có con cháu để cúng tế tổ tiên (dẫn theo Đoàn Trung Còn, bản dịch Mạnh tử, quyển thượng, trang 35).

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

nước Trung hoa thời đó đã hết cả con gái để ông Thuấn lấy làm vợ rồi chăng ! Hoặc giả nếu có còn con gái cho ông Thuấn lấy thì họ hẳn là không thể để con cho ông Thuấn có người nối dõi tông đường, nên sẽ phải phạm tội vô hậu nếu không lấy cho được con vua Nghiêu vậy !

Lối lập luận trên của Mạnh tử càng cho ta thấy quan điểm của nhà Nho là đòi hỏi một người phải toàn hảo về đủ mọi mặt, nhất là phải tuân theo đúng những giáo điều của Nho giáo ghi trong kinh truyện. Cho dẫu sử có chép một nhân vật lịch sử như ông Thuấn, một người quân tử lý tưởng được Khổng tử tôn sùng, có hành động hiển nhiên trái với giáo điều Khổng giáo, thì môn đồ Khổng tử có bổn phận phải dùng mọi lập luận, cho dù có « cưỡng từ đoạt lý » đi nữa, để thuyết phục mọi người tin là một người quân tử Nho giáo bao giờ cũng hành động đúng giáo điều Nho giáo vậy !

Đã quan niệm một con người như vậy, thì trách nào phương pháp giáo dục Nho giáo chẳng rập khuôn theo quy lệ sẵn có và giáo điều cố định cho được !

● Ứng dụng lề lối dạy dỗ qui ước và giáo điều này trong việc giáo hóa con em, các nhà Nho Việt nam đã giảng dạy ra sao ?

Khi thu nhận một môn đồ, ông thầy Việt nam thời xưa nhằm đào tạo người học trò này sao cho đạt được hai mục đích :

— *Mục đích lý tưởng* : Đào luyện đứa nhỏ trở thành môn đồ Khổng Mạnh để khi thành tài sẽ đem giáo lý Thánh hiền truyền bá cho dân chúng.

— *Mục đích thực tiễn* : Dạy cho học trò mình qui luật thi cử cùng các sách giáo khoa Nho giáo liên hệ tới việc khoa cử

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

để người học trò đó thể đậu được các kỳ thi do triều đình tổ chức, nhất là kỳ thi Hương. (1)

Với hai mục đích đó, phương pháp giảng dạy của ông thầy thời xưa xoay quanh hai điểm chính :

— Trước nhất là rèn luyện cho đứa nhỏ vào *khuôn phép lễ nghi Nho giáo*. Cho nên trước hết ông thầy phải dạy học trò lễ nghĩa (tiên học lễ hậu học văn) rồi sau mới dạy đến văn từ. Khi đứa nhỏ đã quen với nề nếp lễ nghi sơ đẳng của Nho giáo và tập quen với những nét chữ của chữ Hán, ông thầy mới bắt đầu dạy cho học trò mình *giáo lý Nho giáo* như những nhận định của Nho gia về bản tính con người (2) về nguồn gốc vũ trụ, về sự vận hành của trời đất (3). Đó là những bài học triết lý rất khó hiểu đối với đầu óc non nớt của đứa nhỏ mới sáu, bảy cho tới chín, mười tuổi đầu. Nhưng với lối dạy « nhồi sọ » và « tằm ăn lá», ông thầy cứ nhắc đi nhắc lại những câu Thánh hiền ghi trong kinh điển Nho giáo, ép buộc học trò luôn phải thuộc lòng kèm với roi vọt, và các hình phạt khác về thể xác thật nặng nề ; đứa nhỏ đành phải nhai đi nhai lại những lời thầy dạy mà nhiều khi không hiểu một chút gì về ý nghĩa trong những lời giáo huấn đó. Do phương pháp kiên nhẫn và diên trì giảng dạy này của các vị thầy đồ, học sinh dần dần thâm nhiễm tư tưởng Nho

---

(1) Về các sách giáo khoa cổ thời và các kỳ thi xưa (Hương, Hội, Đình) chúng tôi sẽ có dịp đề cập tới một cách kỹlưỡng trong phần sau của bàinày.

(2) Ngay khi bắt đầu học chữ, học sinh thường phải học thuộc lòng những câu trong cuốn *Tam tự kinh*. Cuốn này mở đầu bằng câu sau nói về bản tính con người : Nhân chi sơ, tính bản thiện... (con người lúc ban đầu, tính vốn thiện).

(3) Sau khi theo học « cửa Khổng sân Trình » được ít năm, cỡ chừng 10 tuổi trở lên, học sinh đã phải học tới kinh, truyện Nho giáo để biết lý thuyết nho gia về nguồn gốc vũ trụ, sự vận hành của Trời Đất (Kinh Dịch), cùng triết lý về mọi vấn đề.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THƯ VIỆN HUỆ QUANG

giáo, vỡ nghĩa các lời giáo huấn của Thánh hiền lúc nào không hay và rồi cũng dần dần từ hành động, lời nói cho tới lề lối suy tưởng, người theo học Nho nhất nhất đều rập theo khuôn mẫu do các vị tiên hiền Nho giáo đề ra mà không tự ý thức, lại coi những điều đó là những điều tự nhiên, không cần phải thẩm định lại nữa.

— Sau nữa, ông thầy cố rèn luyện cho môn đồ mình cách *làm văn, làm thơ, phú* cùng các qui luật trường thi để chúng có thể thi đậu được các kỳ thi Hương, Hội, Đình, và các ông thầy coi đó là kết quả cụ thể và thành công của công lao giáo huấn của họ. Chính vì thế, khi học trò đã học hết các sách giáo khoa cần thiết cho việc thi cử, ông thầy thời xưa thấy không còn gì phải giảng dạy hơn nữa, ngoài việc tổ chức các buổi ôn tập, làm văn sách ngõ hầu sửa soạn cho học trò đi thi khỏi bỡ ngỡ trước những qui luật tại thi trường. Lối dạy này lâu dần biến học trò thành những « chuyên viên thi cử », giới hạn kiến thức học sinh vào những sách giáo khoa khoa cử và khiến họ chuyên về lối học từ chương, làm văn cho kêu, luyện lời cho đẹp, tầm chương trích cú trong sách thánh hiền để dẫn chứng cho hay ngõ hầu có thể dễ dàng đề tên bảng hổ (1).

Đó là phương pháp giáo dục về mặt hình thức tại nước ta suốt từ thời Hậu Lê cho đến hết thời Nguyễn tự chủ. Phương pháp này qua năm thế kỷ liên tiếp của thời kỳ Nho giáo không hề thay đổi : nó đã trở thành qui lệ truyền thống được các ông thầy Nho giáo kế truyền nhau noi theo. *(Còn tiếp)*

LÊ KIM NGÂN

---

(1) Ngày xưa thí sinh thi đậu kỳ thi Hương thì tên yết trên bảng mặt sau vẽ đầu con hổ.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

# TƯ TƯỞNG

**Năm thứ VI, Số 8 và 9 ngày 11 tháng 1 năm 1974.**

## MỤC LỤC


| | | |
|---|---|---|
| 1.— Ý NGHĨA NGÀY KỶ NIỆM PHAN BỘI CHÂU | Tư Tưởng | 3 |
| 2.— DÂN TRỊ VÀ QUÂN TRỊ HAI CHỦ NGHĨA, HỒN MỘT TÂM | Nguyễn Đăng Thục | 5 |
| 3.— VỤ ÁN PHAN BỘI CHÂU VÀ PHONG TRÀO DÂN CHÚNG VẬN ĐỘNG XIN ÂN XÁ CHO CỤ NĂM 1925 | Nguyễn Khắc Ngữ | 29 |
| 4.— ĐÍNH CHÍNH MỘT VÀI SỰ KIỆN LIÊN QUAN ĐẾN ĐỜI CÁCH MẠNG CỦA SÀO NAM PHAN BỘI CHÂU | Đông Tùng | 65 |
| 5.— MỘT SỐ GIẢ THUYẾT VỀ PHAN BỘI CHÂU VÀ PHONG TRÀO DUY TÂN | Vũ Đức Bằng | 83 |
| 6.— PHAN BỘI CHÂU VỚI BÀI HỌC CÁCH MẠNG DÂN TỘC | Nguyễn Quang Tô | 103 |


TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

7.— SƯU TẬP VÀ ĐỀ GIẢI CÁC TRƯỚC TÁC PHẨM CỦA PHAN BỘI CHÂU — Thích Nguyên Hồng — 129

8.— THANH NHÀN NGỘ, SỰ GẶP GỠ GIỮA CỤ PHAN BỘI CHÂU VÀ CỤ TRẦN QUÝ CÁP — Lê Xuân Giáo — 142

9.— VỊ HÒA THƯỢNG KHUYẾT DANH — Viên Giác — 149

10.— CẢM TÁC (*thơ*) — Bút Trà — 155

11.— NIÊN BIỂU TÁC PHẨM PHAN BỘI CHÂU — Tư Tưởng — 161

12.— VIỆT NAM CÁCH MẠNG SỬ ĐỒ — Tư Tưởng — 165

13.— PHẬT GIÁO TRUYỀN VÀO NƯỚC TA TỪ LÚC NÀO? *(tiếp)* — Lê Mạnh Thát — 177

14.— LƯỢC KHẢO NỀN GIÁO DỤC CỔ THỜI TẠI VIỆT NAM *(tiếp)* — Lê Kim Ngân — 207

---

*CHÚ THÍCH VỀ HÌNH ẢNH:*

Hình bìa : Sào Nam Phan Bội Châu ; Người sáng tác văn phẩm cách mạng nhiều nhất khoảng 1904—1925 (hình chụp sau một cơn bệnh năm 1938).

— Trang 157 : Ông Già Bến Ngự (lúc cụ Phan bị giam lỏng tại Huế).

— Trang 158 : Tây Hồ Phan Chu Trinh (1872 — 1926) người chủ trương Duy Tân đất nước và chọn con đường tranh đấu công khai.

— Trang 159 : Bia mộ cụ Phan Bội Châu ở Bến Ngự.

— Trang 160 : Nguyễn Thượng Hiền đỗ thi Hội 1885. Xuất ngoại hoạt động cách mạng, thay Phan Bội Châu điều khiển VNQPH trong thời gian cụ Phan ở ngục Quảng châu. Về sau cụ đi tu và mất ở Hàng châu.

**GIÁ 350 $**

*In tại Ấn Quán VẠN HẠNH 222, Trương Minh Giảng — Saigon 3*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

THƯ VIỆN HUỆ QUANG

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

**TỦ SÁCH KINH TẠNG PÀLI**

**do Tỷ Kheo THÍCH MINH CHÂU phiên dịch**

*TU THƯ ĐẠI HỌC VẠN HẠNH XUẤT BẢN*

---

*Đã xuất bản :*

## • Bộ I, TRƯỜNG BỘ KINH

*(Dìgha-Nikàya)*

— **TRƯỜNG BỘ KINH** *Tập I*

— **TRƯỜNG BỘ KINH** *Tập II*

— **TRƯỜNG BỘ KINH** *Tập III*

— **TRƯỜNG BỘ KINH** *Tập IV*

## • Bộ II, TRUNG BỘ KINH

*(Majjhima Nikàya)*

— **TRUNG BỘ KINH** *Tập I*

*Sẽ xuất bản :*

— **TRUNG BỘ KINH** *Tập II*

THƯ VIỆN HUỆ QUANG
TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM